ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

NGUYỄN THỊ HOÀNG YẾN

BỘ TIỂU THUYẾT TÌNH BÁO *ÔNG CỐ VẤN* CỦA HỮU MAI TỪ GÓC NHÌN THỂ LOẠI

LUẬN VĂN THẠC SĨ VĂN HỌC

Chuyên ngành: Lý luận văn học

Mã số : 60 22 01 20

Người hướng dẫn khoa học: PGS. TS. Lý Hoài Thu

Hà Nội - 2012

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

NGUYỄN THỊ HOÀNG YẾN

BỘ TIỂU THUYẾT TÌNH BÁO *ÔNG CỐ VẤN* CỦA HỮU MAI TỪ GÓC NHÌN THỂ LOẠI

LUẬN VĂN THẠC SĨ VĂN HỌC

Chuyên ngành: Lý luận văn học

Mã số : 60 22 01 20

Người hướng dẫn khoa học: PGS. TS. Lý Hoài Thu

Hà Nội - 2012

LỜI CẢM ƠN

Em xin trân trọng cảm ơn PGS.TS. Lý Hoài Thu, người trực tiếp hướng dẫn, chỉ dạy em trong quá trình nghiên cứu và thực hiện đề tài *Bộ tiểu thuyết tình báo **Ông cố vấn** của Hữu Mai từ góc nhìn thể loại*. Nhờ sự quan tâm, động viên của cô, em đã hoàn thành luận văn này.

Em xin chân thành cảm ơn các thầy cô trong Hội đồng bảo vệ đề cương tháng 4/ 2011. Nhờ sự nhiệt tình chỉ dẫn của các thầy cô, em đã khắc phục được những thiếu sót trong luận văn.

Xin cảm ơn sự hỗ trợ quý báu về mặt tinh thần của gia đình, bè bạn và đồng nghiệp để tôi hoàn thành tốt công việc của mình.

Hà Nội, tháng 1/ 2013

Người viết luận văn

Nguyễn Thị Hoàng Yến

MỤC LỤC

Trang

MỞ ĐẦU 3

1. Lý do chọn đề tài 3

2. Lịch sử vấn đề 5

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu 7

4. Phương pháp nghiên cứu 8

5. Đóng góp của luận văn 8

6. Kết cấu luận văn 9

NỘI DUNG 10

CHƯƠNG 1. BỘ TIỂU THUYẾT TÌNH BÁO *ÔNG CỐ VẤN* TRONG BỐI CẢNH TIỂU THUYẾT CHIẾN TRANH CÁCH MẠNG VIỆT NAM 10

1.1. Diện mạo tiểu thuyết chiến tranh Cách mạng Việt Nam 10

1.1.1. Đôi nét về đặc trưng thể loại và tiến trình tiểu thuyết Việt Nam hiện đại 10

1.1.2. Tiểu thuyết chiến tranh Cách mạng Việt Nam 15

1.2. Mảng tiểu thuyết tình báo và vị trí của tiểu thuyết *Ông cố vấn* 18

1.2.1. Tiểu thuyết tình báo trong nền văn học Việt Nam 18

1.2.2. Tiểu thuyết "Ông cố vấn" và vị trí của nó trong mảng tiểu thuyết tình báo Việt Nam 27

CHƯƠNG 2. BỘ TIỂU THUYẾT TÌNH BÁO *ÔNG CỐ VẤN*

VÀ VẤN ĐỀ PHẢN ÁNH HIỆN THỰC 31

2.1. Từ bức tranh hiện thực 31

2.2. Đến đời sống nhân vật 37

2.2.1. Thế giới nhân vật 38

2.2.2. Quan niệm về người anh hùng lý tưởng 42

2.2.3. Nghệ thuật xây dựng nhận vật 46

CHƯƠNG 3. BỘ TIỂU THUYẾT *ÔNG CỐ VẤN* NHÌN TỪ CỐT TRUYỆN, KẾT CẤU VÀ NGÔN NGỮ 63

3.1. Cốt truyện và kết cấu 63

3.1.1. Cốt truyện 63

3.1.2. Kết cấu 67

3.2. Ngôn ngữ 70

3.2.1. Ngôn ngữ trần thuật 70

3.2.2. Ngôn ngữ nhân vật 77

3.2.3. Các sắc thái giọng điệu 82

KẾT LUẬN 89

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO 93

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Ngay từ buổi bình minh dựng nước, dân tộc Việt Nam là một dân tộc anh dũng, kiên cường, đoàn kết, sáng tạo trong lao động sản xuất cũng như trong đấu tranh chống giặc ngoại xâm. Những kỳ tích oai hùng xuyên suốt chiều dài lịch sử, đặc biệt là hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ đã được ghi tạc vào bia đá, lưu danh trong sử sách và sống mãi qua các thế hệ người Việt Nam yêu nước. Để làm nên những thắng lợi vẻ vang, những công trạng to lớn đó, có phần đóng góp không nhỏ của những con người âm thầm hoạt động bí mật trên trận tuyến thầm lặng, không giáo gươm, súng đạn nhưng đầy gian khổ và hy sinh. Đó là công tác tình báo.

Hoạt động tình báo là hoạt động bí mật, không thể thiếu đối với bất kỳ quốc gia nào trong thời chiến cũng như thời bình. Các thế hệ cha anh đi trước đã sớm nhận thức được điều đó cả trong tư duy và hoạt động thực tiễn, không ngừng phát triển cả nội dung và cách thức trong hoạt động tình báo trong suốt chiều dài lịch sử dựng nước và giữ nước. Nhiều chiến công và sự kiện tình báo được lịch sử ghi lại; nhiều nhân vật tình báo được triều đình hoặc chính phủ ghi công và nhân dân tôn vinh.

Cuộc chiến đấu khốc liệt của dân tộc trong hai cuộc chiến tranh đã để lại biết bao kì tích vĩ đại mà phần ngầm ẩn bên trong ít ai có thể thấy; cái phần vĩ đại không kém, để làm nên một trận tuyến ngầm đánh vào tận sào huyệt bên trong của địch; cái phần được thực hiện bởi những con người hoặc vô danh, hoặc phải khoác một khuôn mặt khác để che mắt địch và do vậy phải đánh lừa cả ta. Đây là một mảng sống lớn trong im lặng. Là sự âm thầm mà vĩ đại trong hoạt động của một lớp người. Là những hy sinh không dễ thấy, và cũng không dễ được bù đắp. Là những dấn thân trong

đơn độc của một nhóm hoặc chỉ một người. Là sự "trần trụi giữa bầy sói". Là nơi thiện - ác gần như áp mặt vào nhau.

Với hoàn cảnh lịch sử như vậy, chúng ta có một dòng văn học viết về chiến tranh không kém bất cứ nền văn học nào trên thế giới, một nền văn học như tấm gương soi gương mặt dân tộc. Điều dễ hiểu, mảng truyện tình báo cũng nằm trong đề tài văn học viết về chiến tranh và gắn rất sâu vào những diễn biến của đời sống cách mạng. Ở đây là truyện của người thật, việc thật, hoặc có bóng dáng người thật việc thật, là sự minh chứng cho hiện thực cách mạng, là bộ sử trong phần chìm của nó mà những người đồng thời hoặc đến sau tự thấy có trách nhiệm tìm kiếm, ghi lại với ý thức, để muộn hoặc để mất là có lỗi với lịch sử. Nói như nhà văn Hữu Mai: "Thế hệ chúng tôi... gần trọn đời là bộ đội, không có điều kiện đi sâu vào nghề..." viết "với ý thức ghi lại càng nhiều càng tốt những gì đã biết, đã trải về một thời đại mà mình có may mắn được là một chứng nhân lịch sử"[76tr416]. Bộ tiểu thuyết tình báo "*Ông cố vấn*" của tác giả đã minh chứng cho phát biểu trên và trở thành một tác phẩm tiêu biểu cho thể tài này trong văn học Việt Nam viết về chiến tranh.

Đối với nền văn học nước nhà, văn học về đề tài chiến tranh và người lính là dòng chủ lưu, là mảng văn học phát triển ghi dấu nhiều tên tuổi và ghi đậm dấu ấn phong cách từng nhà văn. Trong đó, truyện tình báo có một vị trí không nhỏ. Nghiên cứu loại truyện này giúp ta nhận diện được vùng đời sống của các nhân vật có nhiệm vụ đặc biệt; vai trò của các chiến sỹ tình báo trong chiến tranh và nghệ thuật xây dựng kiểu truyện viết về các nhân vật đặc biệt như thế.

Vì những lý do trên, chúng tôi lựa chọn đề tài ***Bộ tiểu thuyết tình báo "Ông cố vấn" của Hữu Mai từ góc nhìn thể loại*** cho luận văn thạc sỹ của mình.

2. Lịch sử vấn đề

Cho đến nay chưa có công trình khoa học chuyên biệt nào nghiên cứu về mảng tiểu thuyết tình báo và bộ tiểu thuyết *Ông cố vấn*. Vì vậy như một lẽ dĩ nhiên, việc tìm kiếm những bài báo có bàn về tác phẩm cũng rất ít ỏi. Trong bước đầu tìm kiếm các công trình và các bài báo có liên quan đến tác phẩm, chúng tôi mới chỉ tìm thấy một số hướng nghiên cứu liên quan đến đề tài như sau:

Hướng nghiên cứu thứ nhất: Các tác giả tập trung phân tích tính hiện thực của tác phẩm, qua đó khẳng định vị trí không thể thay thế của tiểu thuyết *Ông cố vấn* trong nền văn học Việt Nam.

Trong cuốn tiểu luận - phê bình *Dọc đường văn học* của Lê Quang Trang có bài *Đọc tiểu thuyết* ***Ông cố vấn*** *của Hữu Mai*. Nhà nghiên cứu nhận xét: "… Đây là tiểu thuyết tình báo. Thông thường với thể loại này, sau khi đọc lần đầu, đã nắm bắt được cốt truyện và diễn tiến của các tình tiết, số phận của các nhân vật, sự hứng thú ở các lần đọc sau suy giảm rất nhiều. Nhưng với tác phẩm này, dường như lại không có cảm giác ấy… Ông cố vấn đưa đến cho chúng ta những thành công mới về việc phản ánh một hình tượng người chiến sỹ tình báo "trung thực trong trò chơi", trung thực với chính mình, nỗ lực đóng góp vào sự nghiệp chung… Tác phẩm là một viên gạch góp phần mang lại sự nghiêm túc cao đẹp của thể loại tiểu thuyết tình báo vốn tồn tại và có vị trí xứng đáng trong văn học nói chung…"[75,tr.249].

Giáo sư Chúc Ngưỡng Tu - người đã thành công trong việc chuyển ngữ và giới thiệu tác phẩm *Ông cố vấn* đến với bạn đọc Trung Quốc đã phát biểu như sau: "Tôi đã đọc *Ông cố vấn* một cách say sưa và cảm phục. Bộ sách này là một thiên anh hùng ca của nhân dân Việt Nam anh hùng… là câu trả lời tại sao với những vũ khí không lấy gì làm tiên tiến mà quân và

dân Việt Nam lại thắng được một đối thủ có đội quân mạnh nhất thế giới". Giáo sư Chúc Ngưỡng Tu còn viết: "Tôi đã từng dịch *Chí Phèo* và *Kẻ sát nhân lương thiện* (tác giả Lại Văn Long) nhưng đều bị các nhà xuất bản từ chối với nhiều lý do. Đến *Ông cố vấn*, tôi miệt mài dịch trong tâm thế nếu không nhà xuất bản nào chấp nhận bản dịch, sẽ giữ làm tài liệu cá nhân để cho bạn bè và con cháu đọc. Tuy nhiên sau đó khi tôi giới thiệu bản tóm tắt, Nhà xuất bản Quân sự nghị văn Trung Quốc xuất bản ngay và trở thành 1 trong 2 cuốn sách Việt Nam thành công nhất tại Trung Quốc (cùng *Đất nước đứng lên* của nhà văn Nguyên Ngọc)". Lý giải thành công của *Ông cố vấn*, GS. Chúc cho rằng, tác phẩm này không dừng lại ở việc kể tả một điệp viên hay một nhân vật cụ thể, mà nó là cái nhìn chi tiết và chân thực về một giai đoạn lịch sử của Việt Nam; về thái độ sống, chiến đấu và văn hóa của một dân tộc trong một thời đại lịch sử, và quan trọng nhất, nó khắc họa rõ nét con người Việt Nam trong đó.

Bên cạnh đó, nhà văn Mỹ Linda Garrett đánh giá *Ông cố vấn* là "một tài liệu vô cùng quan trọng để người Mỹ cuối cùng rồi cũng phải chấp nhận bắt đầu thảo luận một cách nghiêm túc về lịch sử cuộc chiến và xem xét lại sự can thiệp của Mỹ một cách kỹ lưỡng trong một bối cảnh ít điên cuồng chống cộng hơn trước đây… Cuốn sách này đòi hỏi phải được nghiên cứu nghiêm túc cả ở Việt Nam và ở Mỹ để có được những chú giải toàn diện cho độc giả Mỹ".

Hướng nghiên cứu thứ hai: Các tác giả nghiên cứu về thể loại tiểu thuyết chiến tranh, tiểu thuyết tình báo và qua đó có đề cập đến tiểu thuyết *Ông cố vấn* như là một ví dụ đặc trưng của thể loại.

Trong cuốn sách *Tiểu thuyết Việt Nam 1945-1975* (Tiểu thuyết cách mạng xuất bản ở miền Bắc) tác giả Phạm Ngọc Hiền [38] đã đề cập đến cơ sở hình thành, đặc điểm và đánh giá ưu điểm cũng như những hạn chế của

các tác phẩm viết về đề tài chiến tranh. Tiểu thuyết *Ông cố vấn* có được đề cập đến nhưng chỉ mang tính chất minh họa, ví dụ cho đặc trưng của thể loại tiểu thuyết cách mạng mà chưa đánh giá được vị trí, vai trò của tác phẩm trong mảng tiểu thuyết chiến tranh cách mạng Việt Nam.

Luận văn thạc sỹ *Nhận diện tiểu thuyết trinh thám Việt Nam* của tác giả Trần Thanh Hà [31] có phân tích và đánh giá vị trí tác phẩm *Ông cố vấn* nhưng dưới góc nhìn tiểu thuyết trinh thám. Nội dung của luận văn là làm rõ những đặc trưng thể loại tiểu thuyết trinh thám nên *Ông cố vấn* cũng chỉ là một trong nhiều tác phẩm được tác giả lấy làm dẫn chứng để hướng tới mục đích cuối cùng của tác giả, do vậy những phân tích, đánh giá về tác phẩm cũng có phần sơ sài, chưa làm rõ được giá trị cũng như đóng góp của *Ông cố vấn* trong mảng tiểu thuyết tình báo nói riêng và nền văn học Việt Nam nói chung.

Tóm lại, cả hai hướng nghiên cứu này đều minh chứng cho vấn đề cần thiết phải có một công trình nghiên cứu có tính hệ thống về tiểu thuyết *Ông cố vấn* của nhà văn Hữu Mai. Bởi, những nhận định, những đánh giá trực tiếp về tiểu thuyết *Ông cố vấn* chỉ dừng lại ở mức độ các bài viết, bài phỏng vấn… Còn những công trình nghiên cứu có tính hệ thống thì lại chỉ xem xét *Ông cố vấn* như là một ví dụ, một minh chứng cho hướng nghiên cứu của mình. Chưa có một công trình nghiên cứu thực sự nào đánh giá một cách có hệ thống về những đóng góp trên cả phương diện nghệ thuật cũng như thể loại của tác phẩm này, đây chính là một "khoảng trống" trong nghiên cứu về thể loại tiểu thuyết tình báo Việt Nam và là cơ sở để chúng tôi triển khai nội dung luận văn của mình.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận văn là những đặc trưng của tiểu thuyết tình báo.

Phạm vi nghiên cứu của luận văn là bộ tiểu thuyết *Ông cố vấn* của nhà văn Hữu Mai được Nhà xuất bản Quân đội ấn hành năm 1988. Bộ tiểu thuyết gồm 3 tập: tập 1 - *Hoàng hôn những thiên thần*; tập 2 - *Phủ đầu rồng* và tập 3 - *Con kỳ nhông*. Ngoài ra, luận văn có đối chiếu so sánh với một số tác phẩm tình báo khác của Việt Nam và nước ngoài (*X30 phá lưới; Ván bài lật ngửa*...) để tìm ra những đặc điểm chung của kiểu truyện tình báo Việt Nam.

4. Phương pháp nghiên cứu

4.1. Phương pháp loại hình

Ở đây, người viết sử dụng phương pháp loại hình nhằm mục đích chứng minh cho sự tồn tại của loại tiểu thuyết tình báo trong văn học cách mạng Việt Nam đồng thời chỉ ra những đặc điểm riêng của kiểu truyện này thông qua tác phẩm *Ông cố vấn*.

4.2. Phương pháp phân tích tổng hợp

Bộ tiểu thuyết tình báo *Ông cố vấn* được xây dựng dựa trên những nguyên tắc chung của lí luận thể loại tiểu thuyết đồng thời với đặc trưng viết về chiến sỹ tình báo, tác phẩm lại có những đặc sắc riêng trong quá trình xây dựng cốt truyện, nhân vật, phương thức nghệ thuật. Phương pháp phân tích tổng hợp được sử dụng để phân tích và tổng hợp những đặc điểm đó.

4.3. Phương pháp so sánh - đối chiếu

Trong quá trình chỉ ra những đặc sắc ở phương diện nhân vật hay nghệ thuật của tác phẩm, người viết sẽ tiến hành so sánh - đối chiếu tác phẩm với những tác phẩm khác cùng loại để làm nổi bật những đặc điểm mà tác phẩm thể hiện.

4.4. Ngoài ra lý thuyết tự sự và phương pháp tiếp cận Thi pháp học cũng được chúng tôi vận dụng để tìm ra những chỉ ra những đóng góp nghệ thuật của tác phẩm.

5. Đóng góp của luận văn

Thông qua việc nhận diện những dấu hiệu nổi bật và phân tích một số đặc tính cơ bản của bộ tiểu thuyết *Ông cố vấn*, chúng tôi một lần nữa khẳng định vị thế của mảng văn học tình báo và những đóng góp quan trọng của nhà văn Hữu Mai vào tiến trình vận động và phát triển của văn xuôi chiến tranh cách mạng nói riêng cũng như văn học hiện đại nói chung.

Kết quả của luận văn sẽ là tài liệu tham khảo cho người nghiên cứu, giảng dạy và quan tâm đến mảng truyện tình báo chiến tranh Việt Nam.

6. Kết cấu luận văn

Ngoài phần Mở đầu và Kết luận. Nội dung Luận văn gồm 3 chương:

Chương 1. Bộ tiểu thuyết tình báo *Ông cố vấn* trong bối cảnh tiểu thuyết chiến tranh Cách mạng Việt Nam

Chương 2. Bộ tiểu thuyết tình báo *Ông cố vấn* và vấn đề phản ánh hiện thực

Chương 3. Bộ tiểu thuyết *Ông cố vấn* nhìn từ cốt truyện, kết cấu và ngôn ngữ

Và cuối cùng là Danh mục tài liệu tham khảo.

NỘI DUNG

CHƯƠNG 1. BỘ TIỂU THUYẾT TÌNH BÁO *ÔNG CỐ VẤN* TRONG BỐI CẢNH TIỂU THUYẾT CHIẾN TRANH CÁCH MẠNG VIỆT NAM

1.1. Diện mạo tiểu thuyết chiến tranh Cách mạng Việt Nam

Lịch sử đất nước ta từ sau Cách mạng tháng Tám trải qua nhiều biến động. Các sự kiện lớn diễn ra dồn dập, thời gian như bị rút ngắn một cách kỳ lạ. Sự kiện này chưa qua sự kiện khác đã tới, một kỷ niệm chưa kịp lắng xuống thì kỷ niệm khác lại chồng chất lên đến mức nhà văn đôi khi không có thời gian để hồi tưởng, để định hình nó trong ký ức của mình. Trong ba mươi năm chiến tranh cách mạng, hàng chục triệu con người đã sống một thời kỳ vẻ vang nhất trong lịch sử của dân tộc. Chiến tranh và cách mạng đã lan đến mọi ngõ ngách của Tổ quốc, làm thay đổi bộ mặt từng thôn xóm, từng số phận con người. Giữa dòng thác lớn của lịch sử, những tính cách của cá nhân không ngừng phát triển và đột biến. Đi qua chặng đường dài lịch sử rồi nhìn lại cuộc đời của mình mỗi con người Việt Nam đều không khỏi sững sờ, ngạc nhiên. Sự chuyển biến dữ dội của xã hội Việt Nam trong chiến tranh cách mạng, những tính cách đang trải qua bước ngoặt nhảy vọt, những tâm hồn ngày càng phong phú nhờ vốn trí tuệ, kinh nghiệm của dân tộc và thời đại, lịch sử của những gia đình, thôn xóm có truyền thống cách mạng… là những chất liệu quý báu cho văn xuôi nói chung và tiểu thuyết nói riêng. Trước khi đi vào tìm hiểu diện mạo tiểu thuyết chiến tranh cách mạng Việt Nam, chúng tôi xin điểm qua đôi nét về lịch sử và đặc trưng của thể loại này.

1.1.1. Đôi nét về đặc trưng thể loại và tiến trình tiểu thuyết Việt Nam hiện đại

Tiểu thuyết là một thể loại văn xuôi có hư cấu, thông qua nhân vật, hoàn cảnh, sự việc để phản ánh bức tranh xã hội rộng lớn và những vấn đề

của cuộc sống con người, biểu hiện tính chất tường thuật, tính chất kể chuyện bằng ngôn ngữ văn xuôi theo những chủ đề xác định. Trong một cách hiểu khác, theo nhận định của Belinski: *tiểu thuyết là sử thi của đời tư* chỉ ra khái quát nhất về một dạng thức tự sự, trong đó sự trần thuật tập trung vào số phận của một cá nhân trong quá trình hình thành và phát triển của nó. Sự trần thuật ở đây được khai triển trong không gian và thời gian nghệ thuật đến mức đủ để truyền đạt cơ cấu của nhân cách. Theo Từ điển thuật ngữ văn học, tiểu thuyết là: "Tác phẩm tự sự cỡ lớn có khả năng phản ánh hiện thực đời sống ở mọi giới hạn không gian và thời gian. Tiểu thuyết có thể phản ánh số phận của nhiều cuộc đời, nhưng bức tranh phong tục, đạo đức xã hội, miêu tả các điều kiện sinh hoạt giai cấp, tái hiện nhiều tính cách đa dạng".

Ở Việt Nam tiểu thuyết xuất hiện khá muộn, từ trong những sáng tác văn xuôi cổ xưa như Việt điện u linh, Lĩnh Nam chích quái, Thánh Tông di thảo, Truyền kì mạn lục (thế kỷ XIV - XVI) đã xuất hiện mầm mống sơ khai của tiểu thuyết. Tuy nhiên, phải đến những năm 30 của thế kỷ XX văn học Việt Nam mới xuất hiện tiểu thuyết với đầy đủ tính chất của thể loại hiện đại. Cùng phong trào Thơ Mới, tiểu thuyết hiện đại Việt Nam 1930 - 1945 có những bước tiến vượt bậc và thành tựu lớn với hai khuynh hướng sáng tác: Những cây bút nổi tiếng của Tự Lực văn đoàn, những người đã thúc đẩy sự hình thành thể loại như Nhất Linh, Khái Hưng, Thạch Lam; và những nhà văn hiện thực phê phán như Ngô Tất Tố, Nam Cao, Vũ Trọng Phụng, Nguyễn Công Hoan, Nguyên Hồng… Ở giai đoạn này, thể loại tiểu thuyết đã được định hình với một số đặc trưng cơ bản.

Một là, khả năng phản ánh toàn vẹn hiện thực.

Đặc trưng lớn nhất của tiểu thuyết chính là khả năng phản ánh toàn vẹn và sinh động đời sống theo hướng tiếp xúc gần gũi nhất với hiện thực.

Là một thể loại lớn tiêu biểu cho phương thức tự sự, tiểu thuyết có khả năng bao quát lớn về chiều rộng của không gian cũng như chiều dài của thời gian, cho phép nhà văn mở rộng tối đa tầm vóc của hiện thực trong tác phẩm của mình. Nhiều tác phẩm tiểu thuyết được coi là những pho "bách khoa toàn thư" về đời sống xã hội. Bức tranh hiện thực toàn cảnh mà tiểu thuyết mang lại cũng bộn bề, phức tạp, đa dạng, đa chiều, đa tầng như chính bản thân sự tồn tại của đời sống con người.

Ở phương diện khác, tiểu thuyết là thể loại có *cấu trúc linh hoạt*, không chỉ cho phép mở rộng về thời gian, không gian, nhân vật, sự kiện mà còn ở khả năng dồn nhân vật và sự kiện vào một khoảng không gian và thời gian hẹp, đi sâu khai thác cảnh ngộ riêng và khám phá chiều sâu số phận cá nhân nhân vật.

Hai là, khắc họa chân dung nhân vật.

Bên cạnh khả năng tạo dựng bức tranh hiện thực với quy mô "hoành tráng", khả năng khắc họa chân dung nhân vật thông qua sự khám phá những vấn đề của *số phận cá nhân* và *thân phận con người* cũng là một đặc trưng quan trọng của tiểu thuyết. Hình dung về thể loại, chúng ta có thể nhận thấy hai vấn đề nổi bật nhất cấu thành giá trị nội dung tiểu thuyết là tầm vóc hiện thực và số phận con người. Song, xem xét thật khách quan thì ấn tượng sâu đậm nhất, sức ám ảnh lớn nhất của tiểu thuyết lại thuộc về nhân vật. Những niềm vui nỗi buồn, sự sung sướng hay đau khổ, hạnh phúc hay bất hạnh… của đời sống con người từ lâu đã trở thành chất liệu không thể thiếu trong hành trang sáng tạo của các nhà tiểu thuyết. Sức hấp dẫn của tác phẩm sẽ được tăng lên rất nhiều nếu nhà văn biết xoáy sâu vào những vấn đề của đời sống cá nhân. Những nhà tiểu thuyết lớn xưa nay đều bộc lộ tài năng và phong cách của mình rõ rệt nhất trong lĩnh vực sáng tạo nhân vật: đó là Grăngđê của Bandắc; Bôvari của Flôbe; Natasa của L.Tônxtôi;

Tào Tháo, Trương Phi, Khổng Minh của La Quán Trung… Thông qua những nhân vật đã được khắc họa một cách tài tình ấy, bạn đọc tiểu thuyết không chỉ nhìn thấy rõ bộ mặt xã hội đương thời, những biến chuyển thời đại mà sâu xa hơn là còn đọc được những vấn đề muôn thuở của thân phận con người.

Ba là, tính đa dạng về sắc độ thẩm mỹ.

Tính đa dạng về màu sắc thẩm mỹ cũng là một đặc trưng tiêu biểu của thể loại. Các thể loại văn học khác thường chỉ tiếp nhận một sắc thái thẩm mỹ nào đó để tạo nên âm hưởng của toàn bộ tác phẩm, như bi kịch là cái cao cả, hài kịch là cái thấp hèn, thơ là cái đẹp và cái lý tưởng. Ở tiểu thuyết không diễn ra quá trình chọn lựa màu sắc thẩm mỹ khi tiếp nhận hiện thực mà nội dung của nó thể hiện sự pha trộn, chuyển hóa lẫn nhau của các sắc độ, phạm trù thẩm mỹ khác nhau: cái cao cả bên cái thấp hèn, cái đẹp bên cái xấu, cái thiện lẫn cái ác, cái bi bên cạnh cái hài... Khác với tính chất thi vị, lãng mạn của các thể loại trữ tình, tiểu thuyết tái hiện hiện thực khách quan với đầy đủ tính chất phức tạp và đa dạng của nó.

Bốn là, bản chất tổng hợp.

Ở phương diện này, tiểu thuyết là một thể loại mang *bản chất tổng hợp*. Nó có thể dung nạp thông qua ngôn từ nghệ thuật những phong cách nghệ thuật của các thể loại văn học khác như thơ (những rung động tinh tế), kịch (xung đột xã hội), ký (hiện thực đời sống); các thủ pháp nghệ thuật của những loại hình ngoại biên như hội họa (đường nét, màu sắc), âm nhạc (thanh âm), điêu khắc (đường nét, hình khối), điện ảnh (khả năng liên kết các bức màn hiện thực); và thậm chí cả các bộ môn khoa học khác như tâm lý học, phân tâm học, đạo đức học và các bộ môn khoa học tự nhiên, khoa học viễn tưởng khác...

Năm là, tính chất văn xuôi.

Là một thể loại cao cấp nhất thuộc phương thức tự sự, *tính chất văn xuôi*, vì vậy, trở thành đặc trưng tiêu biểu cho nội dung của thể loại. Tính chất đó đã tạo nên trường lực mạnh mẽ để thể loại dung chứa toàn vẹn hiện thực, đồng hóa và tái hiện chúng trong một thể thống nhất với những sắc màu thẩm mỹ mới vượt lên trên hiện thực, cho phép tác phẩm phơi bày đến tận cùng sự phức tạp muôn màu của hiện thực đời sống.

Đặc biệt từ sau năm 1945, lấy cảm hứng từ 2 cuộc chiến tranh vệ quốc (chống Pháp và chống Mỹ), đội ngũ các nhà tiểu thuyết Việt Nam, như Nguyễn Huy Tưởng, Tô Hoài, Nguyễn Đình Thi, Nguyễn Khải, Nguyễn Minh Châu, Nguyên Ngọc… đã ít nhiều để lại những tác phẩm có thành tựu tiệm cận với thể loại tiểu thuyết - sử thi vốn mang đề tài hoành tráng và dung lượng đồ sộ, sau này được gọi là *tiểu thuyết chiến tranh cách mạng Việt Nam*. Đại hội lần thứ VI của Đảng đã xác định đường lối đổi mới toàn diện, mở ra một thời kỳ mới cho đất nước vượt qua thời kỳ khủng hoảng để bước vào giai đoạn phát triển mạnh mẽ và ngày càng vững chắc. Đường lối đổi mới tại Đại hội VI của Đảng và tiếp theo đó là Nghị quyết số 05 của Bộ Chính trị, cuộc gặp của Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh với đại diện giới văn nghệ sỹ vào cuối năm 1987, tất cả những điều đó đã thổi một luồng gió lớn vào đời sống văn học nghệ thuật nước nhà, mở ra thời kỳ đổi mới của văn học Việt Nam trong tinh thần đổi mới tư duy và nhìn thẳng vào sự thật. Sau 1986, lịch sử tiểu thuyết Việt Nam sang trang mới với những sáng tác của Ma Văn Kháng, Lê Lựu, Bảo Ninh, Nguyễn Huy Thiệp, Hữu Mai… có nội dung sâu sắc hơn về thân phận con người và hình thức có dấu hiệu manh nha hệ hình văn chương hậu hiện đại. Lúc này, mặc dù chiến tranh đã kết thúc nhưng đề tài này vẫn được các nhà tiểu thuyết tiếp tục khai thác và để lại những tác phẩm có giá trị lớn lao cho thể loại tiểu thuyết chiến tranh cách mạng Việt Nam.

Nhiệt tình đổi mới xã hội, khát vọng dân chủ và tinh thần nhìn thẳng vào sự thật đã là những động lực tinh thần cho văn học thời kỳ đổi mới phát triển mạnh mẽ, sôi nổi. Sự đổi mới ý thức nghệ thuật nằm ở chiều sâu của đời sống văn học, nó vừa là kết quả, vừa là động lực cho những tìm tòi, đổi mới trong sáng tác, đồng thời lại tác động mạnh mẽ đến sự tiếp nhận của công chúng văn học. Tư duy văn học mới đã dần hình thành góp phần phát huy cá tính và phong cách cá nhân của nhà văn.

Lịch sử dân tộc trải qua hai cuộc chiến tranh cứu nước vĩ đại, đội ngũ các nhà tiểu thuyết Việt Nam càng trở nên đông đảo: Nguyễn Huy Tưởng, Tô Hoài, Nguyễn Đình Thi, Nguyễn Khải, Nguyễn Minh Châu, Nguyên Ngọc, Anh Đức, Ma Văn Kháng, Lê Lựu, Hữu Mai… Các thế hệ nhà văn lần lượt xuất hiện với những cá tính mới, bản lĩnh nghệ thuật mới đã tạo nên sức sống bền lâu và khẳng định vị trí của tiểu thuyết với những đặc trưng thể loại tiêu biểu trong toàn bộ sự phát triển của nền văn học dân tộc suốt mấy chục năm qua.

1.1.2. Tiểu thuyết chiến tranh Cách mạng Việt Nam

Nếu như trước năm 1945, các trào lưu văn học lãng mạn, hiện thực phê phán phát triển mạnh mẽ thì sau năm 1945, trào lưu văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa đã trở thành dòng văn học chính thống, dòng văn học chủ lưu dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Từ nền văn học cách mạng đã xuất hiện một đội ngũ nhà văn kiểu mới với thế giới quan mác xít, với phương pháp sáng tác hiện thực xã hội chủ nghĩa. Hiện thực đấu tranh cách mạng qua công cuộc xây dựng xã hội chủ nghĩa và cuộc kháng chiến thần thánh 30 năm (1945-1975) chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược đã quy định những đặc điểm mới trong quá trình hình thành và phát triển của một nền văn học cách mạng.

Nói đến tiểu thuyết chiến tranh cách mạng Việt Nam chính là nói về một thể tài tiểu thuyết lấy cảm hứng từ 2 cuộc kháng chiến chống Pháp và Mỹ của dân tộc. Năm 1945, cách mạng tháng Tám thành công đã mở đầu cho một cuộc chiến tranh kéo dài 30 năm trên đất nước Việt Nam và kéo theo nó mọi hoạt động của đời sống dân tộc đều bị chiến tranh chi phối. Chính vì vậy, nền văn hóa văn nghệ mà đặc biệt là nền văn học Việt Nam cũng mang đậm dấu ấn chiến tranh, trong đó tiểu thuyết chính là thể loại thấm đẫm hơi thở thời đại. Bởi, tiểu thuyết là thể loại chủ lực của văn xuôi, cũng đồng thời là thước đo sự trưởng thành của một nền văn học. Nó là danh dự, là niềm tự hào của mỗi dân tộc, "*thiếu nó, dân tộc thiếu sử thi*" [36]. Với khẩu hiệu "*Kháng chiến hóa văn hóa, văn hóa hóa kháng chiến*", tiểu thuyết Việt Nam giai đoạn này chủ yếu tập trung vào "*... cổ động tinh thần và lực lực lượng kháng chiến của nhân dân*" như lời nhắc nhở của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đồng thời "*... phải nêu rõ những thành tích kháng chiến kiến quốc vĩ đại của ta cho thế giới biết... phải có những tác phẩm xứng đáng chẳng những để biểu dương sự nghiệp kháng chiến kiến quốc bây giờ, mà còn để lưu truyền những gương mẫu oanh liệt kháng chiến kiến quốc cho con cháu đời sau*" [57].

Các nhà nghiên cứu thống nhất rằng, nền văn học cách mạng Việt Nam là một nền văn học sử thi (anh hùng ca). Cơ sở hình thành của nền văn học sử thi chính là hiện thực hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ. Nhà triết học biện chứng Hegel cho rằng: *Tình huống phù hợp nhất với thơ sử thi là các xung đột của trạng thái chiến tranh. Thực vậy, trong chiến tranh, chính là toàn bộ dân tộc đang vận động. Nó bị kích thích phải hành động vì nó phải bảo vệ toàn bộ mình* [36]. Hai cuộc kháng chiến đã khiến toàn dân tộc bị kéo vào vòng chiến tranh, vì vậy ý thức xả thân vì độc lập dân tộc đã tạo nên hàng vạn anh hùng, tô điểm cho bản anh hùng ca

hùng tráng của đất nước. Nói như Nguyễn Huy Tưởng: "Thời đại chúng ta sống là một thời đại phi thường, một thời đại của "sử thi", các tướng lĩnh và toàn thể đồng bào đem xương máu sáng tạo nên hàng nghìn, hàng vạn sự tích bi tráng, dọn thành một kho vô tận tài liệu cho văn nghệ mới."

Chính vì vậy, đặc trưng chủ đạo của tiểu thuyết cách mạng Việt Nam là luôn bám sát các mục tiêu chính trị trước mắt, kịp thời cổ vũ chiến đấu và xây dựng CNXH như *Xung kích* của Nguyễn Đình Thi, *Vùng mỏ* của Võ Huy Tâm, *Người người lớp lớp* của Trần Dần, *Đất nước đứng lên* của Nguyên Ngọc... Các nhà văn dùng bút pháp hiện thực để phanh phui, phê phán những cái xấu xa của xã hội cũ và dùng bút pháp lãng mạn cách mạng để ca ngợi, biểu dương cuộc sống mới. Nhân vật được miêu tả trong mối quan hệ biện chứng với hoàn cảnh sống, xây dựng được những hình tượng điển hình trong hoàn cảnh điển hình. Nhân vật chủ đạo là những con người mới XHCN, mang vẻ đẹp toàn diện, có tác dụng nêu gương. Giọng điệu chủ đạo là ngợi ca công lao của Đảng Cộng sản và nhân dân anh hùng. Văn phong trong tiểu thuyết cách mạng thường chuẩn mực, giản dị, dễ hiểu với quần chúng…

Đánh giá về đóng góp của mảng tiểu thuyết chiến tranh cách mạng Việt Nam cho nền văn học nước nhà nói chung và mảng tiểu thuyết nói riêng, có nhiều ý kiến cho rằng đây là mảng *văn học phải đạo, văn học giáo huấn, văn học chính trị, văn học minh họa*… Tuy nhiên, công bằng mà nói, trong cuộc chiến tranh ác liệt ấy, nền văn học Việt Nam không bị thoái trào mà còn phát triển mạnh mẽ đó là nhờ một phần rất lớn của mảng tiểu thuyết chiến tranh cách mạng Việt Nam. Đặc biệt, tiểu thuyết viết về đề tài chiến tranh đã góp phần hoàn thiện thêm thể loại tiểu thuyết mới manh nha được hình thành trong giai đoạn trước, đồng thời còn cho ra đời

mảng tiểu thuyết trinh thám - chính trị hay còn gọi là tiểu thuyết tình báo làm phong phú thêm diện mạo của nền văn học nước nhà.

1.2. Mảng tiểu thuyết tình báo và vị trí của tiểu thuyết *Ông cố vấn*

Là một nhánh của tiểu thuyết trinh thám, tiểu thuyết tình báo nói lên nghề nghiệp của nhân vật chính: làm gián điệp với nhiệm vụ dò la, điều tra, khám phá, khai thác thông tin của kẻ địch để cung cấp cho tổ chức của mình. Đây là kiểu truyện vụ án, truyện viết về tội phạm, nó mách bảo tác giả *xây dựng một cốt truyện hấp dẫn, đưa bạn đọc đến với những tình huống bất ngờ khiến họ luôn ở trong trạng thái căng thẳng.*

Lịch sử chiến tranh cách mạng là một mảnh đất màu mỡ để tiểu thuyết tình báo phát triển. Với hoàn cảnh lịch sử những thế hệ nối tiếp nhau đứng lên cầm súng tiểu thuyết tình báo thực sự trở thành một đề tài thu hút nhiều tác giả cũng như các độc giả Việt Nam.

1.2.1. Tiểu thuyết tình báo trong nền văn học Việt Nam

Vào cuối thập niên 60 đầu thập niên 70, truyện tình báo đầu tiên đã xuất hiện ở miền Bắc. Đây là thời điểm cuộc chiến tranh chống Mỹ đang vào hồi khốc liệt nhất và là thời kỳ của cuộc chiến gián điệp được đẩy mạnh hơn bao giờ hết. Sài Gòn lúc ấy là môi trường lý tưởng của các cơ quan tình báo: CIA Mỹ, người Nhật, người Anh, Trung Quốc và vô số các nước khác thăm dò lẫn nhau. Thông qua con đường di cư theo hiệp định Genève, nhiều chiến sĩ tình báo của miền Bắc đã tìm cách chui sâu, leo cao vào bộ máy chóp bu của chính quyền, có mặt trong các đơn vị quân đội Việt Nam cộng hòa, nằm trong các cơ quan tình báo đối phương.

Trong khi đó, Mỹ và chính quyền miền Nam cũng tung hàng trăm toán gián điệp, biệt kích ra miền Bắc với mục đích thu thập thông tin tình báo và hoạt động phá hoại. Suốt thập niên 1960 cho đến đầu những năm 1970, chuyện bắt gián điệp ở miền Bắc trở thành câu chuyện hàng ngày của

mỗi người dân. Những vụ bắt gián điệp diễn ra mọi nơi; những vụ án tình báo, gián điệp cũ từ cuộc chiến tranh trước được công khai, trở thành những bài học cho nhu cầu tuyên truyền cho cuộc chiến tranh chống gián điệp, biệt kích hiện tại. Tất cả các yếu tố đó đã tạo thành chất liệu và bối cảnh vô cùng giàu có cho thể loại tình báo - phản gián.

Thế nhưng, cho đến giữa thập niên 1970, tiểu thuyết tình báo chỉ phát triển một cách dè dặt. Suốt gần hai mươi năm, người ta chỉ thấy xuất hiện thưa thớt vài cuốn sách của Nhà xuất bản Quân đội nhân dân: *Cất vó* của Đặng Thanh, *Tọa độ bí mật, Mũi tên mười bảy* của Phạm Thanh Đàm, *Bản án tử hình* của Nguyễn Khắc Thứ, *Nhóm rắn lục* của Văn Phan… Trong bối cảnh văn học về đề tài chiến tranh được đề cao, tiểu thuyết tình báo được coi là một bộ phận của văn học chiến tranh, phản ánh và hé lộ bộ mặt khác của chiến tranh là cuộc chiến bí mật, thầm lặng mà những chiến sĩ tình báo, trinh sát đã tiến hành để đi tới thắng lợi chung của cả cuộc chiến đấu giải phóng và thống nhất đất nước. Tuy nhiên, giá trị văn chương của những cuốn sách kể trên khá hạn chế, hầu hết vẫn mang tính chất kể chuyện cảnh giác mà kém chất tiểu thuyết. Đất nước vẫn trong chiến tranh, *lịch sử phần chìm* gần như vẫn nằm trong bức tường bí mật là lý do khiến mảng tiểu thuyết tình báo thời kỳ này còn hạn chế.

Nửa sau thập niên 70 đến những năm đầu thập niên 90 là đỉnh cao của tiểu thuyết tình báo. Thời kỳ này đất nước đã thống nhất, những tư liệu chiến tranh dần được công khai, những nhà tình báo sống nhiều năm dưới vỏ bọc ở bên kia dần lộ diện, các điệp vụ tình báo, phản gián trở thành đề tài cho báo chí… Sau một thời gian dài nhìn lại, nhu cầu nhận thức về chiến tranh của mỗi người càng trở nên cấp thiết và sâu sắc. Thời điểm này, văn học dịch cũng đạt được những thành tựu cao. Nhiều cuốn tiểu thuyết tình báo của thế giới, đặc biệt là của Liên Xô như: *Mười bảy khoảnh khắc*

mùa xuân, Đối địch, Tass được quyền tuyên bố, Tháng Tám năm bốn tư, Kế hoạch Joy, Hầm bí mật trên sông En-bơ…, và sau này *là Điệp viên đến từ xứ lạnh, Chó rừng* (Anh)… được dịch in, tác động đến giới sáng tác, góp phần tạo nên lớp độc giả của tiểu thuyết tình báo - gián điệp. Trong những điều kiện như thế, tiểu thuyết tình báo nhanh chóng đạt đến đỉnh cao về số lượng và giá trị thể loại. Ngay sau ngày giải phóng miền Nam, bạn đọc đã chờ đón từng kỳ cuốn tiểu thuyết *X30 phá lưới* của Đặng Thanh in dài kỳ trên báo Sài Gòn giải phóng, sau đó được in thành sách năm 1976. Tác giả này đã xuất bản 11 cuốn sách về đề tài tình báo, ngoài *Cất vó, X30 phá lưới* còn có *Tấm bản đồ thất lạc* (2 tập - in năm 1984), *Lần theo chuỗi hạt* (1987), *Đi tìm thần chết* (1989)… Cũng trong năm 1976, những tập đầu tiên của bộ tiểu thuyết *Ván bài lật ngửa* của tác giả Nguyễn Trường Thiên Lý bắt đầu phát hành và thu hút sự chú ý của hàng vạn độc giả. Bộ tiểu thuyết sáu tập nhanh chóng được coi là bộ sách mẫu mực của thể loại tiểu thuyết tình báo Việt Nam. Năm 1982, bộ sách được chuyển thể thành phim truyện dài 9 tập. Cả tiểu thuyết và phim được đọc và xem ở khắp mọi nơi. Đây là một sự kiện lớn của nền văn học và điện ảnh lúc bấy giờ. Năm 1975, Nguyễn Sơn Tùng cho ra mắt tiểu thuyết *Hoa hồng trắng*, sau đó ông công bố tiếp các tập sách khác như *Miền đất lạ* (1977), *Viên đạn ngược chiều, Một mình nơi đất khách* (1988). Đây là bộ tiểu thuyết tình báo 4 tập viết về hoạt động tình báo trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp. Những cuốn tiểu thuyết tình báo đáng chú ý như *Kế hoạch Anpha* - Lê Chấn (1983), *Dạ khúc* - Thiết Vũ (1985), *Câu lạc bộ chính khách* - Lê Tri Kỷ (2 tập - 1986), *Giữa sa mạc lửa* - Nhị Hồ (1986 - tái bản năm 1994 với tựa đề *Điệp viên giữa sa mạc*), *Đen vỏ đỏ lòng* - Mai Thanh Hải (2 tập - 1986), *Nhật ký kẻ vô danh* - Nguyễn Phổ (1987), *Vết đen trên trán Chúa* - Nguyễn Bảo Hùng, Kim Ân (1989), và đặc biệt là tiểu thuyết *Ông cố vấn* của tác

giả Hữu Mai (3 tập - 1989), cuốn tiểu thuyết đã giúp ông trở thành thành viên duy nhất của Việt Nam tại Hiệp hội các nhà văn trinh thám quốc tế. Những tác giả đến nay vẫn lựa chọn thể loại tiểu thuyết tình báo có thể kể đến Triệu Huấn, Mai Thanh Hải… nhưng các tác giả này cũng không có một cuốn sách nào vượt qua những cuốn sách tiểu thuyết tình báo ghi dấu trong lòng độc giả như *Ván bài lật ngửa* hay *Ông cố vấn.*

Mặc dù là một bộ phận của tiểu thuyết trinh thám, nhưng đặt trong bối cảnh của cuộc chiến tranh nên tiểu thuyết tình báo Việt Nam vừa mang trong mình đặc trưng của thể loại tiểu thuyết vừa thấm đẫm khí thế cách mạng hào hùng của dân tộc. Nó thể hiện qua hai đặc trưng cơ bản của mảng văn học cách mạng là *phản ánh hiện thực chiến tranh* và *mang tính tư liệu* (người thật, việc thật) nhiều hơn là tính tiểu thuyết.

1.2.1.1. Tiểu thuyết tình báo phản ánh hiện thực chiến tranh

Các nhà văn Việt Nam, hơn ai hết được thừa hưởng một di sản giàu có được để lại từ chính lịch sử cuộc đấu tranh giải phóng, thống nhất đất nước. Ngành tình báo nước nhà trong suốt cuộc chiến tranh đã làm nên nhiều chiến tích anh hùng, sống động, đôi khi kỳ lạ như huyền thoại. Lịch sử, tự nó đã chứa đựng sự ly kỳ, gay cấn. Sau chiến tranh, khi các hồ sơ được giải mật, chính nó đã làm nên cú sốc cho dư luận, bao nhiêu số phận, bao nhiêu vụ việc đánh thức ở trong người viết và người đọc những tình cảm ngưỡng vọng, mến yêu, và cả thắp lên ở mỗi người trí tò mò, ý muốn khám phá những gì thuộc về *lịch sử phần chìm* - chữ dùng của GS. Phong Lê. Thế nhưng, mục đích giải trí, dẫu có được quan tâm, song đó không phải là động lực cơ bản chi phối sự phát triển của tiểu thuyết tình báo ở Việt Nam. Tiểu thuyết trong dòng chảy văn học chiến tranh mang đậm tính sử thi, phát triển mạnh mẽ cho đến cuối thập niên 80. Khác với trinh thám chính trị phương Tây ở chỗ, mặc dù có lưu ý đến tính hấp dẫn của đề tài,

song nhu cầu phản ánh hiện thực của cuộc chiến ác liệt, hào hùng của dân tộc vừa trải qua mới là lý do chính cho sự phát triển của tiểu thuyết tình báo Việt Nam.

Mặt khác, *lịch sử phần chìm* của chiến tranh Việt Nam mà ở đây là cuộc chiến tranh tình báo, phản gián, có sức quyến rũ đặc biệt với người cầm bút. Nhưng ngay từ đầu, hiện thực này không phải bất kỳ ai cũng được biết đến. Cuối những năm 1960, các nhà văn viết tiểu thuyết tình báo hầu hết ở trong ngành công an. Đặng Thanh nguyên là cán bộ công an Thừa Thiên, Thanh Đàm, Văn Phan ở Bộ Công an… Những tác giả này lựa chọn đề tài phản gián trước hết vì vốn sống của họ, vì những thông tin mà họ đặc quyền tiếp xúc, những mục đích mà họ hướng tới, như sau này các nhà văn khác đều hướng tới, là nhằm phản ánh cuộc chiến đấu thầm lặng của các lực lượng an ninh, tình báo trong bối cảnh đất nước chiến tranh, ca ngợi con người Việt Nam yêu nước qua hình tượng người chiến sĩ tình báo dũng cảm, quên mình vì lý tưởng. Sau này, khi các hồ sơ chiến tranh được công bố, địa hạt tình báo - phản gián thu hút cùng lúc đông đảo người viết, thì mong muốn thể hiện chân thực cuộc sống bí mật mà các chiến sỹ an ninh đã tiến hành để mang lại thắng lợi cho hai cuộc kháng chiến càng trở nên đậm nét. Nhà văn Ma Văn Kháng đã nhận xét về đề tài an ninh quốc gia như sau: *Tất yếu đã dành cho mảng văn học về đề tài vì an ninh Tổ quốc một ưu tiên trội bật là sự gần gũi và gắn bó mật thiết của nó với lịch sử dân tộc. Cảm hứng của đề tài và tất nhiên, trách nhiệm của nó cũng bắt nguồn từ đây*…[63, *tr.30*].

Nhà văn Việt Nam đa phần là những người đều có phần đời sống tham dự vào các sự kiện cách mạng. Số phận người cầm bút gắn bó chặt chẽ với số phận đất nước trong cuộc chiến tranh. Vì vậy, họ viết bằng trách nhiệm lịch sử, với ý thức *ghi lại càng nhiều càng tốt những gì đã biết, đã trải qua về một thời đại mà mình có may mắn được là chứng nhân lịch sử* [80, *tr. 416*].

Phần lớn truyện tình báo như GS. Phong Lê nhận xét: "*ít khi là những chuyện đời tư, mà gắn rất sâu vào những diễn biến của đời sống cách mạng. Có thể vượt qua được khu vực đề tài này mà đến được với phần sâu, phần sau, phần có vẻ tĩnh của một bộ sử thi về cách mạng*..." [64, *tr.26*].

Quả thực, mỗi sự kiện lớn của lịch sử cách mạng đều để lại dấu ấn trong tiểu thuyết tình báo. Đối với các nhà văn, mỗi câu chuyện có thật, những sự kiện lớn của lịch sử cách mạng thường mang đến cho họ chất liệu đồng thời là cảm hứng để xây dựng tác phẩm. Từ những ngày đầu chính quyền cách mạng còn trứng nước, các lực lượng an ninh đã làm nên sự kiện phố Ôn Như Hầu, phá âm mưu lật đổ nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa còn non trẻ của các tổ chức phản động Việt quốc, Việt cách. Đó chính là bối cảnh của cuốn tiểu thuyết *Mùa hạ khó quên* của Nguyễn Thành Phong. *Câu lạc bộ chính khách* của Lê Tri Kỷ kể về hoạt động của công an xâm nhập vào mạng lưới gián điệp Pháp, tổ chức đánh đắm chiến hạm Amyot D'inville nổi tiếng. *Nhóm rắn lục* của Văn Phan thì dựng lại cuộc đấu tranh chống gián điệp ở miền Bắc thập niên 60. *Yêu tinh* của Hồ Phương miêu tả "trò chơi điện đài" của công an Việt Nam cài bẫy, đánh lừa cơ quan tình báo CIA của Mỹ. *Ván bài lật ngửa* của Nguyễn Trường Thiên Lý đề cập đến bối cảnh cuộc kháng chiến chống Mỹ và chính quyền tay sai trong thời gian dài lâu, từ 1954 đến 1965, trong đó có thể điểm một cách chính xác các mốc lịch sử: Hiệp định Genève, ám sát, lật đổ chế độ Ngô Đình Diệm, đồng khởi Bến Tre, chống chính sách Nguyễn Văn Thiệu và các âm mưu tham dự trực tiếp vào chiến trường của người Mỹ. Bối cảnh trong *Ông cố vấn* của Hữu Mai còn dài hơn, 20 năm, từ 1958 đến 1975 viết về hoạt động của cụm tình báo A.22 dựa trên tư liệu *Hồ sơ mật về Cụm tình báo chiến lược A.22* của Nha Tổng giám đốc Cảnh sát quốc gia, chính quyền Sài Gòn. Tính chân xác của bộ tiểu thuyết này

phần nào được khẳng định qua trích dẫn sau: "Từ trước đến nay, ngoại trừ những giai thoại giả tưởng trong tiểu thuyết trinh thám, chưa bao giờ có những tổ điệp báo thành công đến như thế (…). Cụm A.22 hoạt động và phát triển đều đặn đã thi thố nhiều thủ đoạn mà chúng ta phải nhìn nhận là huyền diệu và xuất sắc. (…) Cụm đã phát triển được một hệ thống điệp vụ vô cùng quan trọng và đã len lỏi vào được nhiều cơ quan đầu não của Việt Nam cộng hòa (…). Các dự án quốc gia đều được cụm A.22 thu thập và phúc trình, và nhờ Cụm tình báo chiến lược mà các cấp lãnh đạo Hà Nội biết nhiều điều cơ mật mà chính các Tổng Bộ trưởng Sài Gòn không biết, (…) Họ đã tiếp xúc với các yếu nhân Việt Nam và cũng gặp gỡ, đàm luận dễ dàng với các yếu nhân Mỹ như Ô.Ô.Colon, Heavner, Smith, Colby, Burger…"

Trên nền lịch sử đầy sôi động, nhân vật của tiểu thuyết tình báo không phải là nhân vật điệp viên với những đức tính khôn khéo, tài năng, phi dao găm và bắn súng hai tay, nhảy dù và lặn dưới nước, luôn luôn sống sót qua tất cả các thử thách như trong tiểu thuyết gián điệp phương Tây, mà là chiến sỹ an ninh chiến đấu cùng với một lực lượng, một lưới, có khi là cùng với đông đảo nhân dân yêu nước. Họ là những chiến sỹ chiến đấu vì lý tưởng, là điển hình của chủ nghĩa anh hùng cách mạng.

Hầu hết các nhà văn khi cầm bút đều thừa nhận họ lựa chọn đề tài tình báo - phản gián nhằm ghi lại cuộc đời và chiến công của các chiến sĩ an ninh tình báo trong kháng chiến. Hòa chung trong cảm hứng của văn học chiến tranh, tiểu thuyết tình báo mang đậm tính sử thi, mang cảm hứng ngợi ca. Các nhân vật chiến sĩ tình báo đều là những anh hùng, công việc và tính cách của họ là mẫu mực của chủ nghĩa anh hùng cách mạng. Nguyễn Thành Luân trong *Ván bài lật ngửa*, Vũ Ngọc Nhạ trong *Ông cố vấn*, Trần Duy Nghĩa trong *Sao đen*… đều như vậy.

1.2.1.2. Tính tư liệu của tiểu thuyết tình báo

Sự phát triển của tiểu thuyết tư liệu trong văn học nói lên tính hấp dẫn của nó đối với bạn đọc, đặc biệt là tiểu thuyết tư liệu tình báo. Trong tiểu thuyết hư cấu, hình tượng nghệ thuật được khái quát dựa trên vốn sống, sự chiêm nghiệm cuộc đời và quan niệm của nhà văn, nó làm thỏa mãn khát vọng đa chiều của người đọc. Tiểu thuyết tư liệu không được hư cấu mà phải bám chắc vào sự thật hiện thực, sự thật về sự kiện, sự thật về con người. Trong tiểu thuyết tư liệu, người đọc được thỏa mãn sự hiểu biết về con người và sự kiện có thực, được rung động trước phẩm chất đặc biệt của con người và và sự kiện đó.

Phần lớn tiểu thuyết tình báo, phản gián lấy cảm hứng và chất liệu từ những sự kiện và con người có thực trong lịch sử. Có thể điểm qua một số cuốn sách: *Ván bài lật ngửa* lấy nguyên mẫu từ cuộc đời hoạt động tình báo của nhà báo - anh hùng Phạm Ngọc Thảo; bộ *Ông cố vấn* viết về anh hùng Vũ Ngọc Nhạ; cuốn *Đêm yên tĩnh* dựng lại vụ án CM12 nổi tiếng khi đã được đưa ra xử lý công khai năm 1989; cuốn *Yêu tinh* kể về chuyên án K32 của công an lợi dụng gián điệp Castor do CIA tung ra miền Bắc để đánh lừa cơ quan tình báo Mỹ; cuốn *Câu lạc bộ chính khách* của Lê Tri Kỷ và *Tiếng nổ trên chiến hạm Amyot D'inville* của Văn Phan cùng lấy chất liệu từ cuộc đời hoạt động của điệp viên A13 Hoàng Đạo và vụ đánh chiến hạm Pháp Amyot D'inville năm 1952… Phần lớn các nhà văn đều lấy chất liệu từ các sự kiện "nghiêm túc" phản ánh thực tế đời sống cách mạng trong những thời điểm điển hình với những nhân vật điển hình cho lý tưởng yêu nước và lý tưởng cách mạng. Hữu Mai từng tâm sự: "Năm 1981, Tổng cục Chính trị có chủ trương viết về hoạt động của những chiến sỹ tình báo trong chiến tranh. Tôi may mắn nằm trong số nhà văn được chọn làm việc này. Cục 2 giới thiệu với chúng tôi về những chiến công tiêu biểu của ngành. Tôi đặc biệt lưu ý đến

lưới trưởng A22 Vũ Ngọc Nhạ…" hay: "Ngay sau khi ngụy quyền Sài Gòn rút chạy, 30 tháng 4 năm 1975, Vũ Ngọc Nhạ và cán bộ Cục Tình báo của ta đã có mặt ở Tổng nha Cảnh sát Sài Gòn. Họ tìm thấy toàn bộ *Hồ sơ mật về Cụm tình báo chiến lược A22*. Tập hồ sơ này chính là lá bùa hộ mệnh đối với anh. Nó đã bị bỏ quên trong két sắt bảo mật. Tập hồ sơ không chỉ cung cấp sự đánh giá của phía bên kia về những hoạt động thần kỳ của anh mà còn giúp tôi trả lời những câu hỏi hóc búa khi bộ sách viết về anh được xuất bản". Chỉ có nhà văn Triệu Huấn cầm bút cuối những thập niên 80 đầu thập niên 90, khi nền kinh tế thị trường xuất hiện ở Việt Nam, ông thú nhận: *tư liệu viết truyện tình báo hầu hết là lá cải, có đầy trong các báo* [64, *tr.102*]. Lấy tư liệu "lá cải", không phụ thuộc vào các sự kiện và con người lịch sử, Triệu Huấn cũng là nhà văn duy nhất công nhận viết tiểu thuyết tình báo vì *xét đoán tình hình thấy tiểu thuyết tình báo đang ăn khách* [64, *tr.99*].

Một cách tự nhiên, tiểu thuyết tình báo ở Việt Nam được thừa hưởng chất liệu giàu có từ cuộc đấu tranh giải phóng và bảo vệ an ninh quốc gia. Trước miền đất giàu có ấy, nhà văn, nói như Hữu Mai, viết với ý thức *ghi lại càng nhiều càng tốt những gì đã biết, đã trải về một thời đại mà mình có may mắn được là một chứng nhân lịch sử*. Xử lý tư liệu, tiểu thuyết hóa những tư liệu đồ sộ không phải là vấn đề đơn giản. Trong khi đó, hình thức tiểu thuyết tình báo - phản gián còn là một khái niệm xa lạ chưa có trong truyền thống văn học Việt Nam. Ngay từ ban đầu, người cầm bút thậm chí không nghĩ đến khả năng tiểu thuyết hóa những tư liệu mình có được. Họ chỉ nghĩ ghi chép lại các sự kiện, những con người anh hùng để lưu lại sao cho chân thực nhất gương mặt của lịch sử. Nhà văn, vì vậy, coi mình là người viết tư liệu hơn là sáng tạo văn chương. Trong tâm thế đó, các tác giả ghi phụ đề thể loại cho tác phẩm của mình là truyện tình báo, truyện phản gián hay hồ sơ phản gián… *Giữa sa mạc lửa* của Nhị Hồ, trong lần xuất bản đầu tiên ghi rõ là "tiểu thuyết

tư liệu", phải đến lần tái bản năm 1994, nó mới được đổi tên là *Điệp viên giữa sa mạc lửa* và được chú thích "tiểu thuyết tình báo". Cuốn *Ông cố vấn* nổi tiếng cũng không hề có chú thích là thể loại tiểu thuyết, theo quan điểm của Hữu Mai, nó chỉ là "hồ sơ một điệp viên". Cuốn *Đêm yên tĩnh* là "hồ sơ phản gián hậu chiến". *Dạ khúc* của Thiết Vũ là *truyện phản gián; Kế hoạch Anpha* của Lê Chấn là *truyện tình báo, Tiếng nổ trên chiến hạm Amyot D'inville* là *truyện tư liệu*... Điều này một mặt cho thấy tâm thế nhà văn khi cầm bút đồng thời vừa phản ánh khả năng "nệ" thực của tiểu thuyết tình báo. Vì vậy, đọc tiểu thuyết tình báo của Việt Nam dễ nhận ra sự lẫn lộn giữa tính tiểu thuyết và tính tư liệu. Nó gần gũi và nhập nhằng đến nỗi có nhà phê bình đã xét *Điệp viên giữa sa mạc lửa, Ông cố vấn, Tiếng nổ trên chiến hạm Amyot D'inville, Bên kia Cổng Trời* (Ngôn Vĩnh)… vào cùng một nhóm *văn xuôi tư liệu* [19] hoặc quan niệm đó là *tiểu thuyết tư liệu xung quanh cuộc đời và chiến công của các chiến sĩ tình báo* [52].

Quan niệm văn học phản ánh hiện thực, văn học thể hiện cuộc sống như vốn có… tồn tại trong văn học Việt Nam một thời gian dài đã chi phối phương thức của tiểu thuyết, dẫn đến hiện tượng văn học mô tả hiện thực mà tiểu thuyết tình báo là một trong những hình thức bị chi phối mạnh nhất.

1.2.2. Tiểu thuyết "Ông cố vấn" và vị trí của nó trong mảng tiểu thuyết tình báo Việt Nam

Cuốn tiểu thuyết tình báo *Ông cố vấn* của Hữu Mai kể về cuộc đời hoạt động tình báo của anh hùng Vũ Ngọc Nhạ. Bối cảnh bắt đầu từ tháng 12 năm 1958 khi Vũ Ngọc Nhạ bị bắt ở Sài Gòn, kết thúc vào buổi trưa ngày 30 tháng 4 năm 1975 tại Dinh Độc Lập. Gần 20 năm là toàn bộ thời gian nhà tình báo Vũ Ngọc Nhạ hoạt động trong lòng chế độ miền Nam. Trong cuốn sách này, tất cả các nhân vật đều là người thật, từ Vũ Ngọc Nhạ (Hai Long), Lê Hữu Thúy (Thắng), Vũ Xuân Hòe, Huỳnh Văn Trọng, bé Liên, út Dẻo, cụm

trưởng Năm Sang đến gia đình họ Ngô, Nguyễn Văn Thiệu, Minh Lớn, Minh con, O' Connor, William Colby, Burger… Cha Hoàng chính là cha Hoàng Quỳnh - chỉ huy Tổng bộ tự vệ Phát Diệm, trong tác phẩm đã vào Nam làm cha xứ nhà thờ Bình An. Sự việc diễn ra là có thật. Đây là chuyện người thật, việc thật trăm phần trăm. Chính Hữu Mai cũng thừa nhận tính tư liệu của cuốn sách: "Tập hồ sơ sau đây sẽ đưa ra ánh sáng những vấn đề đến nay còn chưa rõ ràng… Nó được trình bày dưới dạng tiểu thuyết cho hình thức đỡ khô khan. Tuy nhiên, điều mong mỏi của tác giả là được chuyển tới bạn dọc những sự kiện, những chi tiết chân xác, với những con người thật" [Trước khi vào truyện, tr.11]; "Khi viết Ông cố vấn, tôi hầu như không nghĩ đến chuyện văn chương, chỉ mong sao tái tạo được một cách trung thực nhất những gì tôi thu thập được từ lưới A22. Sẽ không thể có cuốn sách nếu không có sự hy sinh thầm lặng, sự chịu đựng bao đắng cay, hiểm nghèo, tinh thần kiên định cách mạng và tài năng của những con người như Vũ Ngọc Nhạ và các đồng đội của anh" [Phụ lục]. Cuốn sách này khi ra đời cũng đã được cơ quan có trách nhiệm *khẳng định về tính trung thực của nó*. Đó là một cuốn sách tư liệu, là *hồ sơ một điệp viên* như chú thích của tác giả ngay trên bìa sách. Hữu Mai cũng từng chia sẻ: "*Ông cố vấn* ra đời, thu hút khá đông bạn đọc. Nhưng không phải không có câu hỏi đặt ra về tính chính xác của một số sự việc, nhân vật trong sách, được báo cáo lên Tổng cục Chính trị. Tôi phải giải trình các trường hợp này trên cở sở tư liệu đã thu thập, may thay còn lưu giữ đầy đủ. Lúc đó tôi mới biết còn nhiều đồng chí ở Cục 2 cũng chưa có dịp tiếp xúc với hồ sơ của lưới A22. Cuốn sách sẽ không tiếp tục được ra mắt bạn đọc, nếu không được cơ quan có trách nhiệm khẳng định về tính trung thực của nó". Đây chính là một trong những đóng góp lớn của cuốn tiểu thuyết đồng thời thể hiện đặc trưng *phản ánh hiện thực chiến tranh* của thể loại này trong nền văn học cách mạng Việt Nam.

Nhưng tại sao *Ông cố vấn* vẫn được coi là tiểu thuyết? Phần hư cấu của nó là ở chỗ nào? Tôn trọng nguyên mẫu, cố gắng thể hiện chân thực cuộc sống như nó vốn có, thế nhưng cuộc sống đó đã được bàn tay sắp xếp của nhà văn, bởi vì phần còn với bạn đọc lại chính là những sự kiện tiêu biểu làm nên bối cảnh, làm nên số phận của nó. Tác phẩm, do đó không phải là ghi chép đời sống, với tất cả những gì xảy ra hàng ngày. Nhất là, những trang miêu tả tâm trạng nhân vật, thì không thể thiếu khả năng tưởng tượng, hư cấu của nhà văn. Trả lời phỏng vấn báo An ninh thế giới cuối tháng, Hữu Mai thẳng thắn: "…tôi bao giờ cũng tôn trọng tình trạng nguyên mẫu của mình. Không phải không có những thay đổi, điều chỉnh trong tác phẩm, vì văn học phải làm công việc tái tạo, nhưng phải ở mức độ chấp nhận được".

Có thể nói *Ông cố vấn* là tiểu thuyết mang đậm tính tư liệu. Thế nhưng *Ông cố vấn* cũng không chỉ kể sự kiện, cuốn sách còn có những trang cảm động miêu tả tâm trạng của nhà tình báo dấn thân vào sào huyệt kẻ thù. Xen giữa những dòng sự kiện, tác phẩm luôn có những điểm dừng cho tâm trạng, ở đó nỗi lòng, sự trăn trở, ý chí, quyết tâm của con người được bộc lộ. Đây là đoạn tâm trạng Hai Long khi bị đồng đội ở trại Tòa Khâm nghi ngờ phản bội: "Nhưng đáng sợ nhất đối với anh vẫn là những câu nói vọng ra từ khu biệt giam. Lời khước từ sự dụ dỗ. Lời mắng nhiếc những tên chuyển hướng, phản bội. Lời kêu gọi giữ vững khí tiết của người cách mạng, chết vinh còn hơn sống nhục… Những cặp mắt liếc nhìn anh với vẻ hả hê. Lòng anh như dao cắt. Anh chưa được phép chết lúc này vì anh chưa hoàn thành nhiệm vụ. Anh chưa hề thoái chí, vẫn đang cố vượt lên để đi tới đích. Bao giờ những người chung quanh đây sẽ hiểu anh? Có lẽ chẳng bao giờ. Anh thương cho bộ mặt mình, bộ mặt mẹ cha đã sinh thành. Bộ mặt đó đang chuốc lấy bao sự phỉ nhổ. Anh đang đóng một vai kịch đáng kinh tởm nhất bằng chính bộ mặt thật của mình...". Con người này chiến đấu gữa vòng vây thù địch, đối

mặt với sống chết, nhưng trong trái tim luôn có những khoảng rung động. Đây là một đoạn tả nỗi nhớ Hà Nội: "Nỗi nhớ miền Bắc xua đi cái buồn của tiếng mưa rơi rả rích những đêm dài gặm nhấm tâm hồn. Ôi ước gì lúc này lại được nghe tiếng nói từ Hà Nội, một bản tin, một bài thơ, một câu hát…". Rồi khi bất ngờ bị gọi xuống tàu ra Côn Đảo, Hai Long trăn trở khi thấy những thoáng buồn rầu ở Trọng: "Chắc là anh đang nhớ tới người vợ còn trẻ có nhan sắc và mấy đứa con nhỏ ở lại Sài Gòn. Anh đã lớn tuổi rồi nên thời gian không chờ đợi. Anh có tiếc là đã gặp mình không?... Hai Long nghĩ tới ngày mai vợ con anh vào thăm, thấy anh đã biến khỏi khám đường. Anh hình dung thái độ của những người thân lúc đó. Anh bỗng cảm thấy buồn"… Thành công của bộ tiểu thuyết *Ông cố vấn* chính là sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa tư liệu thực tế và sáng tạo văn học. Không ai có thể phủ nhận vai trò của Hữu Mai trong việc "sắp xếp" những sự kiện lịch sử trở thành một tác phẩm đỉnh cao của thể loại tiểu thuyết tình báo - phản gián, để lại dấu ấn đậm nét trong lòng người đọc, điều mà các tác phẩm khác cùng thể loại này về sau không thể vượt qua.

Tóm lại, nếu nói về đóng góp trên phương diện lịch sử thì *Ông cố vấn* không phải là tác phẩm đầu tiên viết về đề tài này, đồng thời so sánh sự đóng góp dưới góc độ thể loại, nghệ thuật thì *Ván bài lật ngửa* có phần mang tính tiểu thuyết nhiều hơn. Tuy nhiên, cái được và cái giá trị của tác phẩm chính là nói đến *Ông cố vấn* là nói đến dòng tiểu thuyết tình báo - phản gián và ngược lại, khi bàn về thể loại tiểu thuyết tình báo - phản gián không thể không nhắc tới *Ông cố vấn* của Hữu Mai.

CHƯƠNG 2. BỘ TIỂU THUYẾT TÌNH BÁO *ÔNG CỐ VẤN* VÀ VẤN ĐỀ PHẢN ÁNH HIỆN THỰC

2.1. Từ bức tranh hiện thực

Như đã phân tích ở trên, là bộ tiểu thuyết viết về đề tài chiến tranh nên *Ông cố vấn* không vượt ra ngoài quỹ đạo "phản ánh hiện thực" - đặc trưng của thể loại tiểu thuyết chiến tranh. Tính "hiện thực" của bộ tiểu thuyết được thể hiện thông qua cách Hữu Mai lựa chọn phương thức hồi tưởng để chuyển tải tác phẩm đến với người đọc, bởi nó phản ánh được ý thức của tác giả muốn tái hiện lại chân dung hiện thực của đất nước, của dân tộc qua chiều dài thế kỷ, đặc biệt qua cuộc chiến tranh cứu quốc vĩ đại. Thế nhưng, xét cho đến cùng, *Ông cố vấn* vẫn được đánh giá là bộ tiểu thuyết điển hình của thể loại tiểu thuyết tình báo. Khi xem xét và phân tích tác phẩm, một điều dễ dàng nhận thấy là Hữu Mai đã kết hợp nhuần nhuyễn giữa thể loại tiểu thuyết và hồi ký để *Ông cố vấn* có thể phản ánh trung thực cuộc chiến tranh của dân tộc đến mức tối đa nhưng vẫn mang tính sáng tạo, hư cấu khiến tác phẩm không bị rơi vào "*văn xuôi tư liệu*" như nhận xét của tác giả Đinh Xuân Dũng trong *Cảm nhận về bước phát triển của mảng văn học "Vì an ninh Tổ quốc và bình yên cuộc sống"*[19].

Chất liệu của *Ông cố vấn* được Hữu Mai "chuyển hóa" từ hồ sơ mật về mạng lưới tình báo A22 và đã được cơ quan chức năng xác nhận tính trung thực của nó. Tuy nhiên, tính tư liệu luôn được tác giả diễn tả bằng những giọng điệu hết sức phong phú (sẽ được phân tích làm rõ ở chương sau). Sự phong phú của giọng điệu ấy đã góp phần quan trọng trong sự "phục sinh" hồi ức và "đa dạng hoá" cái *kết cấu hồi ức* mà các tác giả xây dựng cho tác phẩm của mình. *Ông cố vấn* thể hiện rất rõ sự lựa chọn lối hồi tưởng "theo tuyến tính thời gian" của tác giả: Ông như muốn đi từ điểm xa nhất về đến điểm gần nhất để ngầm nói về cái quá trình - một con đường

“có đầu có cuối” để có nên người anh hùng Vũ Ngọc Nhạ như ngày hôm nay.

Bối cảnh của tiểu thuyết *Ông cố vấn* được xây dựng trong thời kỳ miền Bắc giải phóng đi lên CNXH nhưng miền Nam vẫn “đi trước về sau”, cả dân tộc lại tiến hành cuộc chiến đấu giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc.

Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, đế quốc Mỹ nổi lên như một tên sen đầm quốc tế, cầm đầu phe đế quốc, có tiềm lực rất mạnh và hiếu chiến, âm mưu làm bá chủ thế giới. Lợi dụng đế quốc Pháp suy yếu và sa lầy trong cuộc chiến tranh Đông Dương, Mỹ từng bước hất cẳng Pháp để độc chiếm địa bàn có vị trí chiến lược trọng yếu, giàu tài nguyên thiên nhiên này. Khi Pháp thất trận ở Điện Biên Phủ, chủ nghĩa thực dân cũ sụp đổ thì đế quốc Mỹ đã trực tiếp nhảy vào miền Nam Việt Nam thay chân Pháp, áp đặt chủ nghĩa thực dân kiểu mới, âm mưu chia cắt lâu dài đất nước ta. Cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam của đế quốc Mỹ là cuộc chiến tranh cục bộ lớn nhất thế kỷ này. Xét về quy mô, lực lượng tham gia, phương tiện chiến tranh hiện đại được huy động và tính chất ác liệt theo chiều hướng ngày càng tăng suốt 21 năm thì đây là cuộc đụng đầu lịch sử giữa đế quốc Mỹ với nhân dân Việt Nam - một cuộc đụng đầu không cân sức. Bởi vì nước Mỹ, một trong những nước lớn mạnh nhất hành tinh đi xâm lược nước Việt Nam nhỏ và nghèo lại bị tàn phá trong cuộc chiến tranh chống thực dân Pháp, chưa kịp phục hồi.

Hoàn cảnh đất nước suốt chiều dài lịch sử chống Pháp và chống Mỹ chưa bao giờ khó khắn đến thế. Trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam, Mỹ đã ứng dụng những thành tựu khoa học - kỹ thuật quân sự tiên tiến nhất, mới nhất, sử dụng tối đa sức mạnh tiềm lực để chống Việt Nam. Lúc đầu, nhiều người cho rằng trong cuộc chiến đấu không cân sức này,

nhân dân Việt Nam khó có thể đứng vững. Song qua cuộc kháng chiến, nhân dân Việt Nam đã làm cho cả thế giới kinh ngạc. Vinh quang này thuộc về nhân dân - tất cả những con người đã tham gia tích cực vào cuộc kháng chiến vĩ đại của dân tộc. Trong những con người ấy, không thể không nhắc đến những chiến sỹ thầm lặng làm công tác tình báo, chiến đấu trên một mặt trận đặc biệt (mặt trận tàng hình) cũng đã góp phần mang lại thắng lợi vẻ vang cho dân tộc. Nhân vật Hai Long (anh hùng Vũ Ngọc Nhạ) là một con người như thế!

Bộ tiểu thuyết *Ông cố vấn* được "hồi tưởng" theo trình tự thời gian gần 20 năm, kéo dài từ khi Hai Long bị bắt tháng 12 năm 1958 cho đến ngày thắng lợi 30 tháng Tư 1975 và kéo dài thành ba tập gắn liền với những biến cố quan trọng của lịch sử. Trong tập một, Hai Long bị bắt và bị đưa ra Huế nhưng anh đã khôn khéo mở được mối quan hệ với Ngô Đình Cẩn để được về làm cố vấn chính trị cho Ngô Đình Nhu. Tại đây Hai Long bắt đầu "len lỏi" vào chế độ Ngụy quyền. Diễn biến của dòng hồi tưởng tuân theo đúng những dữ kiện của lịch sử. Kết thúc tập một, anh em họ Ngô bị giết trong cuộc đảo chính, Hai Long lại bắt đầu từ "hai bàn tay trắng". Tập hai là khoảng thời gian Hai Long khéo léo cùng với cha Hoàng lãnh đạo khối công giáo Bùi Chu - Phát Diệm, gây ảnh hưởng lớn đến chính trị chế độ cộng hòa để rồi khi Nguyễn Văn Thiệu lên làm tổng thống, Hai Long lại một lần nữa "leo cao, chui sâu" hơn vào hàng ngũ địch với tư cách là cố vấn chính trị của tổng thống. Và cứ tuân theo dòng chảy của lịch sử, tập 3 của bộ tiểu thuyết được bắt đầu bằng việc mạng lưới A22 bị lộ, Hai Long bị bắt. Anh cùng đồng đội bị đưa ra xét xử, anh bị tuyên án chung thân khổ sai và đầy ra Côn Đảo. Nhưng anh đã tìm được cách để "trở lại", tiếp tục hoạt động cho đến ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng.

Bức tranh hiện thực đời sống được thể hiện trong tác phẩm cũng là hiện thực cuộc kháng chiến chống Mỹ đầy khó khăn, gian khổ của dân tộc. Song song với việc thể hiện cuộc chiến bằng hình ảnh bom đạn khốc liệt: "quang cảnh mới, quang cảnh khốc liệt của chiến tranh. Cánh đồng lỗ chỗ đạn pháo bầy. Cây cối bị đạn đại bác chém gục nằm ngổn ngang, lá cây khô quắt như bị thiêu cháy, tạo nên những vết thương chưa được băng bó giữa rừng cây xanh tốt quanh năm. Nhiều thôn ấp gần đường quốc lộ đã bị bom đạn hủy diệt, chỉ còn là những đống đổ nát không hồn…" hiện thực của *Ông cố vấn* còn nổi lên một mặt trận đặc biệt - mặt trận đấu tranh ngầm mà ở đó chiến sỹ tình báo của chúng ta đã xuất sắc vượt qua những kẻ cầm đầu trong cơ quan đầu não của địch để thu thập thông tin. Trong suốt cuộc đời hoạt động của mình, Vũ Ngọc Nhạ có nhiều tên gọi như Pièrre Vũ Ngọc Nhạ (tên Thánh); Vũ Ngọc Nhã; Hoàng Đức Nhã; Phillipe Vũ Đình Long (Hai Long) hay như bí danh Lê Quang Kép. Ngoài ra, ông còn được biết đến với các biệt danh như Thầy Bốn (do bà con Giáo xứ Bình An đặt cho vì ông là thầy giảng đã tu bốn chức; Ông cố vấn (do ông từng được xem là cố vấn của một số quan chức cao cấp của Việt Nam Cộng hòa). Từ nhỏ, Hai Long sống tại giáo xứ Phát Diệm - Ninh Bình. Thời thanh niên ông có vào học trường dòng một thời gian rồi lên Hà Nội để học thi bằng Tú tài. Đầu năm 1945, sau cuộc đảo chính 9 tháng 3, ông tiếp xúc với một cán bộ Việt Minh và được người này hướng dẫn tham gia cách mạng. Cuối năm 1946, ông tham gia kháng chiến chống Pháp tái chiếm Đông Dương tại mặt trận Hà Nội. Sau khi Việt Minh rút khỏi Hà Nội, ông trở về Thái Bình tham gia công tác dân vận của chính quyền Việt Minh tại địa phương, phụ trách khối công giáo vận với bí danh Lê Quang Kép. Năm 1951, để tiện hoạt động trong vùng Pháp kiểm soát, ông đã nhờ em trai làm một chứng minh thư giả mang tên Vũ Ngọc Nhạ. Năm 1953, được Bí thư Liên

khu ủy Khu 3 là Đỗ Mười giới thiệu, ông được Trần Quốc Hương tuyển chọn vào cơ quan tình báo quân sự để đào tạo cán bộ hoạt động trong giới công giáo.

Bức tranh hiện thực trong *Ông cố vấn* là bối cảnh Hai Long hoạt động từ khi bị bắt để chờ xác minh tại trại Tòa Khâm, Huế đến khi anh gây dựng được niềm tin đối với chính quyền Ngô Đình Diệm và trở thành cố vấn cho tướng Thiệu - hoạt động tại Sài Gòn và khi mạng lưới A.22 vỡ anh bị đày ra Côn Đảo rồi sau đó được trở về Sài Gòn để chứng kiến giờ phút huy hoàng của lịch sử: 11 giờ 30 tháng 4 năm 1975 Quân giải phóng tiến vào cánh cổng sắt của Dinh Độc Lập cắm lá cờ màu đỏ và xanh có ngôi sao vàng lên nóc. Mở đầu tác phẩm: "Sài Gòn. Tháng Mười Hai năm 1958". Đây là thời kỳ Mỹ nhảy vào Việt Nam hất cẳng Pháp thực hiện chủ nghĩa thực dân mới. Với những hoạt động xây dựng chủ nghĩa thực dân mới, tấn công đánh phá lực lượng và phong trào cách mạng, trong mấy năm 1954 - 1959 Mỹ - Diệm đã biến miền Nam Việt Nam từ một chiến trường chống chủ nghĩa thực dân thành một chiến trường phản kích lại các lực lượng cách mạng. Âm mưu chiến lược của Mỹ là biến miền Nam Việt Nam thành thuộc địa kiểu mới, thành căn cứ quân sự, một bàn đạp để tấn công miền Bắc và phe xã hội chủ nghĩa từ phía Nam, ngăn chặn sự bành trướng của chủ nghĩa cộng sản đang lan tràn xuống vùng Đông Nam. Từ cuối năm 1954, Mỹ - Diệm ở miền Nam tập trung bình định lực lượng Đại Việt, Quốc Dân Đảng ở miền Trung, lực lượng Liên Tôn Cao - Hòa - Bình ở Nam Bộ. Cùng lúc đó Diệm cho gạt các phần tử thân Pháp, kể cả các tướng lĩnh cao cấp trong quân đội Liên hiệp Pháp. Các cuộc tập hợp dân chúng được bày biện ra như "Trưng cầu dân ý", "Phế truất Bảo Đại", "Suy tôn Ngô Tổng thống"… Năm 1956 nhà cầm quyền miền Nam tiếp tục cự tuyệt mọi đề nghị của Chính phủ Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa về việc Hiệp

thương tổng tuyển cử thống nhất đất nước như Hiệp định Genève quy định. Được Mỹ khuyến khích và vạch kế hoạch, Diệm đơn phương tổ chức bầu cử Quốc hội, ban hành Hiến pháp riêng rẽ, lập "Nền đệ nhất cộng hòa" ở miền Nam Việt Nam, tuyên bố đặt Cộng sản ra ngoài vòng pháp luật. Chính quyền Diệm cũng đẩy mạnh các hoạt động đánh phá Cách mạng miền Nam. Trong khi nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa được xây dựng trên học thuyết xã hội chủ nghĩa thì hai anh em hắn xây dựng chủ nghĩa nhân vị như là một học thuyết làm nền tảng ý thức hệ cho nhà nước ở miền Nam Việt Nam với chính đảng Cần lao Nhân vị. Hai anh em hắn muốn loại trừ triệt để những người cộng sản còn lại ở miền Nam bằng những chiến dịch tố cáo cộng sản nằm vùng. Không chỉ loại trừ cộng sản, Tổng thống Ngô Đình Diệm còn bỏ tù một số chính trị gia đối lập. Tuy chính quyền Ngô Đình Diệm ráo riết chống cộng nhưng Hai Long đã vận dụng tài tình nghiệp vụ của một điệp viên để chui sâu vào hàng ngũ địch, tìm cách cung cấp những thông tin quan trọng cho cơ sở. Năm 1963, chính quyền Ngô Đình Diệm bị lật đổ, dưới sự hậu thuẫn của Mỹ, Nguyễn Văn Thiệu được bầu làm Tổng thống, Hai Long tiếp tục tạo dựng được niềm tin từ Thiệu và trở thành cố vấn.

Bộ tiểu thuyết *Ông cố vấn* của nhà văn Hữu Mai đã bao quát toàn bộ hiện thực lịch sử trên từ chiều rộng không gian đến chiều dài thời gian, mở rộng tối đa tầm vóc hiện thực. Bức tranh hiện thực toàn cảnh mà Hữu Mai phản ánh cũng bộn bề, phức tạp, đa dạng, đa chiều, đa tầng như chính hoàn cảnh khó khăn, gian khổ của dân tộc lúc bấy giờ.

Với khả năng phản ánh hiện thực chiến tranh qua việc xây dựng hình tượng nhà tình báo tài ba Vũ Ngọc Nhạ, tác phẩm đã góp phần không nhỏ trong câu trả lời trước những thắc mắc của bạn bè thế giới về cuộc kháng chiến thần thánh của dân tộc, đặc biệt là chiến thắng Ngày 30 tháng

Tư năm 1975: Tại sao một dân tộc nhỏ bé, nghèo nàn, lạc hậu như dân tộc Việt Nam lại có thể đánh thắng đế quốc Mỹ lớn mạnh, giàu có và hiện đại?

2.2. Đến đời sống nhân vật

Đối với tiểu thuyết nói chung, tiểu thuyết tình báo nói riêng, *nhân vật là yếu tố quan trọng, là linh hồn cho mỗi tác phẩm.* Đó là hạt nhân của sự sáng tạo, là trọng điểm để nhà văn lý giải tất cả mọi vấn đề của đời sống xã hội. Nhân vật tiểu thuyết có thể chỉ là sự hóa thân, là hình bóng, mộng tưởng của chính tác giả như trong tiểu thuyết lãng mạn; cũng có thể được xây dựng từ những nguyên mẫu của đời sống kết hợp với những năng lực tổng hợp và sáng tạo của nhà văn như trong tiểu thuyết hiện thực. Nhân vật có thể là nạn nhân của một bối cảnh xã hội, cũng có thể được coi là chủ nhân của lịch sử đủ khả năng làm chủ vận mệnh của mình… Điều quan trọng là nhân vật ấy phải là điểm xuất phát và *trung tâm của sự mô tả nghệ thuật.* Qua nhân vật, nhà văn gửi gắm ý tưởng của mình về đời người và người đời. Dưới ngòi bút miêu tả của nhà văn, nhân vật hiện lên với đời sống riêng, định mệnh riêng, in đậm dấu ấn sáng tạo của người nghệ sĩ. Là kết quả của trí tưởng tượng, nhân vật xuất hiện trong tác phẩm sinh động, như một biến số tự nó luôn có sự chuyển hóa để thích nghi với biến sinh của cuộc đời. Nếu chỉ là hằng số bất biến để minh họa một luận đề định sẵn thì rốt cục nhân vật chỉ là thứ cây trồng ở nơi thiếu ánh sáng, nhạt nhòa và lụi tàn theo thời gian. Môt nhà văn tài năng và có phong cách sẽ là người luôn biết cách tình ra những vùng đề tài mới để chuyển tải thông điệp thẩm mỹ của mình. Nhân vật được tạo nên do khả năng hư cấu của nghệ sĩ nhiều khi chân thực như cuộc đời thực, thậm chí hiện diện trong đời sống con người như một hình ảnh lý tưởng. Nhân vật dù có sức ám ảnh lớn đến đâu đi nữa thì nó vẫn là sản phẩm được xây dựng theo quan điểm chủ quan của nhà văn, không nên yêu mến, phán xét và đồng nhất với con người ngoài đời.

Mặc dù trong tiểu thuyết *Ông cố vấn*, tất cả các nhân vật đều là người thật, từ Vũ Ngọc Nhạ (Hai Long), Lê Hữu Thúy (Thắng), Vũ Xuân Hòe, Huỳnh Văn Trọng, bé Liên, út Dẻo, cụm trưởng Năm Sang đến gia đình họ Ngô, Nguyễn Văn Thiệu, Minh Lớn, Minh con, O' Connor, William Colby, Burger… nhưng khi phân tích, nghiên cứu nhân vật cũng cần luôn luôn nhớ rằng nhân vật tiểu thuyết là một sáng tạo nghệ thuật độc đáo gắn liền với ý đồ tư tưởng của nhà văn trong việc nêu lên những vấn đề của hiện thực cuộc sống. Betông Brecht cho rằng: "Các nhân vật của tác phẩm nghệ thuật không phải giản đơn là những bản dập của những con người sống mà là những hình tượng được khắc họa phù hợp với ý đồ tư tưởng của tác giả". Trong khuôn khổ của luận văn thạc sỹ, chúng tôi đi vào tìm hiểu quan niệm nghệ thuật về con người qua tác phẩm Ông cố vấn của nhà văn Hữu Mai thông qua thế giới nhân vật và quan niệm về người anh hùng lý tưởng.

2.2.1. Thế giới nhân vật

M. Gorki có lần khuyên một nhà văn trẻ: "Anh hãy bỏ nghề viết đi. Đấy không phải là việc của anh, có thể thấy rõ như thế. Anh hoàn toàn không có khả năng miêu tả con người cho sinh động, mà đấy lại là điều chủ yếu". Ở đây, Gorki muốn nói đến việc xây dựng nhân vật của nhà văn. Nhân vật văn học được hiểu là "một hiện tượng nghệ thuật mang tính ước lệ, đó không phải là sự sao chụp đầy đủ mọi chi tiết biểu hiện của con người mà chỉ là sự thể hiện con người qua những đặc điểm điển hình về tiểu sử, nghề nghiệp, tính cách v.v…" [28; tr126].

Với lý tưởng thẩm mỹ của mình, Hữu Mai đã phân chia thế giới nhân vật trong bộ tiểu thuyết *Ông cố vấn* thành hai nhóm: Nhân vật chính diện và nhân vật phản diện

Khái niệm nhân vật chính diện, phản diện là một phạm trù lịch sử, có sự biến đổi khác nhau qua từng thời kỳ và thể chế chính trị. Bởi vậy, khái

niệm chính diện và phản diện ở đây là xét theo hệ tư tưởng cộng sản. Trong mảng văn học cách mạng, các nhân vật thường được chia thành hai tuyến ta - địch rạch ròi. Cách phân chia nhân vật được xét theo hai tiêu chí: thành phần xuất thân và hành động thực tiễn của nhân vật. Theo quan điểm của các nhà văn cách mạng, thành phần ưu tú của chế độ mới là những người xuất thân từ giai cấp công nhân và nông dân. Tinh hoa của hai thành phần này là những chiến sỹ trên trận tuyến đánh quân thù, họ đại diện cho lực lượng chiến thắng trong cuộc cách mạng vô sản. Bởi vậy, nhà văn dồn hết tâm huyết vào nhân vật chính diện, miêu tả họ bằng những lời lẽ đẹp nhất. Họ có lập trường giai cấp vững vàng, thái độ yêu ghét rõ ràng, không gì có thể lay chuyển được ý chí của họ.

2.2.1.1. Nhân vật chính diện

Các nhân vật chính diện trong toàn bộ tiểu thuyết *Ông cố vấn* là những chiến sĩ cách mạng hoạt động tình báo, tức là dò la tin tức bí mật của đối phương để tiến hành các hoạt động phản gián, lật đổ, phá hoại, ám sát... Đó là những con người mang phẩm chất đạo đức tốt, phù hợp với lý tưởng thẩm mỹ của thời đại - những chiến sĩ cộng sản kiên trung với đường lối, chính sách của Đảng dù hoạt động trong hàng ngũ địch. Từ đó tác giả đã phát triển nhân vật chính diện thành nhân vật trung tâm của tác phẩm: nhân vật Hai Long. Anh được biết đến với nhiều tên gọi như Vũ Ngọc Nhạ, Hoàng Đức Nhã… và nắm giữ nhiều vai trò trong đó có vai trò lãnh đạo của tổ tình báo A.22, cố vấn chính trị cho Ngô Đình Cẩn, Ngô Đình Nhu, Nguyễn Văn Thiệu, người phụ tá của đức cha Lê, cố vấn của cha Hoàng trong khối Công giáo Bùi Chu - Phát Diệm… Tiếp đến là nhân vật Hòe, làm chánh sự vụ ở Tổng đoàn Công kỹ nghệ Việt Nam được Hai Long kết nạp vào tổ tình báo A.22. Cùng với Hòe là nhân vật Huỳnh Văn Trọng tức Bernard Trọng, là người được Hai Long đưa lên nắm vị trí quan trọng trong

chính quyền Nguyễn Văn Thiệu để khai thác thông tin cho ta. Ngoài ra, còn có rất nhiều nhân vật khác đóng vai trò quan trọng trong nhiệm vụ của Hai Long như đồng chí Tám, đồng chí Năm Sang - cụm trưởng cụm tình báo, đồng chí Mười Hương (tức đồng chí Trần Quốc Hương), đồng chí Ba Vân là những cán bộ cấp cao của Hai Long, trực tiếp chỉ đạo mạng lưới tình báo của ta ở Sài Gòn. Nhân vật bác Bảy, người lái xe ba gác chở rau hàng ngày cho vợ Hai Long đem ra chợ bán lại chính là người liên lạc giữa Hai Long và tổ chức. Nhân vật bé Liên là con gái của Hai Long, tham gia giao liên từ khi mười bốn tuổi. Nhân vật Út Dẻo là cô gái giao liên, giúp tổ chức chuyển tài liệu mật… Cách thức mà Hữu Mai xây dựng nên các hình tượng nhân vật chính diện này cũng không thoát ra được khỏi cái bóng của tiểu thuyết cách mạng. Dường như các nhân vật này, nói theo cách của một nhà nghiên cứu nước ngoài, được "tắm rửa sạch sẽ", được "bao bọc trong một bầu không khí vô trùng". Nhưng có lẽ nhờ đó mà *Ông cố vấn* vượt ra khỏi tính tư liệu khô khan để mang trong mình hơi thở của tiểu thuyết.

2.2.1.2. Nhân vật phản diện

Hệ thống nhân vật phản diện trong bộ tiểu thuyết là những nhân vật thuộc chính quyền miền Nam cộng hòa. Đó là anh em họ Ngô bao gồm Ngô Đình Diệm, Ngô Đình Nhu, Ngô Đình Cẩn; Vợ của Ngô Đình Nhu là Trần Lệ Xuân; là Nguyễn Văn Thiệu, Nguyễn Cao Kỳ, cha Hoàng; là Dương Văn Hiếu, trưởng ty công an Thừa Thiên, trước đây là ủy viên Ban Tư pháp khu Ba của ta nhưng đã phản bội; Tá Đen nguyên là quân báo trung đoàn 6, đại đoàn Đồng Bằng, đã phản bội ta. Lê Vượng, Lê Văn Dư là những người quản lý trại Tòa Khâm tại Thừa Thiên, dưới trướng của Cẩn…

Hầu hết các nhân vật phản diện trong mảng tiểu thuyết chiến tranh cách mạng Việt Nam đều là những thành phần chống cộng sản như các sỹ

quan, binh lính… hoặc những người xuất thân từ thành phần tư sản, địa chủ, quý tộc… Chân dung của họ được miêu tả bằng những đường nét xấu xa, có hành động mất hết tính người. Nhân vật phản diện thường có nội tâm nghèo nàn, tinh thần bạc nhược, sống thiếu lý tưởng. Tuy nhiên, trong *Ông cố vấn* không phải tất cả các nhân vật phản diện đều mất hết nhân tính. Ta có thể kể ra đây nhân vật Ngô Đình Cẩn với những tính cách trái chiều, có tính tốt, có tính xấu. Không đơn thuần chỉ là kẻ thất học, hung hăng, tàn bạo, hiểm độc, Cẩn cũng là người nhẹ dạ, cả tin, mau nước mắt, nhu hòa, mềm yếu, dễ bảo. Bên cạnh tính sắc sảo, tự phụ, hoạt bát, Cẩn là người mù mờ, ngờ nghệch, tự nhận cái kém cỏi, cái dốt của mình. Cẩn luôn luôn kèn cựa với các linh mục nhưng lại rất biết vâng lời cha linh hưởng. Cẩn rất thích được khen là hiếu đễ, thích được nghe lời phỉnh nịnh nhưng thương mẹ, lo lắng cho mẹ chu toàn. Ngoài ra, nhân vật cha Hoàng là người chống Cộng quyết liệt, tham vọng, nhưng đồng thời cũng còn là người giàu tình nghĩa, nhất là với Hai Long. Ngoài tính hiếu động chính trị, cha Hoàng hội tụ đầy đủ tính cách của một ông già tiếc nuối, cô đơn và chán nản với tuổi tác và khả năng của mình….

Như vậy, trong thủ pháp xây dựng hệ thống nhân vật của mình, mặc dù luôn tôn trọng nguyên mẫu, nhưng các nhân vật chính diện và phản diện của Hữu Mai đều được "tiểu thuyết hóa" tối đa để không gây nhàm chán cho bạn đọc. Tuy nhiên, sự sáng tạo trong tính cách nhân vật này luôn hợp lý với các tình huống của cốt truyện mà ông kỳ công xây dựng, để các chi tiết thắt nút, mở nút của tác phẩm luôn đạt tới cao trào mà không hề gượng gạo, không tạo ra bất kỳ sự phản cảm nào đối với người đọc. Thông qua cách thức xây dựng hệ thống nhân vật chính diện, phản diện, Hữu Mai cũng góp phần phản ánh hiện thực cách mạng nhưng cũng đồng thời thể

hiện quan niệm của mình về người anh hùng lý tưởng trong nền văn học cách mạng Việt Nam.

2.2.2. Quan niệm về người anh hùng lý tưởng

Hầu hết các nhà văn khi cầm bút đều thừa nhận, họ lựa chọn đề tài tình báo nhằm ghi lại cuộc đời và chiến công của các chiến sỹ an ninh tình báo trong kháng chiến. Hòa chung trong cảm hứng của văn học chiến tranh, tiểu thuyết tình báo - phản gián mang đậm tính sử thi, mang cảm hứng ngợi ca. Các nhân vật chiến sỹ tình báo đều là những anh hùng, công việc và tính cách của họ là mẫu mực của chủ nghĩa anh hùng cách mạng. Nguyễn Thành Luân trong *Ván bài lật ngửa*, Trần Duy Nghĩa trong *Sao đen*... đều như vậy.

Với bộ tiểu thuyết tình báo *Ông cố vấn* của Hữu Mai, thực tế và văn học gần như hòa làm một. Tác giả không phải cố gắng khắc họa nhân vật của mình thành mẫu nhân vật điển hình, lý tưởng mà chính thực tế cuộc sống của người chiến sĩ tình báo đã hội tụ đầy đủ những phẩm chất lý tưởng cần có của một nhân vật văn học. Nhân vật Hai Long đời thường và Hai Long trong bộ tiểu thuyết gần như thống nhất. Chính nhà văn Hữu Mai đã thừa nhận, ông không có chủ trương sáng tác văn học mà chỉ là ghi lại thời đại của mình - một thời đại bi hùng mà may mắn ông được làm chứng nhân. Bởi thế, Hai Long không hiện lên sừng sững, bi hùng như những nhân vật sử thi mà rất gần gũi, rất đời thường với những tính cách cao đẹp của người chiến sĩ. Thắng, Hòe, Trọng tuy không được khắc họa chi tiết bằng Hai Long, nhưng mỗi người đều hiện lên với những tính cách tiêu biểu của những con người thời đại, hết lòng vì đồng đội và mục tiêu chung của đất nước.

Người anh hùng cách mạng trong bộ tiểu thuyết của Hữu Mai mang bản chất của giai cấp công - nông có lối sống giản dị, cần cù lao động, bất

chấp khó khăn. Từ ngày vào Sài Gòn, cuộc sống của Hai Long chia hai phần tách bạch. Một là xâm nhập vào những tổ chức chính trị, tôn giáo, những cơ quan chính quyền, quân sự của địch, mưu toan những việc động trời. Hai là vật lộn để kiếm miếng ăn cho hai vợ chồng và mấy đứa con hay yếu đau, phải tính từ hạt gạo, mớ rau, tiền đi bệnh viện cho vợ trong những ngày sinh nở, viên thuốc cho con những lúc trở trời. Cả hai phần đó của cuộc sống đều khắc nghiệt. Gia đình Hai Long sống bằng nghề bán rau quả của vợ anh. Nơi ở của vợ chồng anh là một căn hộ chung cho cả hai gia đình di cư. Phần của anh vốn là một gian bếp rộng khoảng mười mét vuông với một cái cầu tiêu, hai bếp đun củi của hai gia đình, phần còn lại vừa một cái giường chung cho vợ chồng anh và ba đứa con nhỏ. Dưới gầm giường, chuột đào hang, luôn luôn đùn lên từng đống đất. Nền căn nhà thấp, mỗi khi trời mưa to, cống rãnh tắc, nước tràn vào ngập đến bắp chân. Những đêm mưa, chuột lội lõm bõm, leo lên cả bếp, lên giường. Hằng ngày, vợ anh đầu tắt mặt tối với ba buổi chợ. Hai Long thực hiện đều đặn những công việc hằng ngày của mình: sáng giúp vợ đem hàng ra chợ, chiều vào thư viện Pháp nghiên cứu về thần học, hoặc tới nhà thờ Phát Diệm, nhà thờ Bình An, hay vào dinh Độc Lập.

Một đặc điểm chung của các tiểu thuyết cách mạng đó là nhân vật chính luôn xuất thân từ tầng lớp nhân dân lao động, bởi vậy họ mang bản chất giản dị của giai cấp cần lao và họ thuộc về quần chúng. Người anh hùng cách mạng có một cuộc sống "nên thơ" mà *cá nhân vẫn còn hợp nhất khăng khít với dân tộc mình… vẫn còn hoàn toàn chìm vào môi trường tinh thần dân tộc, cá nhân không có quyền lợi nào khác ngoài những quyền lợi dân tộc* [36, tr.682]. Ngay cả khi là phụ tá của cha Lê, cố vấn của cha Tổng, ông giáo, ông giám học trường trung học tư thục Đồng Tâm hay là cố vấn của Nhu, Diệm, Cẩn và sau này là của Thiệu, anh vẫn xuất hiện với

hình ảnh giản dị, chất phác, một con người nhỏ bé, hiền lành, tóc cắt ngắn và bộ quần áo cũ kỹ. Hình ảnh của Hai Long đọng lại trong bạn đọc là một con người luôn bất chấp khó khăn, vượt qua mọi gian nan, thử thách để hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của mình.

Người anh hùng cách mạng trong bộ tiểu thuyết của Hữu Mai luôn có tinh thần trọng danh dự và không ngừng phấn đấu thi đua lập chiến công. Hai Long là người trọng danh dự. Thời gian còn ở trại Tòa Khâm, mỗi lần anh rời trại trên chiếc xe của giám đốc Nha công an Trung phần, những người cùng bị giam cầm xung quanh bắt đầu nghi kỵ. Họ sợ anh mang lại những tai họa cho họ. Người nói bóng gió, người nhổ nước bọt khi nhìn thấy anh. Khước từ sự dụ dỗ, lời mắng nhiếc những kẻ chuyển hướng, phản bội, anh luôn giữ vững khí tiết của người cách mạng, chết vinh còn hơn sống nhục… luôn tâm niệm không được phép thoái lui lúc này vì anh chưa hoàn thành nhiệm vụ. Anh chỉ mới đi được nửa đường và sẽ không bao giờ đầu hàng. Anh chưa hề thoái trí, vẫn cố gắng vươn tới đích. Anh nung nấu ý chí phục thù. Có thể chẳng bao giờ mọi người xung quanh hiểu anh nhưng anh không được phép rút lui. Bởi anh không sống cho riêng mình. Vì anh biết, sự hi sinh của anh sẽ không vô ích. Anh chấp nhận cô đơn, tủi nhục để tiếp tục lao vào chiến đấu.

Ở Việt Nam, giai đoạn lịch sử 1945-1975 là một thời đại anh hùng. Đặc điểm của thời đại này là: con người có ý thức về phẩm giá, lòng tự trọng cao, không ai muốn mình bị người khác chê, nên ai cũng tự giác thực hiện các quy định của cộng đồng. *Cái làm nền tảng cho sự phục tùng đó là tinh thần danh dự, sự tông trọng, thái độ xấu hổ trước con người có quyền lực hơn…* [36]. Trong thời đại anh hùng không có chỗ cho những người vô danh an phận thủ thường, sống cuộc đời vô vị tẻ nhạt. Xã hội chỉ có những con người có nỗi thẹn cao cả, họ gỡ thẹn bằng cách phấn đấu vươn lên để

đạt được mục đích, ý nghĩa cuộc sống và cao nhất - những vinh quang chói lọi. Khi là cố vấn của Nguyễn Văn Thiệu, Hai Long bị vu khống và bịa chuyện là con hoang, mê dì phước rồi bị đuổi từ Pháp về, lạm dụng tiền cứu trợ của giáo hội… nhưng anh đã bình tĩnh xử lý tình huống, đính chính báo chí để không bị ảnh hưởng đến hoạt động của mình. Trong hoàn cảnh gia đình thiếu thốn, Hai Long vẫn một lòng trong sạch. Có thể dễ dàng nhận thấy, tinh thần trọng danh dự và khát khao vinh quang là một trong những phẩm chất cơ bản của các anh hùng. Nó là động cơ để họ xông pha vào nơi nguy hiểm, trực tiếp hoặc gián tiếp chiến đấu chống quân thù.

Người anh hùng cách mạng bộ tiểu thuyết của Hữu Mai có tinh thần dũng cảm, sẵn sàng xả thân vì lý tưởng cao đẹp. Tinh thần dũng cảm là đặc điểm quan trọng nhất để phân biệt người anh hùng và người bình thường, đây cũng chính là thước đo giá trị con người trong chiến tranh. Các anh hùng không muốn mình mang tiếng là *vệ binh đeo chữ thọ* (*Phá vây*), bởi vậy họ luôn muốn xông pha vào nguy hiểm dẫu phải chấp nhận cái chết. Khi bị CIA phát giác là tình báo của ta, để bảo toàn tính mạng cho cả cụm, tổ chức cho phép Hai Long và toàn bộ cụm rút lui bất cứ lúc nào. Trong hoàn cảnh ấy, cả nhóm của Hai Long đã bị nghi ngờ, song, nếu bỏ trốn thì sự an toàn của của anh và các đồng chí không phải là khó. Thế nhưng, anh và đồng đội vẫn kiên quyết bám sát hơn và len nhanh hơn vào sào huyệt của địch, quyết không chịu đầu hàng khi chưa thành công, không chịu tẩu thoát như một kẻ bại trận.

Đối với người anh hùng cách mạng, cái chết nhẹ tựa lông hồng nên không hề có dằn vặt lo tính cho sinh mạng của mình trước khi bước vào trận chiến đấu. Họ sẵn sàng chết thay cho đồng đội, *Quyết tử cho tổ quốc quyết sinh*. Trong ngục tù, họ chịu đựng được tất cả những ngón đòn tra tấn tàn bạo nhất của kẻ thù, sẵn sàng chấp nhận cái chết, không chịu khai báo

những điều có hại cho đoàn thể. Và hơn hết, người anh hùng cách mạng trong bộ tiểu thuyết của Hữu Mai còn có bản lĩnh chiến đấu, có sự khôn ngoan trong phán đoán, phân tích, trong xử lý tình huống. Hai Long được cha Hoàng khen ngợi *thầy hiền lành như bồ câu và khôn ngoan như rắn*.

Có thể nói, bộ tiểu thuyết *Ông cố vấn* chính là một bản anh hùng ca, trong đó nhân vật Hai Long được tác giả xây dựng trở thành hình tượng người anh hùng cách mạng mang nhiều phẩm chất cao đẹp. Nhưng nhân vật anh hùng ấy không tách rời tập thể mà chỉ có thể khẳng định được mình trong tập thể. "Đời sống riêng tư không có nghĩa lý gì trong đời sống bao la của tập thể" [72]. Hữu Mai đã khắc họa một cách tỉ mỉ về Hai Long và đặt nhân vật này vào trong lòng quần chúng. Đây là cách làm phổ biến trong các tiểu thuyết cách mạng Việt Nam với mục đích phản ánh một cách chân thực nhất hiện thực chiến tranh và đáp ứng nhu cầu nhận thức về cuộc chiến tình báo âm thầm mà đầy khốc liệt.

Quan niệm nghệ thuật về con người của nhà văn Hữu Mai phản ánh cái nhìn của hệ tư tưởng cộng sản: đề cao những phẩm chất tốt đẹp của người chiến sỹ cách mạng, xây dựng nhân vật người anh hùng lý tưởng trên các phương diện trong công cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc.

2.2.3. Nghệ thuật xây dựng nhận vật

Nhắc đến nhân vật trong văn học là nói đến con người được miêu tả, thể hiện trong tác phẩm bằng phương tiện văn học. Trong tác phẩm văn học, đặc biệt là thể loại tiểu thuyết, xây dựng nhân vật là vấn đề rất quan trọng mà nhà văn quan tâm. Bởi bản chất của văn học là một quan hệ với đời sống, văn học tái hiện đời sống qua những chủ thể nhất định, đóng vai trò như những tấm gương của đời sống. Nhân vật trong tác phẩm không chỉ thể hiện chủ đề, tư tưởng của tác phẩm mà còn thể hiện quan điểm nghệ thuật về con người của một nhà văn ở những thời điểm lịch sử nhất định.

Nhà văn Tô Hoài cho rằng: "Nhân vật là nơi duy nhất tập trung hết thảy trong một sáng tác". Quả đúng như vậy, "Nhân vật không chỉ là nơi bộc lộ tư tưởng, chủ đề tác phẩm mà còn là nơi tập trung các giá trị của tác phẩm. Thành bại của một đời văn, của một tác phẩm phụ thuộc rất nhiều vào việc xây dựng nhân vật" [66, tr.73]. Nhân vật tiểu thuyết có thể chỉ là sự hóa thân, là hình bóng, là mộng tưởng của chính tác giả như trong tiểu thuyết lãng mạn; cũng có thể được xây dựng từ những nguyên mẫu của đời sống kết hợp với những năng lực tổng hợp và sáng tạo của nhà văn như trong tiểu thuyết hiện thực… Điều quan trọng là nhân vật ấy phải là điểm xuất phát và *trung tâm của sự mô tả nghệ thuật*. Khi nhắc đến tên của tác giả hoặc tác phẩm của nhà văn, người đọc thường nhớ đến tên của nhân vật của họ. Nhân vật văn học vừa mang chức năng xã hội, vừa phải làm tròn chức năng văn học của nó. Chức năng của nhân vật là khái quát những quy luật của cuộc sống con người, thể hiện những hiểu biết, ao ước và kỳ vọng về con người. Chính vì thế, thành công trong công cuộc xây dựng nhân vật chính là sự thành công của tác phẩm văn học.

Để làm nên bộ tiểu thuyết *Ông cố vấn* thành công, Hữu Mai đã sử dụng nhiều phương thức xây dựng nhân vật như: Xây dựng nhân vật thông qua miêu tả ngoại hình, hành động và độc thoại nội tâm của nhân vật; Xây dựng những tính cách điển hình trong hoàn cảnh điển hình; Nhân vật được xây dựng theo nguyên tắc thử thách và được đặt trong nhiều mối quan hệ. Việc sử dụng các thủ pháp nghệ thuật này giúp nhà văn thành công trong công việc xây dựng hình tượng nhân vật sống động và trở nên gần gũi với đời sống, tạo nên sự hấp dẫn cho người đọc.

2.2.3.1. Xây dựng nhân vật thông qua miêu tả ngoại hình, hành động

Thể hiện tính cách nhân vật thông qua ngoại hình, hành động là đặc điểm thường thấy của tiểu thuyết lịch sử từ 1975 trở về trước, từ sau 1986

nghệ thuật này vẫn được duy trì và sử dụng rộng rãi. Bất cứ nhân vật nào hiện diện trong tác phẩm đều có ngoại hình, hành động để phân biệt người này với người khác. Ngoại hình là một khái niệm để "chỉ hình dáng, diện mạo, trang phục, cử chỉ, tác phong,… Tóm lại là toàn bộ những biểu hiện tạo nên dáng vẻ bề ngoài của nhân vật" [25,tr.134]. Hành động của nhân vật "chính là những việc làm cụ thể của nhân vật trong quan hệ ứng xử với các nhân vật khác và trong những tình huống khác nhau của cuốc sống" [25, tr. 134]. Cách thể hiện chân dung và hành động nhân vật là một dấu hiệu phản ánh rõ quyền lực của tác giả trong việc tái hiện, miêu tả con người, cũng có nghĩa là gắn với một quan niệm về con người mà tác giả muốn thể hiện. Ngoại hình được thể hiện sinh động sẽ góp phần bộc lộ tính cách, có tác dụng cá biệt hóa nhân vật. Người đọc xưa nay vẫn có ấn tượng sâu sắc với những dáng vẻ, hành động rất riêng, độc đáo của nhân vật văn học.

Tất cả các nhân vật trong tiểu thuyết *Ông cố vấn* được đặc tả tính cách bằng phương pháp miêu tả ngoại hình và hành động. Chỉ có hình tượng nhân vật Hai Long được Hữu Mai sử dụng thêm thủ pháp độc thoại nội tâm, bởi tác phẩm được viết theo dòng hồi tưởng của nhân vật Hai Long. Các nhân vật được nhận biết trước hết qua diện mạo, cử chỉ, sắc phục, điệu đi tướng đứng. Thông qua diện mạo bên ngoài, người đọc dễ dàng nhận biết được phần nào về tính cách, thành phần xuất thân và số phận của nhân vật. Chẳng hạn như: Nhân vật Cẩn được miêu tả với những chi tiết: mặc áo chùng thâm, quần trắng, mái tóc chải ngược, hơi thấp và mập, thoáng nhìn hao hao giống Ngô Đình Diệm. Ở nhà thường mặc áo cộc tay, quần lá tọa cháo lòng, đi guốc mộc, cặp môi dày, mặt mũi phương phi, đôi mắt sắc, "cặp đồng tử khi to khi nhỏ, luôn luôn thay đổi, từng lúc lại lóe lên những ánh tàn nhẫn và hiểm độc". Y không có râu… Qua đây, Cẩn hiện

lên là một kẻ thất học, hung hăng tàn bạo hiểm độc nhưng cũng là một con người nhẹ dạ, cả tin, mau nước mắt và nhu hòa: khi nghe Hai Long trình bày bốn nguy cơ đối với chế độ Việt Nam cộng hòa, Cẩn "chớp chớp mắt"; "Cẩn ngồi thần người… ngừng nhai trầu, đôi môi đỏ quết trầu mím lại. Những động mạch hai bên thái dương y giật giật"; "trán Cẩn lấm tấm mồ hôi". Hay nhân vật Ngô Đình Nhu với: "tầm vóc cao lớn, lanh lẹn. Mặc bộ đồ len màu sẫm, chiếc áo len cổ lọ kéo lên tận mang tai. Nhu đi lao đầu về phía trước, hai bàn tay để giáp ngực, những ngón tay đan vào nhau. Mái tóc đen, dày làm cho cái đầu đã to càng to thêm. Bộ mặt vuông vức đã mang dấu hiệu nếp nhăn suy tư, hơi bị bóp lại phía dưới vì cái cằm nhỏ và nhọn. Dưới cặp lông mày nằm ngang nổi lên một cặp mắt rất sắc. Nhu không có dáng dấp của nhà lãnh đạo quốc gia. Y giống như một tài tử nước ngoài, xuất hiện trên phim ảnh với vai trò của nhà quý tộc châu Âu". Nhu hay: "vuốt ngược tóc, vỗ vỗ tay vào trán, làm động tác xoa hai bàn tay vào nhau". Khác với Cẩn, Nhu theo Tây học và là cố vấn chính trị quan trọng cho anh mình là Ngô Đình Diệm. Vì vậy, cử chỉ hành động của Nhu đều thể hiện y là một người có học, thông minh, sắc sảo, có bản lĩnh chiến lược, chuyên dùng những đòn hiểm độc. Khi nghe Hai Long trình bày về ý của Đức cha: "Nhu ngồi chống cằm, chăm chú lắng nghe… Nhu chăm chăm nhìn một khoảng trống trên tường, vầng trán nhíu lại… Nhu tỏ vẻ ngạc nhiên" và trấn an Hai Long về thắc mắc bị theo dõi như thể hắn không hề liên quan đến việc này. Vợ Nhu - bà Lệ Xuân - "đệ nhất phu nhân" của miền Nam: "đang ở tuổi hồi xuân, lộng lẫy trong bộ quần áo tiếp khách quý, đẹp một cách kiêu kỳ…" bà hiện lên là một người đàn bà đầy ham hố chính trị, hiếu thắng, hay gây gổ, luôn bắt những người tiếp xúc phải đề phòng. Đến đây, chúng ta cũng không thể quên nhắc đến Ngô Đình Diệm, một nhân vật đại diện cho chính quyền miền Nam cộng hòa - nhân vật phản

diện. Diệm có "đôi bàn tay mềm nhũn", mặc bộ đồ trắng nổi bật trên nền màn nhung đỏ, Diệm chăm chú nhìn Hai Long một cách không che đậy, đôi mắt y như hai ngọn đèn dọi vào anh… "Diệm ngừng nói, mắt gườm gườm"; "Diệm nhìn Hai Long chằm chằm". Ngô Đình Diệm đã rèn cho mình một phong cách quan cách khá ấn tượng dù vóc dáng không cao: "Mái tóc đen nhánh, dáng người thấp, chân đi hai hàng lạch bạch nhưng mau lẹ…" Trước mặt thuộc hạ, Diệm toát ra được cái uy nghiêm riêng. Bản chất quyết liệt đến tàn bạo, Diệm rất kiên trì trong những kế hoạch thâu tóm quyền lực và không ngần ngại sử dụng những mưu kế thâm độc nhất để đạt các mục đích đã đặt ra. Diệm là một con người kiên định trong các quan niệm đến mức bướng bỉnh, cố chấp: "quyết định thường bị câu thúc vì những nguyên tắc đạo lý cổ hủ". Lối làm việc của Diệm giống với quan lại phong kiến, không thấy ai ngoài gia tộc mình đủ độ tin cậy để giao đầy đủ trọng trách. Với những hạn chế của bản thân và sự tuyệt vọng lý tưởng của chế độ mà Diệm vun vén, điều tất yếu đã xảy ra đó là cuộc đảo chính năm 1963.

Bên cạnh ba anh em nhà họ Ngô, một số nhân vật khác trong hệ thống nhân vật phản diện cũng được xây dựng tính cách dựa trên miêu tả ngoại hình và hành động. Đó là: Nhân vật Dương Văn Hiếu được miêu tả với diện mạo như sau: "Người hắn khá cao, nước da tối, cằm bạnh, đôi hàm răng nhỏ sin sít. Mái tóc cắt ngắn, cái nhìn lẩn tránh, cách ăn mặc giản dị của người đã quen với sinh hoạt kháng chiến, nói lên hắn là một tên đầu thú, một kẻ phản bội…" Cử chỉ của Hiếu cũng cho thấy hắn là một kẻ phản trắc, gian dối: "Hắn tránh đôi mắt của Hai Long"; "cười nhạt"; "ngạo mạn"; "hắn tỏ ra tự kiềm chế" rồi "rất nhanh, mặt hắn lạnh đi"; "hắn ngồi nhìn anh trân trân, sỗ sàng, gần như uy hiếp"… Nguyễn Văn Thiệu được miêu tả như sau: "Thiệu có bộ mặt tròn căng, trán rộng và dô, cái miệng

nhỏ và cặp môi ướt át như môi con gái. Nếu không có đám tóc sớm bạc phía sau gáy và cái bụng bắt đầu to thì y trẻ hơn tuổi bốn mươi sáu. Mới gặp lần đầu, chắc ít người nghĩ y thâm hiểm, thủ đoạn".

Những nhân vật chính diện cũng được miêu tả tính cách thông qua cử chỉ, hành động. Hai Long luôn thể hiện mình là một chiến sỹ tình báo cộng sản được đào tạo bài bản, có bản lĩnh chính trị vững vàng, có sự thông minh, nhạy bén cần thiết, có sự mưu trí dũng cảm khi đối diện với kẻ thù trên mặt trận đặc biệt. Khi bị bắt ngay gần cầu Thị Nghè, Hai Long vẫn bình tĩnh "liếc mắt nhìn đường phố xem chúng đưa mình đi đâu". Khi đối diện với Tá Đen, Hai Long biết đã rơi vào trường hợp không may của những người hoạt động bí mật tình cờ gặp phải một tên hồi chánh hiểu rõ nguồn gốc của mình, anh đã giành lại ngay thế chủ động, thản nhiên như không hề quen biết hắn và nhanh chóng tìm ra sơ hở trong lời nói của Tá Đen để dồn hắn đến thế bị động. Sau này, cũng rất nhiều lần Hai Long vượt qua được những bất trắc trong quá trình hoạt động bằng cử chỉ, hành động hết sức hợp lý của mình. "Ở nhà tình báo này, người ta không thấy những pha đánh cắp tài liệu hồi hộp, những pha đuổi bắt, đánh đấm ly kỳ, hấp dẫn. Yếu tố làm nên sự hấp dẫn là sự đấu trí kỳ diệu, nhạy cảm nắm bắt những vấn đề chính trị đang diễn biến… [75,tr.242]. Cử chỉ, hành động của Hai Long thể hiện rõ đặc điểm này. Vợ Hai Long hiện ra với vẻ đẹp giản dị, hết mực thương yêu chồng con, nhẫn nhịn, cam chịu, cần cù… - một người phụ nữ điển hình của thế hệ những người phụ nữ Việt Nam trong chiến tranh. Dù đau yếu luôn nhưng chị vẫn ngày ba buổi chợ kiếm rau cháo nuôi con trong khi chồng công tác vắng nhà. Chị Hai không bao giờ hỏi han chồng về những việc anh đang làm. Chị vui vẻ chịu đựng cuộc sống khó khăn. Chị chỉ lo cho chồng. Chị biết nguy hiểm có thể ập đến với anh bất cứ lúc nào. Chị không hỏi công việc của chồng vì hiểu đó là những công

việc rất quan trọng mà chị không có quyền được hỏi. Có lúc chị đã nghĩ, mình sẵn sàng đánh đổi nửa cuộc đời để nhìn thấy mặt anh… Tiếp đến nhân vật Nguyễn Văn Trọng hay Bernard Trọng - người được Hai Long đưa lên nắm vị trí quan trọng trong chính quyền Nguyễn Văn Thiệu để khai thác thông tin, đó là: "một người cao lớn, mái tóc hoa râm, đeo cặp kính gọng vàng, chững chạc trong bộ đồ lớn. Trọng có cái đẹp theo kiểu Bảo Đại với khuôn mặt phương phi, cân đối. Một "Bảo Đại" đã nhuốm màu phong trần, bắt đầu có những suy tư, lo âu về cuộc sống. Trọng có những cử chỉ mực thước, chững chạc của người đã quen với những nghi lễ giao tế"...

2.2.3.2. Xây dựng nhân vật thông qua biện pháp độc thoại nội tâm

Bên cạnh ngoại hình, hành động, các nhà văn còn xây dựng tính cách nhân vật thông qua độc thoại nội tâm. Nội tâm là khái niệm chỉ toàn bộ cuộc sống bên trong nhân vật, đó là những tâm trạng, suy nghĩ, cảm xúc, cảm giác, những phản ứng tâm lí của bản thân nhân vật trước cảnh ngộ, tình huống mà nhân vật chứng kiến hoặc thể nghiệm trên bước đường đời của mình. Trong sáng tạo nghệ thuật, suy ngẫm, phân tích, mổ xẻ nhằm thấu hiểu bản chất, chiều sâu bí ẩn không cùng trong mỗi người là mục tiêu quan trọng nhất đối với nhà văn. Nếu như ngoại hình, hành động… làm nên dáng vóc bên ngoài và biểu đạt chừng mực nào đó tính cách, phẩm chất thì đời sống nội tâm chính là linh hồn làm nên chiều sâu và sức sống cho nhân vật. Nhà văn có thể miêu tả nội tâm bằng chính ngôn ngữ của nhân vật, chúng "vang lên" một cách thầm lặng trong tâm tư của nhân vật. Nhân vật tự biểu hiện, phơi bày những diễn biến trong tâm trạng của mình qua những suy nghĩ, cảm xúc cụ thể.

Nhân vật Hai Long hiện lên với phẩm chất trong sáng cao đẹp, sự gan dạ, dũng cảm, luôn chấp nhận mọi gian khổ, hy sinh của người chiến

sỹ cách mạng và tài năng siêu việt về chuyên môn nghiệp vụ không chỉ thông qua những hành động, cử chỉ mưu trí mà còn thể hiện ở những đoạn độc thoại nội tâm sâu sắc. Linh cảm tốt và nghiệp vụ vững vàng của một người chiến sỹ tình báo: "Người đó tưởng là giấu được cái nhìn sỗ sàng và nham hiểm sau cặp kính sẫm màu nên mắt y không rời anh. Y không biết Hai Long có một đôi mắt rất tốt. Trong giây phút anh đã thu được trọn vẹn cái nhìn, khuôn mặt dài và choắt với nước da đen sạm của anh ta". Qua độc thoại nội tâm, Hai Long còn thể hiện khả năng phán đoán tài tình và khả năng nắm bắt tình hình đối phương: anh "cảm thấy bàng hoàng... Đây là cái đích mà anh đã nhắm nhiều năm nay, nhưng chưa lần nào tới được gần. Chính Nhu chứ không phải Diệm là người cấu trúc, quyết định mọi đường lối, chính sách của Sài Gòn. Nhu là "bộ não của chế độ". Y là cha đẻ của cái thuyết hổ lốn "cần lao-nhân vị"… Chạm trán với Cẩn là đụng đầu với hung thần. Nhưng chạm trán với Nhu là đụng đầu với tử thần"; khi chính quyền Ngô Đình Diệm sụp đổ, anh biết rằng "vào cuộc chơi mới, mình chỉ còn trong tay những phương tiện rất hạn chế", chỗ dựa duy nhất để tiếp tục cuộc chơi là dựa vào cha Hoàng" nhưng anh cũng sớm nhận ra "muốn khai thác những gì đã có ở cha thì dễ, còn nhờ ông khai thác giúp những vấn đề mình cần trong các quan hệ của ông, thì không gì khó bằng… Có kẻ đã gọi vụng ông bằng một cái tên mới "điếm chính trị"… Anh trăn trở khi đồng đội dè bỉu: "đáng sợ nhất đối với anh là những câu nói… mắng nhiếc… Lòng anh như dao cắt. Anh chưa được phép chết lúc này. Vì anh chưa hoàn thành nhiệm vụ… Anh thương cho bộ mặt mình." Cận kề với hiểm nguy anh vẫn nghĩ đến đồng đội: "Mình là người chỉ huy, vì ngu dại chủ quan đã gây nên cảnh tan vỡ này! Mình đã đẩy anh chị em vào cảnh tra tấn, nhục hình, khó tránh khỏi tù đày, hành quyết…". Qua độc thoại nội tâm, bạn đọc hiểu thêm về tâm lý của một chiến sỹ tình báo, đó là sự đấu tranh tư tưởng

khi đối mặt trước tình huống hiểm nguy: khi bị CIA phát hiện, đối mặt với Cô Nhi trong phòng hỏi cung "chân tay Hai Long bủn rủn, hai tai ù đi, đầu nhức như sắp vỡ tung. Anh cảm thấy ngồi không vững, vội khoanh hai tay tì vào mặt bàn" nhưng rồi "Hai Long như bừng tỉnh. Mình vừa trải qua những phút yếu long. Mình không thể hèn nhát, không thể trốn tránh trách nhiệm! Không thể bỏ anh chị em trong giờ phút khó khăn…"

Độc thoại nội tâm còn thể hiện những băn khoăn của anh về gia đình nhỏ của mình trong khi hoạt động: "Rất nhiều mối lo đến với Hai Long. Điều tốt nhất đối với những người hoạt động bí mật là không để kẻ địch đánh hơi thấy. Khi chúng đã đánh hơi được thì cơ may để tiếp tục công tác chỉ còn rất ít… Chúng đã làm gì với gia đình anh sau khi anh bị bắt? Vợ con anh sẽ đối phó thế nào trước những câu hỏi thâm độc, trước sự tra khảo của chúng? Chúng có tổ chức rình rập ngay tại nhà anh không? Cấp trên đã biết anh bị bắt chưa…? Anh tự thấy có nhiều thiết sót trong sự chuẩn bị cho gia đình đối với trường hợp này".

Bằng việc thể hiện nhân vật trung tâm qua những độc thoại nội tâm, Hữu Mai đã khẳng định nhân vật của ông đại diện cho tư tưởng cộng sản, đó là người chiến sĩ tình báo kiên trung, là con người quả cảm, sẵn sàng xả thân vì lý tưởng, sống tình cảm và trách nhiệm.

Như vậy, chỉ vài ba nét đơn sơ, dăm ba hàng thật linh động, tác giả đã có thể phác họa nên một chân dung thích hợp cho mỗi vai trong tác phẩm của mình.

2.2.3.3. Xây dựng nhân vật chiến sỹ tình báo với tính chất hai mặt của đời sống

Tình báo là một trong những nghề cổ xưa nhất trong lịch sử loài người. Hoạt động tình báo xuất hiện cùng với sự ra đời của nhà nước. Từ xa xưa, hoạt động tình báo đã có mục đích thu thập những bí mật về quân

sự, kinh tế, chính trị, vấn đề nội bộ và các bí quyết trong sản xuất kinh doanh của các đối thủ. Hoạt động tìm kiếm, thu thập các tin tức về kinh tế, chính trị, nội bộ, bí quyết công nghệ chính là khởi thủy của hoạt động tình báo.

Với đặc thù nghề nghiệp trên, nhà tình báo (điệp viên) luôn phải sống một đời sống với tính chất hai mặt. Phương diện này được thể hiện rõ ở nhân vật Hai Long. Anh luôn phải "diễn" trên sân khấu của địch, mang chiếc mặt nạ phù hợp để ứng phó với các tình huống đặc biệt trong khi hoạt động ở hàng ngũ của chúng. Để hoàn thành nhiệm vụ của một chiến sỹ tình báo, anh phải "diễn" rất thật để địch luôn tin rằng anh là một cố vấn đáng tin cậy, thực sự mong muốn xây dựng và bảo vệ chế độ mà chúng gây dựng. Kết quả hoạt động của Hai Long cho thấy anh đã hoàn thành xuất sắc vai diễn của mình. Qua tác phẩm, tính chất hai mặt của đời sống nhân vật tình báo được thể hiện trên hai phương diện sau:

Ở phương diện đối mặt với kẻ địch (khi đeo mặt nạ). Đây là đặc điểm nổi bật để nhận diện nhân vật là chiến sỹ hoạt động tình báo, họ luôn phải tình cách đánh lừa đối phương. Hai Long đã được trung tâm chuẩn bị cho rất chu đáo. "Một lý lịch mới với đầy đủ những giấy tờ "gốc". Một quá trình làm việc thực sự với kẻ địch. Anh đã đi xa một nửa vòng trái đất trước khi trở về Sài Gòn. Ở đây anh cũng đã có một "bình phong" khá tốt". Nhưng những điều kiện ấy chưa đủ để Hai Long có thể leo cao, chui sâu vào hàng ngũ địch đến thế. Yếu tố tiên quyết nằm ở chính con người anh, ở bản lĩnh nghiệp vụ trong nhiệm vụ đặc biệt mà anh được giao phó. Anh luôn giữ thái độ hòa nhã, bình tĩnh, khéo léo, tạo niềm tin đối với những con người trong hàng ngũ địch mà anh tiếp cận được. Dù bị bắt, bị uy hiếp, Hai Long vẫn giữ nguyên vẻ bình thản: lần bị bắt ở gần cầu Thị Nghè tưởng chừng như anh bị phát giác khi Tá Đen xuất hiện nhưng với khả

năng xoay chuyển tình thế anh đã dồn hắn đến chỗ bất lợi vì hớ hênh trong lời nói. Tiếp xúc với chính quyền Ngô Đình Diệm - chính quyền ráo riết, điên cuồng chống cộng, diệt cộng, để lấy được sự tin tưởng của cả ba anh em họ Ngô là một hoạt động phi thường của Hai Long. Thái độ và hành động của anh trong suốt thời kỳ ở Dinh Tổng thống cũng như ở khối công giáo không hề có kẽ hở, dẫu nhiều lúc ở thế chông chênh hay có khi cảm thấy suy sụp. Nhiệm vụ khiến anh không thể sống với bộ mặt thật của mình nhưng không vì thế mà anh nản lòng, trái lại anh đã biến hóa mặt nạ của mình giả như thật, thật như giả khiến kẻ địch dẫu gian hùng cũng không thể nhận ra.

Ở phương diện đời sống thực (khi cởi mặt nạ). Đó là lúc Hai Long trở về với con người thật của mình, trở về với gia đình nhỏ bé nơi vợ anh và những đứa con nhỏ luôn ngóng chờ. Khoảng thời gian này trong tác phẩm không nhiều, cũng giống như đời sống thật của các chiến sỹ tình báo cách mạng đầy khốc liệt và gian khổ, cả cuộc đời hoạt động hầu như phải sống bằng chiếc mặt nạ ở mặt trận tàng hình, hưởng thụ đời sống riêng là một phạm trù quá xa vời. Trở về với vai trò là người chồng, người bố, Hai Long là một người đàn ông có lối sống giản dị, đúng mực, có trách nhiệm, rất mực thương yêu vợ con. Anh thương vợ đầu tắt mặt tối ngày ba buổi chợ để lo chèo lái gia đình, thương những đứa con còn thơ dại thường xuyên thiếu sự quan tâm, chăm sóc của người cha. Thương vợ con, lo cho gia đình nhỏ nhưng không ủy mị, dẫu trở về với gia đình nhỏ thì những toan tính về nhiệm vụ vẫn thường trực trong suy nghĩ của anh: làm sao để bắt lại liên lạc với tổ chức? Cũng có những lúc, Hai Long phải chế ngự tình cảm riêng của mình, khi chia tay Tú Uyên: "Anh cũng phải chế ngự những tình cảm của mình. Anh đã nhiều lần thản nhiên khi đi ngang những trái cấm trong vườn cây của Chúa. Nhưng lần này không thể dửng dưng. Nó

làm anh xao xuyến. Vì nó đánh thức một thời dĩ vãng khi anh còn trẻ, lần đầu đến với tình yêu. Người anh lâng lâng trong một trạng thái kỳ lạ… Anh thấy như mình vừa ném xuống biển sương mù của cao nguyên một vật kỷ niệm quý báu để cố tình cắt đứt mối dây liên hệ với quá khứ… Mình như người vượt biển đầy sóng dữ trên con thuyền nhỏ. Không thể nấn ná lâu trên hòn đảo yên tĩnh tình cờ gặp dọc đường.” Chi tiết này không những thể hiện nỗi niềm rất thật của một chiến sỹ tình báo mà còn thể hiện cái nhìn nhân văn của nhà văn Hữu Mai khi xây dựng hình tượng. Mặt nạ được cởi ra không phải chỉ khi trở về với đời sống riêng, ngay cả khi đang hoạt động trong hàng ngũ địch, đóng vai là người của chúng thì Hai Long vẫn có những lúc trở về với chính con người mình qua những độc thoại nội tâm mà chúng tôi đã phân tích ở trên.

Để làm nổi bật tính chất hai mặt của nhân vật tình báo, chúng tôi đưa ra hai phương diện kể trên nhưng có thể thấy đó là hai mặt của một tờ giấy không thể tách rời. Nói như vậy là một lần nữa khẳng định đặc trưng nổi bật trong nghệ thuật xây dựng nhân vật của tiểu thuyết tình báo là việc xây dựng đời sống nhân vật với tính chất hai mặt của đời sống rất rõ nét.

2.2.3.4 Xây dựng những tính cách tiêu biểu, nổi bật trong hoàn cảnh đặc biệt

Một trong những yêu cầu của phương pháp sáng tác hiện thực xã hội chủ nghĩa là phải xây dựng được những tính cách điển hình trong hoàn cảnh điển hình. Năm 1962, Tổng bí thư Trường Chinh đề nghị: “Phương pháp hiện thực xã hội chủ nghĩa đòi hỏi điển hình hóa đến cao độ. Điển hình trong nghệ thuật là những nét, những tính cách cơ bản nhất, bản chất nhất, quan trọng nhất và nổi bật nhất trong đời sống xã hội được tập trung biểu hiện và nâng cao qua sự sáng tạo của nghệ sĩ, nhưng chung qui, nó vẫn là cuộc sống” [51, tr.67]. Mỗi một nhân vật đều đại diện cho một thành

phần xã hội nhất định, suy rộng ra, nhân vật đó đại diện cho một giai đoạn lịch sử.

Hai Long tiêu biểu cho đội ngũ chiến sĩ tình báo của ta hoạt động trong chế độ miền Nam cộng hòa. Đây là kiểu nhân vật gần với truyền thống, được xây dựng theo khát vọng của nhân dân: nhân vật chính diện bao giờ cũng đẹp và được thể hiện với bút pháp lý tưởng. Vì vậy, nhân vật trung tâm ở đây là dạng nhân vật điển hình mà phần khái quát hóa thành công hơn phần cá thể hóa. Nhà văn thường chú trọng miêu tả hành động hơn là nội tâm. Hai Long là một nhân vật ngồn ngộn đời sống, hội tụ đầy đủ những tính cách của *một người chiến sĩ cách mạng lý tưởng: thông minh, sắc sảo, dũng cảm, kiên trung* nhưng vẫn giản dị, khiêm tốn và đời thường. Những đức tính quý báu ấy của người chiến sỹ tình báo được hiện lên qua những hoàn cảnh điển hình. Khi đối diện với kẻ thù, Hai Long luôn khôn ngoan, mưu trí, tỉnh táo đối phó dù có lúc trong sâu thẳm suy nghĩ của anh là sự lo sợ: "Trong chiến tranh, trước bom đạn ác liệt, có những lúc anh cảm thấy sợ, có lúc rất sợ. Nhưng khi nghĩ đến nhiệm vụ, đến những người chung quanh, anh thường lấy lại được sự bình tĩnh vì biết là sự hy sinh của mình sẽ không vô ích, sẽ được biết đến dù nó chỉ diễn ra trước mắt một số người xa lạ, thậm chí trước mắt kẻ thù; Hai Long như người đã hết sức leo lên một đỉnh tháp cao, đến lúc dừng lại, nhìn xuống, anh cảm thấy ngợp vì tình thế chênh vênh của mình". Qua biết bao thử thách như ở trại Tòa Khâm, bị vào phòng biệt giam, khi hoạt động ở trung tâm bộ não của chế độ hay khi tổ chức bị phát hiện: "Giờ phút này anh không còn lo lắng mà chỉ thấy đau xót trước cảnh tan vỡ toàn mạng lưới đã mất bao công phu xây dựng… Anh đau đớn đến tê dại trước sự tan vỡ trong khoảnh khắc. Cảm thấy như người đang đứng giữa ngôi nhà mình đã bốc cháy cả hai đầu… Một sự dày vò cắn rứt lương tâm anh. Mình đã đẩy anh chị em vào cảnh tra

tấn, nhục hình, khó tránh khỏi tù đày, hành quyết! Mình còn mặt mũi nào nhìn thấy họ”... Hai Long đã vượt qua biết bao cám dỗ, thử thách để giữ vững lý tưởng cộng sản của mình. Không những thế, anh còn phải vượt lên chính bản thân khi chịu đựng những lời nhiếc móc của đồng đội khi họ nghi ngờ anh “chuyển hướng”: “Người nói bóng gió, người nhổ nước bọt khi nhìn thấy anh”. “Một bữa anh ngồi đọc kinh, nghe có người ở phòng ngoài nói: “Miệng nam mô, bụng bồ dao găm!”. Cổ họng anh muốn tắc”.

Xây dựng *nhóm nhân vật phản diện,* tiểu thuyết *Ông cố vấn* thành công trong cách phản ánh tính cách anh em Ngô Đình Diệm *tham lam, xảo quyệt, độc tài, hiểm độc*… Bên cạnh đó là nhân vật Nguyễn Văn Thiệu thâm hiểm, thủ đoạn, chỉ đơn thuần nghĩ đến quyền lợi và địa vị của cá nhân mình, những tham vọng mang nặng tính vật chất, và những thủ đoạn hòng đạt được những tham vọng đó. Tất cả những nhân vật này là sự biến đổi của tầng lớp nắm giữ bộ máy chính quyền miền Nam cộng hòa lúc bấy giờ, một xã hội thực dụng, sản phẩm của Mỹ. Nhà văn đã tạo nên một nhân vật phản diện với nhiều đức tính xấu, thậm chí cực xấu. Như vậy, tính cách điển hình của chúng hiện nguyên hình là một kẻ thống trị gian hùng và khả ố.

Xét ở chức năng văn học nhân vật phản diện đóng vai trò phản đề, đại diện cho cái *ác,* cho lực lượng *bóng tối* trong cuộc giao tranh với cái *thiện,* với lực lượng *ánh sáng* là quân dân ta trong những tháng năm kháng chiến. Các nhà văn cách mạng Việt Nam đều sáng tác theo khuynh hướng: càng tô đậm lực lượng *bóng tối* bao nhiêu thì càng đề cao lực lượng *ánh sáng* bấy nhiêu! Cách miêu tả này gợi nhớ đến các nhân vật chức năng và bút pháp nghệ thuật trong các truyện cổ tích. Các nhân vật chức năng trong truyện cổ tích và truyện hiện đại đều được *đóng khung* phẩm chất của mình trong tính quy phạm. Nhân vật phản diện là *phản đề* của nhân vật chính diện. Các nhân vật phản diện thuộc kiểu nhân vật loại hình kết hợp với yếu tố chức năng này còn mang những đặc điểm của kiểu nhân vật tư tưởng.

Chúng đại diện cho tư tưởng phản cách mạng, phản tiến bộ trong cuộc giao tranh với tư tưởng cách mạng tiến bộ của thời đại.

Khái niệm "cách mạng" đồng nghĩa với "đấu tranh" . Con người trong thời đại cách mạng được tắm mình trong cuộc đấu tranh giai cấp và giải phóng dân tộc. Nhân vật trong tiểu thuyết tình báo được đặt trong những xung đột xã hội lớn lao mang tính thử thách. Những thử thách được kết nối trong thời gian tuyến tính, hình thành những không gian nghệ thuật *mở* và *động* thật dữ dội, tạo thành cốt truyện đặc trưng cho loại hình tiểu thuyết thử thách.

Số phận của các nhân vật chính diện trong tiểu thuyết sử thi Việt Nam 1965 - 1975 gắn với những biến cố lịch sử như chiến tranh và cách mạng, gắn với những đau thương, mất mát và chiến công phi thường. Như vậy với ba sự kiện lớn - ba thử thách khắc nghiệt vừa ở phạm vi dân tộc - lịch sử, vừa ở phạm vi gia đình như ba *cột mốc* cắm trên hành trình vận động tính cách của Hai Long, cấu trúc hình tượng nghệ thuật này đã được khắc hoạ hoàn chỉnh. Nguyên tắc nghệ thuật "thử thách" đã hoàn thành nhiệm vụ của nó. Tuy nhiên, quá trình vận động tính cách của Hai Long không giống như quá trình vận động tính cách của nhân vật tiểu thuyết đích thực. Không có sự đột biến ngỡ ngàng hoặc dở dang đầy mâu thuẫn. Phẩm chất quý báu của người chiến sỹ cách mạng Hai Long vốn như một mạch nước ngầm tràn trề trong lòng đất. Những sự kiện mang ý nghĩa "thử thách" kia chỉ như những nhát cuốc khơi dòng để mạch nước ngầm ấy trào lên.

2.2.3.5. Nhân vật được đặt trong nhiều mối quan hệ

Nhân vật chính của bộ tiểu thuyết được đặt trong một môi trường xã hội rộng lớn. Ở Hai Long có những sợi dây liên lạc, những mối quan hệ và tiếp xúc với nhiều thành phần xã hội khác nhau, với nhiều hiện tượng, biến cố mà ở đó là cả một thời đại và cả thời kỳ Hai Long hoạt động. Qua mỗi

mối quan hệ, tự thân nhân vật bộc lộ được những phẩm chất tốt đẹp của mình. Và tổng hợp các vẻ đẹp đó lại, nhân vật lộ ra phẩm chất của người anh hùng lý tưởng. Trong tiểu thuyết, Hai Long được đặt trong chuỗi quan hệ chính trị phức tạp và trải dài theo mỗi thời kỳ hoạt động của anh. Đầu tiên là mối quan hệ với Ngô Đình Cẩn, Hai Long thể hiện là một người am tường chính trị, hiểu biết sâu sắc các thành phần đảng phái và những nguy cơ gây hại cho chính quyền cũng như cho gia đình họ Ngô, điều mà Cẩn ở miền Trung không thể nắm rõ bằng anh. Qua bản tường trình cũng như qua những lần "trao đổi", Hai Long đã được Cẩn tín nhiệm, tin tưởng và coi như anh em trong nhà. Chính những điều này đã là bàn đạp giúp Hai Long tiến xa hơn, thâm nhập vào tận bộ máy chính quyền Sài Gòn, sào huyệt của chế độ ngụy quyền và lại tiếp tục mối quan hệ với Ngô Đình Nhu, "bộ não của chế độ", người đang trực tiếp là cố vấn chính trị của Ngô Đình Diệm và là người lãnh đạo đảng Cần lao - Nhân vị.

Hai Long cũng quan hệ mật thiết với đức cha Lê và cha Hoàng, hai linh mục lãnh đạo khối công giáo thân Pháp tại Sài Gòn đang quyết liệt chống Cộng. Hai Long được hai vị cha cố này tin tưởng tuyệt đối, giao cho anh củng cố lại lực lượng đoàn kết công giáo hòng thực hiện những tham vọng chính trị từ cha Hoàng. Bên cạnh đó, Hai Long còn là cố vấn của tổng thống Nguyễn Văn Thiệu, là người bạn tâm giao của cha tuyên úy Hải quân Mỹ Ó Connor, rất tâm đầu ý hợp trong những nhận xét về thần học, về chính trị, lịch sử và quân sự… Hai Long còn tạo được uy tín rất lớn đối với giới chức chính quyền Sài Gòn các thời kỳ. Tất cả những mối quan hệ đó là điều kiện thuận lợi cho hoạt động tình báo của anh để báo cáo về trung tâm.

Hữu Mai đã đặt nhân vật Hai Long vào bối cảnh chính trị của Sài Gòn lúc bấy giờ, nhưng nhân vật của ông không tách rời khỏi những mối quan hệ xã hội đan xen chằng chịt, để qua đó Hai Long thể hiện được sự

khôn khéo trong ứng xử, sự nhạy bén trong tư duy chính trị… có thể tận dụng những mối quan hệ này làm " bàn đạp " để hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

Vận dụng khéo léo các biện pháp nghệ thuật xây dựng nhân vật, Hữu Mai đã tạo nên một tác phẩm có: thế giới nhân vật phong phú (chính diện và phản diện) mang đầy đủ ngoại hình, hành động, đời sống nội tâm; loại hình nhân vật đặc biệt là chiến sỹ tình báo cách mạng với đời sống mang tính chất hai mặt và những phẩm chất cao đẹp.

Như vậy, bằng sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa tư liệu lịch sử và thủ pháp xây dựng nhân vật theo phong cách đặc trưng của tiểu thuyết chiến tranh cách mạng, hiện thực khốc liệt của cuộc chiến tình báo đã hiện lên rõ nét trong tác phẩm. Nhà văn đã giúp bạn đọc thỏa mãn trí tò mò trước những sự kiện lịch sử quan trọng của dân tộc, giúp họ giải đáp những thắc mắc về lưới tình báo A.22 gây xôn xao dư luận cuối năm 1969: lưới tình báo quân sự của Việt Cộng nằm ngay trong cơ quan đầu não của chính quyền Việt Nam cộng hòa.

Sử dụng tư liệu lịch sử chuẩn xác, xây dựng hệ thống nhân vật theo hệ tư tưởng cộng sản chia thành hai tuyến chính diện - phản diện (ta - địch) rạch ròi và sử dụng những thủ pháp nghệ thuật hợp lý, Hữu Mai đã viết nên bản anh hùng ca *Ông cố vấn* với hình tượng nhân vật Hai Long (Vũ Ngọc Nhạ) trở thành người anh hùng cách mạng mang nhiều phẩm chất cao đẹp, đại diện cho những chiến sỹ tình báo với nhiệm vụ đặc biệt trong chiến tranh. Đây chính là những điều mà tác giả muốn hướng tới khi lựa chọn đề tài tình báo - phản gián để làm nguồn cảm hứng xây dựng nên bộ tiểu thuyết *Ông cố vấn.*

CHƯƠNG 3. BỘ TIỂU THUYẾT *ÔNG CỐ VẤN* NHÌN TỪ CỐT TRUYỆN, KẾT CẤU VÀ NGÔN NGỮ

3.1. Cốt truyện và kết cấu

3.1.1. Cốt truyện

Mặc dù *Ông cố vấn* được viết theo hồi tưởng, nhưng nhà văn Hữu Mai vẫn giữ cho tác phẩm những nét đặc trưng của thể loại tiểu thuyết bằng việc tạo dựng cho tác phẩm một cốt truyện mang đậm mô típ tiểu thuyết chiến tranh cách mạng. Bộ tiểu thuyết được Hữu Mai xây dựng theo mô típ "thử thách và hi vọng". Với mô típ này, tác giả đặt nhân vật ở trong những tình huống thử thách cao độ. Mượn thử thách để làm sáng tỏ phẩm chất con người về tình yêu, sức chịu đựng gian khổ, mức độ trung thành với lý tưởng của Hai Long. Anh cố gắng chịu đựng những hi sinh gian khổ để góp phần làm nên chiến thắng. Anh vượt qua cái chết để đến bến bờ hạnh phúc, và trong nhiều tình huống, anh chấp nhận "chết trước lúc bình minh" để cho đồng đội của mình đi đến thắng lợi. Các xung đột ấy tạo kịch tính hấp dẫn bạn đọc, đồng thời, làm sáng tỏ phẩm chất anh hùng của Hai Long. Tác phẩm toát lên chủ đề ngợi ca sự nghiệp anh hùng, ngợi ca những con người sẵn sàng hi sinh vì lý tưởng, vì dân tộc và đã chiến thắng một cách oanh liệt.

Có lẽ, một cốt truyện thành công là cốt truyện mang đến cho độc giả cảm giác rằng khi gấp sách lại, câu chuyện vẫn tiếp diễn. Anton Chekhov từng nói, khi viết, bạn cần phải tìm cách vượt qua đoạn mở đầu và kết thúc, vì đó là những nơi *nhà văn mất nhiều thời gian chần chừ nhất* [72]. Đặc biệt, các tiểu thuyết tình báo luôn đòi hỏi sự tổ chức cốt truyện rất cẩn thận và chặt chẽ. Cốt truyện không nhất thiết phải đáng tin nhưng nó phải có sự nhất quán bên trong, đặc biệt khi bạn viết để in ấn. Những cốt truyện thành công thường hàm chứa những yếu tố bất ngờ và độc đáo. Một

khi đã đọc *Ông cố vấn* ta sẽ không thể quên con đường đi đến kết thúc của nó. Nhiệm vụ "chui sâu" vào hàng ngũ cấp cao của địch đã khiến cho cuộc đời của Hai Long gắn với những thăng trầm của giới cầm quyền miền Nam. Có lúc tưởng chừng như công việc của anh đang trên đà thuận lợi nhất thì đó lại chính là lúc anh trở về "con số không". Nhưng từ "hai bàn tay trắng" anh lại "vượt lên" và thậm chí còn "leo cao" hơn, "chui sâu" hơn. Rồi khi cả mạng lưới bị lộ, bạn đọc tin rằng Hai Long sẽ dừng "cuộc chơi" ở đây thì anh lại xuất sắc quay trở lại "trận tuyến". Độc giả thích những cuốn sách mang đến cho họ những chi tiết không đoán trước được. John le Carré từng nói: "Con mèo ngồi trên tấm thảm không phải là câu chuyện. Nhưng con mèo ngồi trên tấm thảm của một con mèo khác thì chính là chuyện". Tất nhiên, không thể phủ nhận những sự kiện xảy ra đối với Hai Long là "việc thật" nhưng cái cách mà Hữu Mai đẩy nó trở thành những hoàn cảnh "điển hình" và nhân vật Hai Long nhờ thế mà hiện lên sáng ngời phẩm chất người anh hùng cách mạng đã làm nên cái thành công của *Ông cố vấn.* Rất "hiện thực" nhưng cũng đậm chất "tiểu thuyết".

Trên phương diện chức năng, cốt truyện của *Ông cố vấn* đảm bảo ba chức năng cơ bản: là phương tiện bộc lộ tính cách của các nhân vật; phản ánh những mâu thuẫn và xung đột điển hình của hoàn cảnh xã hội mà nhà văn miêu tả; giúp cho tư tưởng chủ đề và nội dung nghệ thuật có điều kiện bộc lộ một cách đầy đủ nhất. Xác định chức năng như thế nên trên phương diện lý thuyết, khái niệm cốt truyện cũng được hiểu rất sinh động và rộng mở. Cơ sở sâu xa của cốt truyện là một xung đột đang vận động. Vì vậy, quá trình phát triển của một cốt truyện cũng giống như quá trình vận động của xung đột, bao gồm các bước hình thành, phát triển và kết thúc. Ở *Ông cố vấn,* cốt truyện bước đầu hình thành khi bạn đọc được giới thiệu khái quát về bối cảnh lịch sử xã hội, các điều kiện, nguyên nhân làm nảy

sinh xung đột và tình hình buổi ban đầu của nhân vật Hai Long. Tiếp đó là biến cố đầu tiên, nhân vật Hai Long đứng trước những thử thách, đòi hỏi phải bày tỏ những thái độ, chọn lựa cách xử sự, hành động, phản ứng, từ đó bộc lộ rõ tính cách. Ở đây, xảy ra một trong hai tình huống, hoặc là phản bội đồng bào, đồng chí, phản bội Tổ quốc để theo chế độ cộng hòa thì sẽ được tha; hoặc là sẽ chuyển đi những nhà lao như Mang Cá, Chín Hầm, Thừa Phủ và có thể bỏ mạng ở đấy. Tác giả đã tìm tình huống mở nút để tạo nền tảng cho Hai Long có điều kiện gửi lên Ngô Đình Cẩn bản tường trình mở cánh cửa nhà lao của mình. Cái hay, cái hấp dẫn của *Ông cố vấn* là toàn bộ tác phẩm chứa đựng những xâu chuỗi liên hoàn các xung đột, cái nọ nối tiếp cái kia và cái tài tình của Hữu Mai là ông đã xử lý "thắt nút" rồi "mở nút" một cách hợp lý. Bạn đọc dường như bị tác giả dẫn dắt từ "hoàn cảnh" này đến "hoàn cảnh" khác tuy không phải là lạc vào mê cung của các tiểu thuyết trinh thám với những tình tiết ly kỳ, rùng rợn như trong series trinh thám Kỳ Phát, nhưng không kém phần hấp dẫn, lối cuốn người đọc.

M.Gorki cho rằng: "Cốt truyện như là một hệ thống các quan hệ qua lại của các nhân vật, về thiện cảm và ác cảm của chúng, đã xác định như là lịch sử của sự trưởng thành và tổ chức của một tính cách nào đó" [7]. B.Tomashevski lại viết: "Tổng thể các sự kiện trong mối liên hệ qua lại nội tại của chúng, ta sẽ gọi là cốt truyện" [7]. Nhà nghiên cứu văn học Phan Cự Đệ cũng xác định cốt truyện truyền thống *chỉ là một hệ thống các sự kiện và hành động trong một tác phẩm* [22]. Như thế, khái niệm cốt truyện theo truyền thống và theo nghĩa khái quát nhất thì sự kiện và hành động giữ vai trò quan trọng, thiết yếu, sự kiện luôn gắn liền với hành động. Và vì vậy, *Ông cố vấn* đã vượt qua cái mô típ của một số kiểu cốt truyện như kết tinh phẩm chất thẩm mỹ đông phương nay trở nên đông cứng nên các nhà văn trung đại còn dè dặt trong việc sáng tác những cốt truyện mới mà

thường chỉ thuật lại hoặc chăng biến đổi đôi chút những tích truyện đã có sẵn. Ví dụ như kiểu cốt truyện điển hình: Gặp gỡ - tai biến - lưu lạc - đoàn viên. Truyện Kiều, Sơ kính tân trang, Lục Vân Tiên... là các cốt truyện như thế. Chất truyện ở *Ông cố vấn* rất đậm và các cốt truyện không chỉ được lấp đầy bằng các sự kiện, hành động mà còn dồn vào miêu tả tỉ mỉ nội tâm cũng như trạng thái tâm lý của nhân vật.

Xem xét cốt truyện như là chuỗi các sự kiện, hành động là việc làm cần thiết. Nhưng nhà văn Hữu Mai cũng ý thức sâu sắc về sự sống của một tác phẩm nên ông đã không ngừng sáng tạo trên những tư liệu có sẵn nhưng: "ở mức độ chấp nhận được". Bởi: "Cái làm nên sức mạnh cho tiểu thuyết gia chính là ở chỗ anh ta sáng tạo, anh ta hoàn toàn tự do sáng tạo không có mô hình mẫu" [30].

Có thể thấy những trang miêu tả tâm trạng, những chi tiết trữ tình xuất hiện nhiều trong tác phẩm đã đưa hình thức tiểu thuyết tình báo *Ông cố vấn* trở nên gần gũi với bạn đọc. Nó khiến cho hình tượng người điệp viên đời hơn, gần gũi dung dị hơn. Nhà văn Ma Văn Kháng trong bài tổng kết cuộc vận động viết tiểu thuyết và ký về đề tài vì an ninh Tổ quốc và bình yên cuộc sống có đưa ra khái niệm "tiểu thuyết phản gián - tâm lý xã hội", dùng để chỉ một số tác phẩm về đề tài phản gián, trong đó có *Ông cố vấn* âu cũng là hợp lý.

Cốt truyện *Ông cố vấn* đã góp phần quan trọng trong việc tạo dựng sự gay cấn, hồi hộp cho tác phẩm, tác giả đã xây dựng những tình huống "thắt nút" gây hồi hộp, căng thẳng và "mở nút" có bất ngờ. Có những lúc nhân vật tưởng như đã biến mất lại đột ngột trở lại gợi sự tò mò, hồi hộp cho độc giả. Những yếu tố đó rất tiêu biểu cho cốt truyện của tiểu thuyết tình báo.

Tuy vậy, điểm hạn chế trong cốt truyện của *Ông cố vấn* chính là việc nội dung của tác phẩm được triển khai theo trục dọc thời gian. Mỗi phần lại mang một tên nhất định, tập 1 mang tên "Hoàng hôn những thiên thần"; tập 2 là "Phủ đầu rồng" và tập 3 là "Con kỳ nhông". Kết cấu theo kiểu chương hồi này có phần giống với bộ tiểu thuyết nổi tiếng *Ván bài lật ngửa* của tác giả Nguyễn Trường Thiên Lý. Mặt khác, cách thể hiện nhân vật điệp viên với bề sâu tâm lý và các chi tiết đời sống cá nhân rất gần gũi với tiểu thuyết tình báo - phản gián ở Liên Xô trước đây. Nghĩa là, truyền thống miêu tả tâm lý, khuôn mẫu của người điệp viên cộng sản trong văn học Xô Viết đã có sự ảnh hưởng trực tiếp đến văn học Việt Nam, cũng như sự ảnh hưởng của văn học Xô Viết đến văn học về chiến tranh ở Việt Nam trong một thời gian dài.

Nhìn chung, cách xây dựng cốt truyện của bộ tiểu thuyết *Ông cố vấn* còn ảnh hưởng khá nặng thể loại tiểu thuyết truyền thống, mang tính chương hồi, mặc dù đã có những đổi mới rõ nét nhưng tác phẩm vẫn chưa thoát ra khỏi sự "ảnh hưởng" của thể loại tiểu thuyết tình báo - phản gián Xô Viết. Tuy nhiên, khi xem xét, đánh giá tác phẩm không thể phủ nhận vai trò của cốt truyện trong phản ánh hiện thực khốc liệt của cuộc chiến tranh, một trong những mục đích mà tác phẩm hướng tới. Ở đây, ngoài cốt truyện, bản thân các nhân vật trong tác phẩm được Hữu Mai xây dựng cũng mang dấu ấn đặc trưng của thể loại tiểu thuyết chiến tranh cách mạng Việt Nam, góp phần đáp ứng nhu cầu nhận thức hiện thực chiến tranh của thể loại tiểu thuyết tình báo.

3.1.2. Kết cấu

Khác với cốt truyện có diễn biến mở đầu, cao trào và kết thúc, kết cấu được ví như kiến trúc một ngôi nhà, đó là: «sự tạo thành và liên kết các bộ phận trong bố cục của tác phẩm, là sự tổ chức, sắp xếp các yếu tố, các

chất liệu tạo thành nội dung của tác phẩm trên cơ sở đời sống khách quan và theo một chiều hướng tư tưởng nhất định». [28,tr.142] Kết cấu của bộ tiểu thuyết *Ông cố vấn* là kiểu kết cấu của tác phẩm có cốt truyện.

Đặc điểm dễ nhận thấy của kiểu kết cấu này là cốt truyện diễn ra theo trình tự phát triển của thời gian. Thời gian trong tiểu thuyết được trình bày theo lối *lịch sử - sự kiện*. Trục chính của câu chuyện diễn tiến theo biến cố lịch sử. Tác giả dõi mắt nhìn theo những sự kiện chính trị, nhìn con người từ góc độ xã hội. Hữu Mai sắp đặt nhân vật chính của mình gắn liền với lịch sử đất nước. Thông qua quãng đời nhân vật, người ta thấy lịch sử Việt Nam suốt gần 20 năm, từ năm 1958 đến 1975.Thời gian lịch sử được miêu tả chân thực, khách quan, cụ thể, nằm ngoài ý muốn chủ quan của nhân vật. Nó khác với thời gian phi lý, thời gian cảm niệm được khúc xạ qua tâm hồn nhân vật (thời gian lịch sử - tâm hồn). Thời gian lịch sử - sự kiện được kể ra bằng các sự kiện lịch sử sinh động, tràn đầy những hành động xã hội mang tính tranh đấu. Đó là việc Cẩn hung bạo đàn áp chiến sĩ ta, vụ nổi dậy của Phật giáo, vụ đảo chính lật đổ chính quyền Ngô Đình Diệm, anh em Diệm, Nhu bị giết ra sao cho đến việc Thiệu lên nắm chính quyền, sự kiện lịch sử tết Mậu Thân 1968 và những biến cố chính trị trong những năm cuối cùng Thiệu làm tổng thống. Có thể thấy rõ kết cấu của loại thời gian này qua tác phẩm theo mô hình thời gian của các chiến dịch. Thời gian như một vị chỉ huy đứng ra sắp xếp các công đoạn hoạt động tình báo của nhóm Hai Long, bắt buộc các nhân vật phải cuốn theo guồng máy chiến tranh đang quay vội vã.

Thời gian cốt truyện trong tiểu thuyết tình báo thường mang hai màu sắc *thử thách và hi vọng*, bởi nó nói lên những vấn đề đấu tranh gian khổ, chết chóc, chia lìa. Thời gian như một thước đo phẩm chất của con người trong thời chiến. Ở bộ tiểu thuyết *Ông cố vấn*, thời gian thử thách

Hai Long là rất nhiều. Ta có thể thấy ở đây là thời gian Hai Long bị cầm tù ở Huế, làm thế nào để vượt qua được. Thời gian chế độ Ngô Đình Diệm bị xóa sổ, công sức của Hai Long thành trắng tay, anh lại phải xây dựng từ đầu. Thời gian thử thách trước khi anh bị CIA bắt, sự quyết tâm bám trụ đến cùng dẫu có phải hi sinh thân mình. Bên cạnh Hai Long, Hòe cũng có những thời gian thử thách. Anh được thả ra khỏi trại Tòa Khâm, mất hết liên lạc với những người đồng chí, với tổ chức. Anh vẫn lầm lũi tìm tòi và chờ đợi cho đến khi được Hai Long giao nhiệm vụ, anh đã bật khóc vì sung sướng. Thời gian thử thách là bước ngoặt để tiến tới tự do. Cả nhóm Hai Long bị bắt giam, bị tra tấn. Thế nhưng những người chiến sĩ vẫn kiên quyết một lòng giữ vững lý tưởng, nhất định không chịu khai báo vì tin vào một ngày độc lập không xa đang chờ ở phía trước. Thời gian trong tiểu thuyết tình báo thường là thời gian mở để hướng tới một tương lai tươi sáng chứ không phải thời gian khép kín để thể hiện sự bế tắc của con người. Thời gian cách mạng gắn liền với sự hồi sinh, phát triển chứ không phải là loại thời gian tàn tạ, tiêu điều. Nó là thời gian mang tính cách mạng, đổi thay chứ không phải là thời gian bất biến, tù đọng.

Kết cấu của *Ông cố vấn* là kiểu *kết cấu song tuyến* bộc lộ rõ nét qua sự so sánh, đối chiếu giữa hai tuyến nhân vật phát triển song song với tính chất đối lập nhau: một bên là chính nghĩa, một bên là phi nghĩa. Bên chính nghĩa ở đây theo tư tưởng của tác giả là phe ta, những chiến sỹ cộng sản đang hoạt động tình báo trong chính quyền địch và phe đối lập là phe phi nghĩa, chúng luôn đi ngược lại với lý tưởng cộng sản. Hai tuyến nhân vật này tồn tại song song theo suốt chiều dài tác phẩm (đã được tìm hiểu ở chương trước trong mục thế giới nhân vật). Hữu Mai đã khéo léo gắn kết các nhân vật lại với nhau để tạo thành một hệ thống nhân vật trong tác phẩm có mối quan hệ qua lại với nhau làm nổi bật lên bản chất xã hội, bản

chất thẩm mỹ cũng như tính cách nhân vật. Nhân vật Hai Long được đặt bên những chiến sỹ cùng phe với mình như Hòe, Trọng, nhân vật Trần Quốc Hương... để làm nổi bật lên cái hùng, anh cũng được đặt cạnh những kẻ ở phe đối lập như anh em nhà họ Ngô, Nguyễn Văn Thiệu... để làm toát lên bản chất xã hội trong chiến tranh: mâu thuẫn gay gắt giữa chế độ cộng sản và các phe đối lập.

Qua những phân tích trên, chúng tôi nhận thấy cốt truyện và kết cấu của tiểu thuyết tình báo *Ông cố vấn* đã thể hiện được một số đặc trưng của tiểu thuyết tình báo đó là cốt truyện mang đậm mô típ *thử thách và hi vọng*, kết cấu song tuyến bộc lộ rõ chủ đề - tư tưởng qua sự so sánh đối chiếu giữa hai tuyến nhân vật phát triển song song với tính chất đối lập.

3.2. Ngôn ngữ

Nhan đề tác phẩm là một bộ phận cấu thành của văn bản nghệ thuật. Nó là yếu tố mở đầu và góp phần định hướng nội dung, phong cách nghệ thuật. Khi sáng tác văn học, việc lựa chọn nhan đề như thế nào là rất quan trọng. "Việc lựa chọn, xử lý và tổ chức ngôn ngữ của tiêu đề như thế nào là đúng, là hay, một công việc không đơn giản, nhưng lại có tác dụng thiết thực đến xã hội, đến việc chuyển tải thông tin, đến truyền thông đại chúng và đến diện mạo văn hóa" [68]. Nhan đề bộ tiểu thuyết này giản dị, đơn nghĩa, không ví von, sáo rỗng: *Ông cố vấn - hồ sơ một điệp viên*. Như vậy, ngay từ nhan đề, tác giả đã nói rõ thể tài của tác phẩm. Nó là hồ sơ điệp viên, nó không phải tác phẩm văn học sáng tạo thuần túy. Từ hình thức tiểu thuyết mang tính sự sự, ngôn ngữ được sử dụng trong tác phẩm là ngôn ngữ trần thuật.

3.2.1. Ngôn ngữ trần thuật

Về ngôi kể và điểm nhìn. Như đã trình bày ở trên, cốt truyện và nhân vật của tiểu thuyết tình báo *Ông cố vấn* dựa trên những tư liệu lịch sử

chuẩn xác, vì vậy để tạo tính khách quan cho tác phẩm nhà văn Hữu Mai sử dụng ngôi kể thứ ba - người kể gọi các nhân vật bằng tên của họ: "Hai Long ngồi ở bàn đọc báo…"; "Lê Vượng cho người xuống mời Hai Long…"; "Cẩn bỏm bẻm nhai trầu…"; "Nhu bắt tay Hai Long vui vẻ nói…"; "Thục lắc đầu, môi mím lại…"; "Diệm ngồi thừ người rồi lắc đầu"… Từ ngôi kể thứ ba trong tác phẩm, chúng tôi tiếp tục tìm hiểu một số vấn đề về điểm nhìn. Thuật ngữ "điểm nhìn" đã trở nên quen thuộc trong nghiên cứu văn học nói chung và nghiên cứu tự sự học nói riêng, tuy nhiên tầm quan trọng, vị trí và vai trò của nó trong việc tạo dựng, xác lập mô hình cấu trúc tác phẩm, sự chi phối của điểm nhìn trong nghệ thuật kể chuyện đến mức độ nào thì vẫn là một vấn đề còn gây nhiều tranh luận khá gay gắt. Manh nha từ đầu thế kỷ XX, vấn đề điểm nhìn tuy không còn quá quan trọng trong các cuộc thảo luận ở phương Tây hiện nay nhưng nó lại trở thành một phần hiển nhiên, không thể thiếu của nghiên cứu nghệ thuật kể chuyện. Trong các chuyên luận bàn về kỹ thuật, thủ pháp kể chuyện, hầu hết các tác giả đều sử dụng điểm nhìn như một khái niệm công cụ cơ bản nhằm xác lập các mô hình truyện kể hoặc ít nhất dành riêng một chương "điểm nhìn" trong kết cấu của công trình.

Theo quan điểm của G. Genette, điểm nhìn về bản chất mà nói, là một phương tiện điều phối lượng thông tin trong khi kể chuyện, là "sự hạn chế". "Ai nói?" xác định được vị trí của người kể chuyện và"giọng kể chuyện" trong văn bản tự sự. "Ai nhìn?", xét về vấn đề văn bản tự sự, được quyết định bởi điểm nhìn của ai. Nó không chỉ đơn thuần là thị giác. Nhiều học giả đã nhất trí rằng điểm nhìn còn liên quan đến việc cảm nhận - ai nhận biết như thế - và quan điểm của ai khi truyện được kể. Điều đó có nghĩa là điểm nhìn bao hàm ý nghĩa sâu xa hơn, đó là sự phán đoán về giá trị, đạo đức…

Hiểu một cách đơn giản nhất, điểm nhìn chính là một "mánh khoé" thuộc về kỹ thuật, một phương tiện để chúng ta có thể tiến đến cái đích tham vọng nhất: sức quyến rũ của truyện kể. Và dù có sử dụng cách thức nào, phương pháp hay kỹ thuật nào thì mục đích cuối cùng của người sáng tạo cũng chỉ là mê hoặc độc giả, buộc anh ta phải đọc.

Trong tiểu thuyết viết về đề tài chiến tranh trên thế giới, ta thấy tác giả thường đứng trung gian giữa hai phe, miêu tả mỗi bên với dung lượng như nhau và liên tục thay đổi điểm nhìn giữa phe này và phe kia. Song trong văn học cách mạng, tác giả chỉ đặt điểm nhìn từ phe cộng sản, từ đó, nhân danh dân tộc để phê phán bên kia. Đối với những tiểu thuyết về đề tài xây dựng, tác giả cũng đứng về phía các chính sách của Đảng. Như vậy, điểm nhìn tác giả là điểm nhìn của người trong cuộc. Từ đó, tác giả nhìn nhận về phe ta cái gì cũng tốt và phe địch cái gì cũng xấu. Đó là định kiến mang tính giai cấp. Nhưng đối với tiểu thuyết tình báo *Ông cố vấn* của Hữu Mai, hoàn cảnh đất nước, hoàn cảnh nhân vật tự thân nó phân chia sự xấu tốt theo quan điểm lịch sử. Ở bộ tiểu thuyết này, Hữu Mai đã từng nói, ông chỉ: "ghi lại càng nhiều càng tốt những gì đã biết, đã trải qua về một thời đại mà mình có may mắn được là chứng nhân lịch sử" [80,tr.416]. Tự thân lịch sử phân định tính giai cấp, phân định điểm nhìn từ phía nhân dân về vấn đề lịch sử và con người lịch sử. Hữu Mai chỉ là người ghi lại lịch sử và xử lý nó dưới dạng tiểu thuyết. Bản thân ông không chủ động đặt điểm nhìn như các tác giả văn học đơn thuần khác.

Trong mối quan hệ giữa tác giả và nhân vật chính, ta thấy cả hai có điểm nhìn cùng chiều và dĩ nhiên là đối chọi với cái nhìn của phe phản diện. Trong tiểu thuyết tình báo, tác giả thường chọn điểm nhìn từ bên ngoài nhân vật. Trong sử thi cổ điển, tác giả thường chọn thế đứng thấp hoặc xa hơn nhân vật để bày tỏ thái độ sùng kính của con cháu với tổ tiên.

Trong tiểu thuyết sử thi không phải bao giờ cũng là như vậy, vì nó lấy người đương thời làm đối tượng miêu tả chính. Đối với những tiểu thuyết về đề tài chiến tranh, do mang tính chất sử thi đậm đà, nhìn chung tác giả thường đứng thấp hơn nhân vật, gọi nhân vật bằng những đại từ nhân xưng trang trọng. Ở trong tiểu thuyết này, tác giả và nhân vật có điểm nhìn cùng chiều, cùng đi theo lý tưởng cộng sản, ông gọi Hai Long bằng "anh". Nhìn chung, dẫu đứng từ góc độ nào, tác giả cũng tin tưởng vào tiền đồ mà nhân vật chính diện đang theo đuổi.

Ngôn ngữ người kể chuyện. Người kể chuyện là một phương diện không thể thiếu trong lý thuyết tự sự, khi người kể chuyện xuất hiện thì hành vi kể mới bắt đầu. W.Kayser cho rằng: "Ở nghệ thuật kể, không bao giờ người kể chuyện là vị tác giả đã hay chưa nổi danh, nhưng là cái vai mà tác giả bịa ra và chấp nhận", thông qua người kể chuyện mà tác giả đưa được câu chuyện của mình đến độc giả.

Đề cập đến mối quan hệ người kể chuyện - tác giả cũng có nghĩa khảo sát những tương tác nảy sinh trong mối quan hệ văn bản - tác giả. Từ văn bản, việc xác định vị trí và vai trò của người kể chuyện tương đối rõ ràng. Người kể chuyện xác lập vai trò và quyền năng của anh ta trong quan hệ với các yếu tố cấu trúc văn bản như điểm nhìn, tiêu điểm, tiêu cự, ngôn ngữ, nhân vật, không gian, thời gian, người quan sát, người tiêu điểm hóa, người được tiêu điểm hóa, trật tự …vv. Tuy nhiên, từ khi sự tương tác giữa các bậc giao tiếp của nghệ thuật trần thuật được chú trọng thì bên cạnh những quan hệ với các yếu tố thuộc cấu trúc nội tại tác phẩm, người kể chuyện còn được khảo sát trong quan hệ với các yếu tố thuộc nhiều cấp độ khác nhau trong truyện kể như: người nghe chuyện, tác giả hàm ẩn, tác giả thực và độc giả thực.

Người kể chuyện và tác giả là hai thuật ngữ được xác định bởi những thành tố đặc thù, riêng biệt song quy định lẫn nhau. Vùng giao thoa của hai phạm trù này tương đối lớn, vì vậy, trong thực tế đã xảy ra không ít nhầm lẫn. Nhiều nhà nghiên cứu đồng nhất người kể chuyện với tác giả. Ở thế giới truyện kể, người kể chuyện xuất hiện trong cùng bậc giao tiếp với người nghe chuyện. Anh ta thực chất là những "sinh thể" trên giấy, tồn tại trong một thế giới hư cấu và tưởng tượng. Người kể chuyện thực hiện chức năng tổ chức kết cấu tác phẩm và môi giới, dẫn dắt người đọc tiếp cận văn bản. Trong khi đó, tác giả là người sáng tạo ra các tác phẩm nghệ thuật. Như vậy, việc đồng nhất hoặc tách biệt hoàn toàn hai yếu tố thuộc hai bậc giao tiếp khác nhau sẽ không thỏa đáng, hạn chế khả năng hiểu sâu các vấn đề đặt ra trong quá trình giải mã tác phẩm.

Ngôn ngữ người kể chuyện chính là yếu tố quan trọng tạo nên sắc thái cho văn phong của từng tác giả.

Cách mạng tháng Tám đã tạo ra nhiều thay đổi lớn trong ngôn ngữ văn học nước nhà. Trước năm 1945, đọc tiểu thuyết lãng mạn, người ta con thấy những từ ngữ như tráng sĩ, phong sương, chinh chiến, vung gươm, cờ đào, non sông, căm hờn, tiễn biệt, lệ đào, nàng, chàng... thì sau 1945, hệ thống từ ngữ cổ điển và xa rời thực tế ấy không còn phổ biến nữa. Thay vào đó, những từ ngữ thuần Việt, gần gũi với đời sống được các nhà văn sử dụng thường xuyên. Với phe ta, nhà văn dùng những từ ngữ trang trọng như anh, chị, đồng chí, gọi tên riêng hoặc chức danh xã hội. Những từ thiếu thiện cảm thì đẩy sang phía nhân vật phản diện và trung gian. Đây là ngôn ngữ chung của văn học cách mạng của ta sau 1945. Với tiểu thuyết *Ông cố vấn*, ngôn ngữ được nhà văn sử dụng không nằm ngoài những đặc điểm chung vừa nêu trên. Nhà văn gọi nhân vật phe chính diện bằng những đại từ như anh, đồng chí, đội trưởng, cụm trưởng hay gọi bằng tên thật theo

một giọng điệu thân mật. Đối với người phía bên kia, tác giả gọi bằng những đại từ thiếu thiện cảm như y, hắn, bọn... nhưng tần suất xuất hiện rất ít, thường thì những từ này chỉ được dùng với những đối tượng tay sai là chính như nhóm Dương Văn Hiếu, Tá đen, Cò Nhi... Tuyệt đại đa số những người phía bên kia, tác giả gọi bằng tên thật với một thái độ khách quan.

Văn học cách mạng thường hướng tới phong cách ngôn ngữ chung, mang tính toàn dân nên phong cách riêng ít được coi trọng. Những giọng văn có cá tính riêng, rõ nét như Nguyễn Tuân, Nguyễn Công Hoan thường không đi cùng trong dòng chảy chung của văn học cách mạng.

Phần đông nhà văn hướng theo chuẩn ngôn ngữ chung, tuy nhiên vẫn có thể để lại dấu ấn riêng trong văn phong của mình, miễn là nội dung tư tưởng tốt. Ở tiểu thuyết *Ông cố vấn,* Hữu Mai không sử dụng phong cách ngôn ngữ đậm cá tính, khác lạ, cá tính, thay vào đó, ông sử dụng ngôn ngữ tiểu thuyết trong sáng, giản dị, gãy gọn và gần gụi, sử dụng bút pháp tả thực, không lên gân như phong cách sử thi thường hay sử dụng.

Về đặc điểm lời văn trần thuật. Ở bộ tiểu thuyết này, nhà văn Hữu Mai vận dụng lời văn trần thuật qua các biện pháp tả, kể và bình luận. Để làm cho đối tượng hiện lên sinh động trước sự hình dung của bạn đọc bằng nhiều giác quan, tác giả đã sử dụng biện pháp tả. Trong tác phẩm, có nhiều trường đoạn tác giả miêu tả về nhân vật: "... một người bé nhỏ, tuổi khoảng ba mươi, có dáng dấp một viên chức hay một nhà giáo... cặp mắt hiền lành" ; "hai hàm răng sin sít của Hiếu hơi nghiến lại. Đôi bắp thịt quai hàm nổi lên ai Long vẫn thu tay ngồi im, nhìn người đối thoại với cặp mắt chất phác"... và hành động của nhân vật: "Hắn choàng tay kia vào lưng Hai Long, tiếp tục cử chỉ thân mật... Sau cái liếc mắt, hắn thong thả rót nước, bóc bao thuốc đã để trên bàn" ; Hai Long vẫn thu tay ngồi im, nhìn người đối thoại với cặp mắt chất phác"... để thể hiện rõ nhân vật chính diện và

nhân vật phản diện. Mặt khác, nhà văn cũng sử dụng biện pháp tả để miêu tả thiên nhiên, quang cảnh và đặc biệt là bối cảnh hoạt động tình báo của nhân vật chính: "Đà Lạt hiện lên giữa cao nguyên núi rừng trùng điệp, với không khí tươi mát, tĩnh lặng sực nức mùi hương của những đồi thông, những biệt thự xinh xắn ẩn hiện náu mình dưới lùm cây tươi xanh, những khu vườn đầy hoa ai Long vẫn thu tay ngồi im, nhìn người đối thoại với cặp mắt chất phác "... - một đoạn miêu tả thiên nhiên tươi đẹp hiếm hoi giữa bối cảnh chiến tranh để giảm bớt sự căng thẳng, khốc liệt ; " cánh đồng lỗ chỗ đạn pháo bầy... lá cây khô quắt... những đống đổ nát không hồn... ai Long vẫn thu tay ngồi im, nhìn người đối thoại với cặp mắt chất phác "... Xây dựng cốt truyện theo trật tự thời gian tuyến tính, nhà văn sử dụng biện pháp kể theo mốc, sự kiện, năm tháng trong tiến tình lịch sử hoạt động của nhân vật Hai Long : " Sài Gòn. Tháng Mười Hai năm 195"; "Từ tháng Mười hai năm 1962 " ; "Trong năm 1967 " ; " Từ ngày Hai Long vào dinh độc lập"... Cùng với tả, kể, bình luận cũng được nhà văn Hữu Mai sử dụng trong ngôn ngữ của tác phẩm nhằm thể hiện những đánh giá của một con người đi theo tư tưởng xã hội chủ nghĩa và lý tưởng cộng sản về cuộc chiến tranh của dân tộc : " Những giáo phái và những người thân Pháp, trong đó có nhiều người trước đây đã ủng hộ Diệm, giờ bị Diệm đàn áp... Ván bài này, Diệm, Nhu mới chơi được nửa chừng " ; " Mỗi biến cố trên chính trường miền Nam từ 1954 đến nay đều không lọt qua mắt những điệp viên quốc tế... Những cuộc tranh chấp gay go, phức tạp, không khoan nhượng, có khi đẫm máu, đều do những điệp viên, tình báo đạo diễn và thực hiện. Bên nào giành phần thắng, bên nào trắng tay sau đó, đều chỉ biết ngầm với nhau, câm lặng để tính toán một âm mưu mới âm thầm và quyết liệt hơn.

Tóm lại, Tiểu thuyết *Ông cố vấn* đã vận dụng hiệu quả các biện pháp trần thuật như tả, kể, bình luận và được trần thuật theo trật tự tuyến tính, tức là kết cấu mạch thẳng của kiểu thời gian biên niên. Cốt truyện trung tâm được diễn tiến theo trình tự thời gian, thời gian sự kiện chính nằm ở thì hiện tại, xét từ vị trí của người trần thuật ở ngôi thứ ba. Ở đây, chúng ta đang xét trên cấp độ vĩ mô của tác phẩm, còn xét ở cấp độ thấp hơn (như đoạn văn, câu văn, chi tiết...), đôi khi cũng có những xáo trộn nhỏ về mặt thời gian. Tuy nhiên, những xáo trộn này xuất hiện rất ít. Theo sự thống kê, tác phẩm chỉ có hai lần xáo trộn thời gian. Lần thứ nhất là khi Hai Long gặp lại Tú Uyên. Lần thứ hai, Hai Long gặp lại Ba Vân. Đây là hai người đánh dấu những mốc thời gian sâu đậm đối với Hai Long và có tác động nhất định đến trạng thái tâm lý của anh, vì vậy, thời gian bị xáo trộn, giọng văn mang tính chất hồi cố. Tuy vậy, cốt truyện chính vẫn theo mô hình thời gian sự kiện chính trị, bởi vì tác phẩm này vẫn theo kiểu thời gian lịch sử - sự kiện.

3.2.2. Ngôn ngữ nhân vật

Ngôn ngữ nhân vật là "một tồn tại tất yếu mang tính đặc thù của văn bản tự sự nói chung và tiểu thuyết nói riêng". Tính song thanh hay đa thanh mà văn bản tiểu thuyết có được một phần lớn dựa trên bộ phận ngôn ngữ này. So với một số hình thái ngôn ngữ khác, chẳng hạn như kịch, ta thấy đây là một lợi thế của tiểu thuyết. Ngôn ngữ nhân vật là thứ ngôn ngữ mang đặc điểm cá thể hóa rõ rệt, là công cụ đắc lực giúp nhà văn khắc họa tính cách nổi bật riêng của từng nhân vật. Ngôn ngữ nhân vật được Hữu Mai sử dụng theo xu hướng thông tục, mang nặng màu sắc phương ngữ, mang "*cách nói của quần chúng*". Trong tiểu thuyết, ngôn ngữ bình dân chiếm vị trí quan trọng và phổ biến. Ngôn ngữ nhân vật được cá thể hóa rõ nét theo từng vùng, từng nghề nghiệp, phe phái... Ta có thể thấy ở đây ngôn

ngữ giọng điệu miền Trung của Cẩn, Nhu, những tên quản lý trại tòa Khâm. Đây là giọng điệu của Lê Vượng:

"...Rứa chưa đủ. Ăn cơm Quốc gia phải mô đã là người của Quốc gia!... Bọn hắn sẽ nói chuyện với anh những cái cụ thể. Bữa ni miềng chỉ yêu cầu anh sau mỗi buổi học tập, phải có thái độ rõ ràng".

"Thì rứa... Miềng nói tiếp. Một đàng là đóng cửa, một đàng là mở cửa. Một đàng là hận thù. Một đàng là hòa hợp dân tộc, xóa bỏ hận thù. Cộng sản dùng sông Bến Hải để chia cắt đất nước. Quốc gia muốn lấp sông Bến Hải để thống nhất hai miền. Không phân giai cấp, không phân giàu nghèo, bỏ qua quá khứ, đó chính là chính sách của ông Cậu. Ông Cậu nói: "Chính sách đã mở cửa, đừng ai đóng lại, đóng lại là có tội". Hay lắm chớ! (...) Người mô trở về với Quốc gia, bên nớ chức chi, bên ni chức nớ, là công chức cũ trao chức vụ cũ, khả năng đến mô, quyền cao đến nớ".

Hoặc như những ngôn ngữ của Cẩn:

... "Răng chi mà ngại. Anh em trong nhà đóng cửa bảo nhau".

"Đã nói không ngại chi mô! Hay dở cũng cứ nói!".

"Chà...! Dữ hi"...

Tiểu thuyết cách mạng có sự thống nhất cao giữa ngôn ngữ của tác giả với ngôn ngữ nhân vật, độc giả. Lời của nhân vật chính diện cũng thường là lời của tác giả, độc giả (theo hệ tư tưởng Cộng sản). Tác giả như tâm sự với độc giả:

"Những ngày phản tỉnh. Những cuộc truy bức. Người mới đến, người ra đi. Ở mặt trận, có thể nhận ngay ra người dũng cảm, kẻ khiếp nhược. Trong cuộc đấu tranh ở đây, người xấu, người tốt, cái giả, cái thật rất khó phân biệt. Người tự bộc lộ là kiên định, vững vàng có thể lại là một tên khiêu khích, tay sai của địch. Người tỏ ra cam chịu, quy phục, có thể lại đang nung nấu một tinh thần bất khuất, một ý chí phục thù. Ở mỗi con

người là sự biến động hàng ngày, hàng giờ. Hôm trước còn trung thành, hôm sau trở thành phản bội. Hôm trước sa ngã, hôm sau đã hối hận, muốn chuộc lại lỗi lầm. Bề ngoài mọi người đều lặng lẽ. Nhưng bên trong đầy sóng gió. Không ai tin ai…";

"Lần này, Thiệu chưa kịp phản ứng. Ngay hôm sau, đêm mùng 4 tháng Năm, một đợt tiến công mới của ta lại bùng nổ trên toàn miền Nam.

Cuộc tiến công diễn ra tại 30 thành phố, thị xã, 70 thị xã, quận lỵ, chi khu, hàng chục căn cứ quân sự và rất nhiều sân bay, kho hàng.

Tại Sài Gòn, bộ đội ta mở cuộc tiến công hàng loạt vào Tổng nha cảnh sát, Tòa thị chính, Nha cảnh sát đô thành, dinh Thủ tướng, Đài phát thanh và Đài vô tuyến truyền thanh. Dân Sài Gòn lại náo động"…;

Tiếp theo, cần bàn tới ngôn ngữ đối thoại của nhân vật. Trong tác phẩm, ngôn ngữ đối thoại của nhân vật nổi bật nhất là những cuộc đối thoại giữa nhân vật chính diện và nhân vật phản diện. Sự đối thoại này là một đặc trưng của ngôn ngữ trong tiểu thuyết tình báo, nó thể hiện sự hóa thân của nhân vật chính diện khi hoạt động với vai trò là người của nhân vật phản diện. Hai Long luôn khiêm nhường, bình tĩnh, hòa nhã và tuyệt đối kín kẽ trong những đối thoại với phe đối diện để địch tin tưởng và coi anh như người chung chí hướng. Khi bị địch truy cứu:

- Anh khai báo thế này thì ai mà chịu được! Hồ sơ của anh cả một tập rề rề ra đây...

- Tôi cũng từ thằng quân báo Liên khu V mà ra đây, cũng Cộng sản nòi, nhưng ngấy hết rồi! Còn cái mẹ gì! Các ông ấy kéo tuốt ra Bắc, vứt mình lại xó rừng. Mình cũng phải sống chớ...

Tiếp cận với anh em họ Ngô cũng như cha Hoàng, cha Lê, Nguyễn Văn Thiệu… Hai Long luôn tìm hiểu tính cách của đối phương để có biện pháp lấy được lòng tin của chúng. Điều đó thể hiện sự khôn ngoan, nhanh

trí, thông minh sắc sảo. Ngôn ngữ đối thoại đã phát huy tác dụng khi phản ánh đặc điểm này: Với Cẩn - vốn nổi tiếng "tham lam, tàn ác, ít học" nhưng cũng là người hiếu để, Hai Long đã tinh ý khi lần đầu tiếp cận y, anh xin phép viếng cụ cố ông rồi lại xin thăm bà mẹ già và đã lấy được thiện cảm của Cẩn: "bữa ni anh là khách quý của tôi." - Cẩn nói. Trình bày bốn nguy cơ đối với chế độ Việt Nam cộng hòa là một đòn bảy đưa Hai Long đến với gia đình họ Ngô:

- Bản nhận định của tôi là sự tổng hợp ý kiến của Đức cha Lê, cha Hoàng và những điều tôi thu lượm được khi Đức cha cử tôi làm đại diện tiếp xúc với các nhân vật và đoàn thể thuộc nhiều khuynh hướng chính trị ở Việt Nam cộng hòa. Điều này tôi đã viết trong tờ trình.

- Rứa theo anh đã diễn biến đến đâu?

- … nhanh hay chậm là do sự phát triển của những nguy cơ và những biện pháp giải nguy của Tổng thống.

Biết Nhu đã tốt nghiệp cử nhân văn chương trước khi học trường Bác Cổ Paris, Hai Long hỏi:

- Ông cố vấn ngày xưa có đọc thơ Nguyễn Bính không?

Dẫu trả lời:

- Mình làm chính trị, không còn thời gian đến với thi ca…

Nhưng Hai Long đã khơi gợi được ít nhiều cảm xúc trong Nhu - một người được học hành tử tế.

Đối diện với Nhu là đối diện với tử thần, chỉ cần có chút sơ hở "đầu anh sẽ nằm dưới gốc cam trong vườn…". Khác với Cẩn, khi nghe Hai Long trình bày bốn nguy cơ y rất tâm đắc và còn rơm rớm nước mắt, lo âu thực sự, Nhu phản bác lại Hai Long bằng những luận điệu đanh thép.

- Các anh có tránh nhiệm về tình hình hiện nay… các anh chẳng bàn vào mà chỉ tán ra, làm cho từ giám mục đến linh mục đều nghi kỵ Tổng

thống, quấy rầy Tổng thống! Chính anh, tác giả bản nhận định tình hình, anh có dụng ý gì khi trao đổi bản đó tới tay chúng tôi. Anh định áp đảo chế độ, định gây áp lực với Tổng thống chăng?

- Thưa ông cố vấn, tôi xin nhận lĩnh hết thảy những điều ông cố vấn lên án Đức giám mục, các linh mục… Tôi là một người đang bị chế độ cầm tù, chẳng lẽ lại dại dột âm mưu toan gây áp lực với Tổng thống, với chế độ…

Đúng như nhận định của cha Hoàng, Hai Long là một người hiền lành như bồ câu và khôn lanh như rắn! Anh biết cách thuyết trình và xoay chuyển tình thế trong những tình huống gay cấn, nguy hiểm.

Bên cạnh đối thoại là ngôn ngữ độc thoại thể hiện suy nghĩ nội tâm bên trong của nhân vật. Ngôn ngữ độc thoại chủ yếu trong tác phẩm là của Hai Long - đó là những thời điểm mà tác giả muốn nhân vật của mình hiện lên chân thật nhất để bạn đọc cảm nhận được con người cộng sản với phẩm chất sáng ngời. Ngôn ngữ độc thoại của Hai Long thể hiện suy nghĩ của anh về những vấn đề của nhiệm vụ được giao và những tâm tư tình cảm riêng trong hoàn cảnh đặc biệt là chiến trường ngầm mà trong đó anh là một chiến sỹ. Những lời độc thoại ấy đã được chúng tôi nhắc đến ở chương trước trong phần nghệ thuật xây dựng nhân vật

Tóm lại, trong bộ tiểu thuyết *Ông cố vấn*, nhà văn thường sử dụng ngôn ngữ hiển ngôn, không nói hàm ngôn nên không lắt léo, ám chỉ, lệch chuẩn hoặc gây hiểu lầm, và cũng ít tạo ra những cuộc tranh luận về ngữ nghĩa. Ngôn ngữ không có nội dung liên cá nhân theo kiểu rào trước đón sau, tranh luận ngầm, nhiều ẩn ý, mỗi nhân vật có một cách nói riêng như trong tiểu thuyết đa thanh [43] và [2]. Mặc dù vậy, hầu hết ngôn ngữ trong tác phẩm là ngôn ngữ đơn thanh. Điều này xuất phát từ qui định của nền văn học Cách mạng. Nói như M. Bakhtin, "*Thế giới sử thi chỉ biết duy nhất*

một ngôn ngữ thống nhất và có sẵn" [9]. Từ những vấn đề về ngôn ngữ trần thuật và ngôn ngữ nhân vật đã phân tích, ở phần tiếp theo chúng tôi tìm hiểu các sắc thái giọng điệu trong tác phẩm.

3.2.3. Các sắc thái giọng điệu

Trong quá trình sáng tác, mỗi nhà văn đều phải trăn trở để tìm ra giọng điệu nghệ thuật cho tác phẩm của mình. Bởi theo M. Khrapchencô, "cái quan trọng trong tài năng văn học (...) là tiếng nói của mình (...), là cái giọng riêng biệt của chính mình không thể tìm thấy trong cổ họng của bất kỳ một người nào khác" [44, tr.169]. Hơn nữa, ở mỗi một tác phẩm văn chương, giọng điệu chính là "một hiện tượng nghệ thuật toát ra từ bản thân tác phẩm và mang một nội hàm tư tưởng thẩm mỹ" (theo Từ điển thuật ngữ văn học). Giọng điệu nghệ thuật bị chi phối từ rất nhiều yếu tố, từ cái nhìn hiện thực, cảm hứng sáng tác, đến tư tưởng tình cảm của tác giả với những sự vật, sự việc, con người... Giọng điệu ấy lại được cụ thể hóa qua từ ngữ, lời văn, ngữ điệu và các thủ pháp nghệ thuật trong tác phẩm, để qua đó bộc lộ "thái độ, tình cảm, lập trường, tư tưởng đạo đức của nhà văn đối với hiện tượng được miêu tả" và thiết lập các mối quan hệ "thân sơ, thành kính hay suồng sã, ngợi ca hay châm biếm".

Mỗi tác phẩm văn chương đều có sắc thái giọng điệu riêng. Hơn thế, trong mỗi tác phẩm, bên cạnh giọng điệu chủ đạo, bao giờ cũng tồn tại nhiều sắc thái giọng điệu khác nhau. Bởi cũng theo M. Khrapchencô, "*giọng điệu chủ đạo không những không loại trừ mà còn cho phép tồn tại trong tác phẩm văn học những giọng điệu khác nhau*" [44, tr.169]. Như vậy, các sắc thái giọng điệu đã trở thành phương tiện tham gia chuyển tải bức tranh hiện thực vào tác phẩm và thể hiện thái độ của nhà văn trước cuộc sống. Chính vì thế khi nghiên cứu sáng tác của một nhà văn không thể không nghiên cứu giọng điệu nghệ thuật của họ.

Qua phần ngôn ngữ trần thuật và ngôn ngữ nhân vật trong tiểu thuyết tình báo *Ông cố vấn*, chúng tôi nhận thấy nổi lên một số giọng điệu chính như sau:

Giọng điệu trữ tình sâu lắng. Như đã trình bày ở Chương Một về diện mạo tiểu thuyết tình báo Việt Nam, Các nhà văn Việt Nam, hơn ai hết được thửa hưởng một di sản quá ư giàu có được để lại từ chính lịch sử cuộc đấu tranh giải phóng, thống nhất đất nước. Ngành tình báo nước nhà trong suốt cuộc chiến tranh đã làm nên nhiều chiến tích anh hùng, sống động, đôi khi kỳ lạ như huyền thoại. Lịch sử, tự nó đã chứa đựng sự ly kỳ, gay cấn. Sau chiến tranh, khi các hồ sơ được giải mật, chính nó đã làm nên cú sốc cho dư luận, bao nhiêu số phận, bao nhiêu vụ việc đánh thức ở trong người viết và người đọc những tình cảm ngưỡng vọng, mến yêu, và cả thắp lên ở mỗi người trí tò mò, ý muốn khám phá những gì thuộc về *lịch sử phần chìm*. Ông nhìn về những sự kiện lịch sử, những hoàn cảnh mà nhân vật của mình chính là người anh hùng cách mạng đời thực, không hư cấu với tất cả những tình cảm ngưỡng vọng, mến yêu bằng giọng điệu trữ tình, sâu lắng, thiết tha. Người đọc không khỏi bùi ngùi xúc động trước những đoạn miêu tả về tâm trạng của Hai Long khi bị những người xung quanh nhìn anh như một kẻ phản bội:

"Lòng anh như dao cắt.

Anh chưa được phép chết lúc này, vì anh chưa hoàn thành nhiệm vụ. Anh mới đi được nửa đường, anh sẽ không bao giờ chịu đầu hàng. Anh vẫn nung nấu ý chí phục thù. Bao giờ mọi người xung quanh sẽ hiểu anh đây? Có thể chẳng bao giờ! Anh thầm ước giá mà mình có một cái mặt nạ. Anh thương cho bộ mặt mình, bộ mặt do cha mẹ sinh thành. Bộ mặt ấy đang chuốc lấy sự phỉ nhổ. Anh đang đóng một vai kịch đáng kinh tởm nhất bằng chính bộ mặt thực của mình".

Giọng điệu trữ tình, ẩn chứa nhiều cung bậc tâm trạng, cảm xúc ấy còn thể hiện ở đoạn Hai Long nỗi nhớ miền Bắc khi anh sống giữa mùa đông lạnh lẽo ở trại Tòa Khâm:

"Cái lạnh làm cho Hai Long nhiều lúc nhớ miền Bắc da diết. Miền Bắc lúc này rất gần mà cũng rất xa… Mọi người chỉ có thể hiểu anh nếu có ngày chiến thắng trở về. Ngày ấy có tới với anh không? Không ai dám chắc điều đó... Hình ảnh Bác Hồ trở thành thiêng liêng. Đó là ánh hào quang bóc trần bộ mặt thực của những kẻ mượn màu cách mạng, dân tộc ở đây…"

Hay những đoạn miêu tả khi Hai Long gặp lại Ba Vân, người đồng chí đầy thương yêu của mình và được tin tức về cha mẹ anh tại quê nhà.

"Lòng anh bất chợt se lại. Anh đã hiểu vì sự an toàn của mình, tổ chức vẫn chưa cho gia đình anh biết vợ chồng anh vào Nam vì hoạt động công tác. Đối với những người ruột thịt và xóm giềng, anh vẫn chỉ là một cán bộ kháng chiến đào tẩu chạy theo quân địch. Ngày mới ra đi, anh không bận tâm về chuyện này. Nhưng sau những năm tháng kéo dài, điều đó đôi lúc trở nên day dứt. Biết tới ngày nào mọi người mới hiểu vợ chồng anh vì việc nước ra đi".

"Hai Long cảm động đón món quà từ tay đồng chí phái viên. Hơn hai chục năm rồi, anh mới cầm trong tay những thứ này của miền Bắc. Ước gì được mang về trong kia chia sẻ cùng với Hòe. (...) Anh bóc gói thuốc để gần mũi, hít mãi mùi thơm, rồi hai người mới cùng hút".

"Mấy tiếng còn lại tối hôm đó với Hai Long là khoảng thời gian tuyệt vời. Họ không nói gì về công việc. Ba Vân sẵn sàng trả lời tất cả những câu hỏi của anh về miền Bắc. Chưa bao giờ anh được gặp một người vừa xa Hà Nội có đúng mười ngày".

Nhưng có lẽ, đoạn văn xúc động nhất chính là lúc Hai Long nghe tin Bác mất khi anh bị giam lần thứ hai:

"Nước mắt anh ứa ra, rồi chảy ròng ròng. Người cắt tóc đang kể chuyện tù chính trị ở khám Chí Hòa tổ chức để tang Bác, thấy Hai Long khóc cũng ngừng tay, dùng ống tay áo quệt nước mắt.

Những người con xa ở miền Nam không còn được gặp lại Bác nữa rồi! Anh bỗng cảm thấy mình có lỗi.

Bữa chiều hôm đó, anh không thể nào nuốt nổi chén cơm và miếng cá khô đắng ngắt của nhà tù.(...) Từng lúc, nước mắt anh lại ứa ra. Mình sẽ phải làm gì để chuộc lại nỗi lầm này? Mình phải làm gì xứng đáng để chịu tang Bác đây? Những căm thù lại trỗi lên nung nấu trong lòng anh".

Giọng điệu trữ tình thiết tha sâu lắng không những thể hiện được tình cảm, tư tưởng của tác giả đối với nhân vật chính của mình, mà còn thể hiện sâu sắc chiều sâu nội tâm trong con người Hai Long. Người chiến sĩ tình báo đầy kiên trung, dũng cảm, mưu trí và khôn khéo nhưng cũng hội tụ đầy đủ những tình cảm, những yêu thương, những căm giận. Anh giản dị, đời thường trong chiều kích nội tâm, hoàn toàn không bị lý tưởng hóa đến mức hư cấu.

Giọng điệu triết lý suy tư. Nhân vật chính của Hữu Mai trong tác phẩm là Hai Long, một phụ tá của đức cha Lê, cha Hoàng trong việc xây dựng lực lượng Công giáo, củng cố vị thế của lực lượng đối với chính trường miền Nam; một cố vấn của Ngô Đình Cẩn, Ngô Đình Nhu, của Nguyễn Văn Thiệu về những sách lược của cả chế độ ngụy quyền. Chính vì vậy, Hai Long luôn là người có học thức uyên thâm, có tâm hồn tinh tế, nhạy cảm. Chính vì thế, ngoài sắc thái giọng điệu trữ tình thiết tha sâu lắng, người đọc còn nhận rõ sắc thái giọng điệu triết lý suy tư. Giọng điệu này được nhà văn sử dụng khá đậm đặc và có hiệu quả trên từng trang sách. Sắc thái ấy thường được sử dụng khi nhà văn đề cập đến những vấn đề phức tạp trong cuộc sống, khi nhân vật đi tìm những giá trị tinh thần đích thực vĩnh

hằng; khi bày tỏ những suy tư về tình người, tình đời hoặc khi nhà văn phân tích lý giải, khái quát một hiện tượng nào đó trong cuộc sống... Ta hãy nghe Hai Long tự luận về hoàn cảnh của mình khi anh bị những người xung quanh nhìn anh như một kẻ phản bội:

"Anh thầm ước giá mà mình có một cái mặt nạ. Anh thương cho bộ mặt mình, bộ mặt do cha mẹ sinh thành. Bộ mặt ấy đang chuốc lấy sự phỉ nhổ. Anh đang đóng một vai kịch đáng kinh tởm nhất bằng chính bộ mặt thực của mình".

Hoặc, khi nói về phương châm sống, phương châm hoạt động của mình và lý do tại sao mình tồn tại:

"Phải có lòng nhân anh ạ... Tư tưởng này đã chi phối mọi hành động của tôi trong những năm qua. Tôi nghĩ rằng, nhờ có nó mà tôi tồn tại tới ngày hôm nay. Nói cho cùng, thì dù công tác giữa lòng địch, chúng ta vẫn sống giữa những con người...".

Khi nhìn nhận lại quá trình hoạt động của mình - quá trình "thủ vai" trong sân khấu chính trị miền Nam, nhìn con kỳ nhông, anh đã suy nghĩ:

"Con vật nhỏ này khác với đồng loại của nó, phần đông to lớn hơn, không phải do nó có cuốn băng kỳ dị trên đầu, mà do nó có thể biến màu phù hợp với môi trường. Chính vì vậy mà mặc dù không có khả năng tự vệ trước những con vật khác hung dữ, nó vẫn tồn tại, trong khi những con khủng long khổng lồ to lớn gấp nó hàng vạn lần từ rất lâu chỉ còn là bộ xương hóa thạch hiếm hoi trong viện bảo tàng. Nó có thể sống giữa rừng rú, chống chọi được với luật rừng. Nó cũng có thể tồn tại giữa những sa mạc hoang vu khô cằn, bốn bề cát bỏng. Ở đâu cũng chỉ với một phương thức biến màu tự vệ phù hợp với môi trường.

Anh chợt nảy ra một so sánh: trong nhiều năm qua, mình đã tồn tại trong môi trường chiến đấu ác liệt giống như con vật bé nhỏ đáng thương

này. Anh cũng là một con kỳ nhông. Anh chưa một lần dùng tới vũ khí tự vệ. Phương thức hoạt động duy nhất của anh, cũng là phương thức để tồn tại, là nhanh chóng biến màu. Anh cảm thấy người ta đã thật bất công khi dùng tên con vật kỳ diệu này gán cho những kẻ hoạt đầu. Kẻ hoạt đầu bao giờ cũng xấu xa, nguy hiểm trong cuộc sống giữa đồng loại. Chúng nhằm những mục đích thấp hèn. Con kỳ nhông biến màu để tồn tại cho mục đích tồn tại của nó, giữa môi trường hủy diệt...".

Phải nói rằng Hữu Mai lựa chọn giọng điệu triết lý suy tư trong tiểu thuyết là rất phù hợp với cái nhìn, cách tư duy và hệ thống nhân vật của tác giả. Chính sắc thái giọng điệu này đã góp phần làm cho những trang viết của nhà văn có bề sâu trí tuệ, đưa người đọc tới sự cảm nhận sâu sắc thấm thía nhiều điều từ cuộc sống đầy bộn bề, phức tạp, không ít những gian truân, nguy hiểm của người chiến sĩ trên mặt trận tình báo.

Giọng điệu hài hước mỉa mai: Trong bộ tiểu thuyết này, người đọc sẽ nhận thấy, giữa hai trận tuyến của ta và địch, có không ít những kẻ cơ hội chính trị thuộc nhiều tổ chức khác nhau, trong đó, tổ chức tôn giáo chiếm phần lớn. Những người hoạt động tôn giáo không chính thống lợi dụng tình hình chính trị rối ren, căng thẳng, đã bị Mỹ hoặc Pháp giật dây để tổ chức những phe phái liên tôn chống Cộng, chống cả chế độ ngụy quyền. Đó là những cha cố, những nhà sư mà Hữu Mai đã gọi họ bằng một tính từ rất mỉa mai: "hiếu động". Đó là một cha Lê, cha Hoàng với những mục đích đấu tranh rất cá nhân, tham lam quyền lực, mưu mô và giảo hoạt; một nhà sư Thích Diệu Đế ham mê thú vui trần tục và mù mờ về cảm quan chính trị... Những người này luôn có những hành động gây bất lợi cho cục diện chính trị. Hữu Mai dùng giọng điệu hài hước, mỉa mai và mượn lời của nhân vật phía bên kia để nói lên điều đó:

"Thích Trí Quang bị giữ tại một bệnh viện. Ông tuyên bố tuyệt thực. Các cố vấn Mỹ luôn luôn hỏi Kỳ về sức khỏe của nhà sư. Có người hỏi:

- Khi nào Trí Quang sẽ chết?

Kỳ đáp:

- Nếu Trí Quang chỉ là một nhà sư thì ông ta sẽ chết. Nhưng vì còn là một nhà chính trị nên ông ta sẽ không chết. Ông ta đang được cho ăn một cách kín đáo để sống và tiếp tục làm chính trị".

Hoặc như nói về việc tham nhũng của những người cầm quyền chế độ cộng hòa, tác giả đã mô tả việc mua bán chức vị trong bộ máy chính quyền Sài Gòn như sau: "Muốn mua một chức trưởng ty cảnh sát quận Năm (Chợ Lớn), phải hối lộ đúng chỗ 15 triệu đồng. Ở quận Năm, có mười vạn người trốn quân địch. Mỗi người này phải hối lộ 100.000 đồng. Bà vợ những nhà cầm quyền đánh xì phé, khi đặt tiền thường nói: Tôi tố thêm một tân binh quân địch!" thay cho câu đặt thêm một trăm nghìn". Ta cũng thấy giọng điệu hài hước pha lẫn chút yêu thương của cha Hoàng khi nói về Hai Long: "Thầy hiền lành như bồ câu và khôn lanh như rắn".

Tóm lại, nhìn từ phương diện cốt truyện, kết cấu và ngôn ngữ, *Ông cố vấn* đã thể hiện một số đặc trưng riêng của tiểu thuyết tình báo: cốt truyện xây dựng theo mô típ *thử thách và hy vọng*, có diễn biến bất ngờ; kết cấu song tuyến đối chiếu giữa hai tuyến nhân vật phát triển song song với tính chất đối lập nhau; ngôn ngữ trần thuật với biện pháp tả, kể, đối thoại đặc biệt giữa chiến sỹ tình báo và địch; độc thoại nội tâm của nhân vật tình báo; bình luận qua đó làm nổi lên một số giọng điệu cơ bản.

KẾT LUẬN

Xã hội Việt Nam sau năm 1975 bước sang một thời đại mới. Mặc dù vẫn tiếp bước trên con đường XHCN nhưng đất nước đã thoát khỏi chiến tranh để sống hòa bình. Lúc ấy, con người có ước mơ, khát vọng khác với thời chiến. Mười năm sau chiến tranh, đất nước có sự đổi mới, Đại hội Đảng VI tiến hành đổi mới toàn diện, từ tư duy đến cơ chế hành chính và kinh tế. Cùng với đổi mới đất nước là sự mở rộng giao lưu văn hóa đa chiều tạo điều kiện quan trọng đối với văn học. Khuynh hướng nhận thức lại với cảm hứng phê phán phát triển rất mạnh, chiến tranh cũng được nhận thức lại từ những tác động của nó đối với con người. Là nhà văn cùng thời và cùng khai thác đề tài chiến tranh như Nguyễn Khải, Nguyễn Minh Châu, Tô Hoài… nhưng dường như cái tên Hữu Mai và tác phẩm *Ông cố vấn* của ông rất ít được nhắc đến. Vì vậy, đề tài *Bộ tiểu thuyết tình báo* ***Ông cố vấn*** *của Hữu Mai từ góc nhìn thể loại* đã làm rõ vị thế của bộ tiểu thuyết Ông cố vấn trong thể tài tình báo - một nhánh của đề tài tiểu thuyết chiến tranh cách mạng Việt Nam, đồng thời khẳng định tài năng và những đóng góp của nhà văn Hữu Mai đối với nền tiểu thuyết Việt Nam hiện đại nói riêng và văn học Việt Nam nói chung.

Bộ tiểu thuyết tình báo *Ông cố vấn* của Hữu Mai đã phản ánh hiện thực chiến tranh khốc liệt của dân tộc thông qua những hoạt động của lưới A.22 mà tiêu biểu là chiến công của nhà tình báo nổi tiếng Vũ Ngọc Nhạ. Nếu các nhà văn cùng thời với ông chọn viết về những mất mát, đau thương hay thân phận con người nói chung… trong chiến tranh thì Hữu Mai lại hướng tới tìm hiểu những đóng góp, những hy sinh thầm lặng của các chiến sỹ tình báo - những con người chỉ khi chiến tranh kết thúc mới có thể được trả lại tên, tuổi. Vì vậy, có thể nói *Ông cố vấn* là tiểu thuyết mang đậm tính tư liệu. Bản thân tư liệu về cụm tình báo A.22 của nhà tình báo

Vũ Ngọc Nhạ đã hội tụ đầy đủ những kịch tính, những tình tiết gay cấn của một tác phẩm văn học. Tư liệu đó đến với Hữu Mai là một sự may mắn, một cơ duyên. Thế nhưng *Ông cố vấn* cũng không chỉ kể sự kiện, cuốn sách còn có những trang cảm động miêu tả tâm trạng của nhà tình báo dấn thân vào sào huyệt kẻ thù. Xen giữa những dòng sự kiện, tác phẩm luôn có những điểm dừng cho tâm trạng, ở đó nỗi lòng, sự trăn trở, ý chí, quyết tâm của con người được bộc lộ. Thành công của bộ tiểu thuyết *Ông cố vấn* chính là sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa tư liệu thực tế và sáng tạo văn học. Không ai có thể phủ nhận vai trò của Hữu Mai trong việc "sắp xếp" những sự kiện lịch sử trở thành một tác phẩm đỉnh cao của thể loại tiểu thuyết tình báo - phản gián, để lại dấu ấn đậm nét trong lòng người đọc, điều mà các tác phẩm khác cùng thể loại này về sau không thể vượt qua. Đây chính là điểm khác biệt lớn nhất của tiểu thuyết *Ông cố vấn* so với những tiểu thuyết tình báo khác như *X.30 phá lưới* của Đặng Thanh hay *Ván bài lật ngửa* của Nguyễn Trường Thiên Lý và những tác phẩm khác của dòng văn học này. Ở những tác phẩm khác, người ta thấy rõ sự khác biệt hoàn toàn giữa tư liệu và tác phẩm văn học. Không thể phủ nhận tính tư liệu, tính lịch sử của câu chuyện nhưng tác giả đã hư cấu hóa quá nhiều, hình tượng nhân vật quá lý tưởng và xem ra quá nệ vào bút pháp tiểu thuyết trinh thám nước ngoài, nên người đọc sẽ không thấy được đâu là tính chất chân thực của tư liệu, của nhân vật thực và đâu là hư cấu văn học, là nhân vật sáng tạo. Tiểu thuyết *Ông cố vấn* đã tránh được điều đó. Như vậy, cái thành công của tiểu thuyết *Ông cố vấn* là ở chỗ, ngoài khả năng sắp xếp chi tiết, tiểu thuyết hóa tư liệu để trở thành tác phẩm văn học của tác giả, độc giả còn có thể tiếp cận với tiểu thuyết như đang tiếp cận với một mảng lịch sử tình báo trong tổng thể lịch sử kháng chiến chống Mỹ cứu nước hào hùng của dân tộc ta mà sử gia ở đây chính là nhà văn Hữu Mai.

Bằng sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa những tư liệu lịch sử và tiểu thuyết tình báo - phản gián, Hữu Mai đã xây dựng được một nhân vật người

anh hùng cách mạng sáng ngời. Mặt khác, thông qua thủ pháp xây dựng nhân vật theo phong cách đặc trưng của thể loại tiểu thuyết chiến tranh cách mạng, hiện thực khốc liệt của cuộc chiến tình báo đã hiện lên rõ nét trong tác phẩm. Đây chính là những điều mà tác giả muốn hướng tới khi lựa chọn đề tài tình báo - phản gián để làm nguồn cảm hứng xây dựng nên bộ tiểu thuyết *Ông cố vấn.*

Mặc dù tiểu thuyết *Ông cố vấn* là tiểu thuyết tình báo, một bộ phận nhỏ của tiểu thuyết trinh thám, thế nhưng, tiểu thuyết *Ông cố vấn* đã vượt ra ngoài những đặc trưng thể loại của tiểu thuyết trinh thám thế giới. Hình tượng nhân vật chính ở đây tuy hội tụ đầy đủ những đặc tính của nhân vật tình báo là tài năng, khôn khéo, nhanh nhạy, sắc bén nhưng lại rất đời thường, giản dị, mang đầy đủ tính cách của một người chiến sĩ cộng sản chứ không bị điển hình hóa và xa rời thực tế quá mức như trong những tiểu thuyết tình báo - trinh thám phương Tây.

Cùng với *X 30 phá lưới, Ván bài lật ngửa, Nhóm rắn lục, Điệp viên giữa sa mạc lửa… Ông cố vấn* đã từng gây tiếng vang lớn trong dư luận một thời và trở thành bộ tiểu thuyết được độc giả yêu mến, say sưa tìm đọc và được tái bản nhiều lần. Kể từ đó tới nay, mảng tiểu thuyết tình báo trong văn học Việt Nam vẫn là một khoảng lặng… mặc dù đề tài này luôn gây sự tò mò với công chúng trong mọi thời điểm.

Vận dụng phương pháp nghiên cứu loại hình, phân tích tổng hợp và phương pháp so sánh - đối chiếu, chúng tôi đã làm sáng tỏ vấn đề cần trình bày là vị thế của tiểu thuyết *Ông cố vấn* trong thể tài tình báo - một nhánh của đề tài tiểu thuyết chiến tranh hiện đại Việt Nam.

Qua quá trình nghiên cứu chúng tôi cũng nhận thấy bộ tiểu thuyết *Ông cố vấn* vẫn còn một số hạn chế nhất định: cốt truyện phụ thuộc nhiều vào tư liệu và chưa tạo dựng được những đột biến khiến độc giả thán phục. Văn phong của Hữu Mai chưa thực sự sắc lạnh, tỉnh táo như Nguyễn Khải đồng

thời cũng thiếu chất thơ, sự hồn nhiên như Hồ Phương - những nhà văn cùng thời với ông.

Với những ưu điểm và hạn chế trên, chúng tôi hoàn toàn đồng ý với ý kiến của nhà nghiên cứu văn học Lê Quang Trang: "… Đây là tiểu thuyết tình báo… Tác phẩm là một viên gạch góp phần mang lại sự nghiêm túc cao đẹp của thể loại tiểu thuyết tình báo vốn tồn tại và có vị trí xứng đáng trong văn học nói chung…".

Bộ tiểu thuyết tình báo Ông cố vấn của Hữu Mai là đề tài chưa có công trình nghiên cứu nào đánh giá một cách có hệ thống, là "khoảng trống" trong nghiên cứu về thể loại tiểu thuyết tình báo Việt Nam. Trong khuôn khổ của luận văn, chúng tôi chưa thể giải quyết toàn bộ những vấn đề liên quan đến tác phẩm này. Mặt khác, sự hạn chế trong trình độ khoa học của học viên trước một đối tượng nghiên cứu mới khiến luận văn khó tránh khỏi những thiếu xót. Tác giả luận văn rất mong nhận được sự chỉ đạo, góp ý của các nhà khoa học, các nhà nghiên cứu, các thầy cô giáo để công trình tiếp tục được hoàn thiện hơn.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Thị Kiều Anh (2007), *Một chặng đường lý luận về tiểu thuyết trong văn học Việt Nam*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

1. Vũ Tuấn Anh, Bích Thu (2006), *Từ điển tác phẩm văn xuôi Việt Nam* (tập 2), Nxb Giáo dục, Hà Nội.

2. Thái Phan Vàng Anh (2010), Ngôn ngữ trần thuật trong tiểu thuyết Việt Nam đương đại, *Tạp chí Nghiên cứu Văn học*, (số 2), tr. 96-99.

3. Lại Nguyên Ân (1979), Văn xuôi viết về chiến tranh và hình thức sử thi, *Tạp chí Văn nghệ Quân đội*, (số 11), tr. 14-19.

5. Lại Nguyên Ân (2003), *Sống với văn học cùng thời*, in lần thứ hai, Nxb Thanh niên, Hà Nội.

6. Lại Nguyên Ân (2003), Mục từ *Tiểu thuyết* trong cuốn *150 thuật ngữ văn học*, in lần thứ 2 có sửa đổi bổ sung Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, tr. 326.

7. Lại Nguyên Ân, Trần Đình Sử, Lê Ngọc Trà dịch và giới thiệu (1998), *Dẫn luận nghiên cứu văn học*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

8. M. Bakhtin (1992), *Lý luận và thi pháp tiểu thuyết*, Trường Viết văn Nguyễn Du, Hà Nội.

9. M. Bakhtin (1998), Sử thi và tiểu thuyết, *Tạp chí Diễn đàn Văn nghệ Việt Nam*, (số 12), tr. 12-16.

10. Ngô Vĩnh Bình (2011), Văn học về đề tài chiến tranh - thách thức thành công và bài học, *Tạp chí Tuyên giáo*, (số 5), tr. 8-13.

11. Ngô Vĩnh Bình (2003), Văn học về đề tài chiến tranh thách thức và hi vọng, *Tạp chí Văn nghệ Quân đội*, (số 588), tr. 11-14.

12. Trường Chinh (1974), *Chủ nghĩa Mác và văn hóa Việt Nam*¸ Nxb Sự thật, Hà Nội.

13. Hồng Chương (1962), *Phương pháp sáng tác trong văn học nghệ thuật*, Nxb Văn học, Hà Nội.

14. Hồng Chương (1978), M. Gorki và Việt Nam, *Tạp chí Văn học*, (số 3), tr. 5-8.

15. Trần Cư (1967), Vài ý kiến về nhân vật anh hùng và con người bình thường, *Tạp chí Văn học* (số 8), tr. 9-13.

16. Đinh Xuân Dũng (1966), Tìm hiểu lại luận điểm Gorki "thời đại anh hùng đòi hỏi nghệ thuật anh hùng", *Tạp chí Văn học*, (số 11), tr. 3-6.

17. Đinh Xuân Dũng (1976), Chiều rộng và chiều sâu của tiểu thuyết những năm chống Mỹ cứu nước, *Tạp chí Văn học* (số 4), tr. 7-11.

18. Đinh Xuân Dũng (1990), *Hiện thực chiến tranh và sáng tạo văn học*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.

19. Đinh Xuân Dũng (1997), *Cảm nhận về bước phát triển của mảng văn học "vì an ninh Tổ quốc và bình yên cuộc sống*, trích trong *Sáng tác về đề tài an ninh - trật tự, lợi thế và chướng ngại. Kỷ yếu hội thảo về đề tài Vì an ninh Tổ quốc và bình yên cuộc sống lần thứ 2* - Chi hội Nhà văn Công an, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

20. Trần Trọng Đăng Đàn (1972), Bàn về đề tài và chủ đề trong tiểu thuyết hiện đại của chúng ta, *Tạp chí Văn học*, (số 3), tr. 11 - 14.

21. Phan Cự Đệ (1971), Hiện thực lý tưởng và hiện thực lãng mạn trong tiểu thuyết Việt Nam hiện đại, *Tạp chí Văn học*, (số 4), tr. 3-6.

22. Phan Cự Đệ (1975), *Tiểu thuyết Việt Nam hiện đại*, Nxb Đại học & Trung học chuyên nghiệp, Hà Nội.

23. Phan Cự Đệ (2001), Mấy vấn đề phương pháp lý luận khi nghiên cứu thể loại tiểu thuyết, *Tạp chí Văn nghệ Quân đội*, (số 2), tr. 11-14.

24. Phan Cự Đệ (2003), Tiểu thuyết sử thi trong thế kỷ XX, *Tạp chí Nhà văn*, (số 4), tr. 5-9.

25. Phan Cự Đệ chủ biên (2005), *Văn học Việt Nam thế kỷ XX*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

26. Trịnh Bá Đĩnh (2002), *Chủ nghĩa cấu trúc và văn học*, Nxb Văn học - Trung tâm nghiên cứu Quốc học, Hà Nội.

27. Hà Minh Đức (2000), *Chặng đường mới của văn học Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

28. Hà Minh Đức chủ biên (2007), *Lý luận văn học* (tái bản lần thứ 11), Nxb Văn Học, Hà Nội.

29. Lại Giang (1968), Vai trò sáng tạo của người viết khi thể hiện các nhân vật anh hùng, *Tạp chí Văn học*, (số 11), tr 6-8.

30. Nguyễn Hải Hà & Nguyễn Thị Bình (1995), *Quan niệm nghệ thuật về con người trong văn xuôi Việt Nam sau Cách mạng tháng Tám*, Chương trình KX.07, Hà Nội.

31. Trần Thanh Hà (2010), *Nhận diện tiểu thuyết trinh thám Việt Nam,* luận văn Thạc sĩ Ngữ văn, ĐH KHXH ĐH Quốc gia Hà Nội.

32. Đoàn Đức Hải (2010), Nghiên cứu các yếu tố loại hình cơ bản trong cấu trúc tiểu thuyết "Thung lũng Cô Tan" của Lê Phương, *Tạp chí Khoa học và công nghệ, Đại học Đà Nẵng*, (Số 4), tr. 39-43.

33. Lê Thị Đức Hạnh (1992), *Mấy vấn đề trong văn học Việt Nam hiện đại*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

34. Nguyễn Đức Hạnh (2003), Loại hình tiểu thuyết "thử thách nhân vật" trong văn xuôi Việt Nam 1945 - 1975, *Tạp chí Văn học*, (số 6), tr 11-15.

35. Nguyễn Đức Hạnh (2007), *Tiểu thuyết Việt Nam thời kỳ 1965 - 1975 nhìn từ góc độ thể loại*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

36. Hê Ghen (1999), *Mỹ học*, Tập 2, Nxb Văn học, Hà Nội.

37. Phạm Ngọc Hiền (2004), Vận dụng lý thuyết mỹ học Hegel để tìm hiểu hoàn cảnh ra đời của nền văn học sử thi Việt Nam 1945 - 1975, *Tạp chí Văn học*, (số 11), tr. 15-19.

38. Phạm Ngọc Hiền (2010), *Tiểu thuyết Việt Nam 1945-1975* (Tiểu thuyết cách mạng xuất bản ở miền Bắc), Nxb Văn học, Tp. HCM.

39. Tô Hoài (1972), Suy nghĩ về hình thức truyện dài Việt Nam, *Tạp chí Văn học* (số 3), tr. 5-8.

40. Hoàng Mạnh Hùng (2001), Mấy đặc điểm trong nghệ thuật của tiểu thuyết Việt Nam hiện đại giai đoạn 1945 – 1975, *Tạp chí Diễn đàn Văn nghệ Việt Nam*, (số 2), tr. 17-19.

41. Hoàng Mạnh Hùng (2003), Các sắc thái giọng điệu trong tiểu thuyết sử thi Việt Nam, *Tạp chí Văn học*, (số 3), tr. 14-18.

42. Hoàng Mạnh Hùng (2008), Về sử thi và tiểu thuyết sử thi hiện đại ở Việt Nam, *Tạp chí Văn học*, (số 6), tr 7-11.

43. Châu Minh Hùng (2005), *Cuộc tìm kiếm hình thức đa thanh mới của văn xuôi hiện đại qua tổ chức truyện của Nguyễn Huy Thiệp*.

44. M. Khrapchenkô (1978), *Cá tính sáng tạo của nhà văn và sự phát triển văn học* (Lê Sơn, Nguyễn Minh dịch). Nxb Tác phẩm mới, Hà Nội, tr. 190

45. Vũ Khiêu (1967), Về khái niệm chủ nghĩa anh hùng cách mạng, *Tạp chí Văn học* (số 5), tr. 4-7.

46. Lê Đình Ky (1967), Một số vấn đề đáng quan tâm trong việc thể hiện nhân vật anh hùng, *Tạp chí Văn học*, (số 9), tr. 9-12.

47. Tôn Phương Lan (2006), *Một cách nhìn về đổi mới tiểu thuyết chiến tranh*, Website Viện Văn học.

48. Phong Lê (2009), Phác thảo mối quan hệ văn học Xô Viết và văn học Việt Nam thế kỷ XX, *Tạp chí Văn học*, (số 6), tr 9-26.

49. Nguyễn Văn Long (2002), *Văn học Việt Nam trong thời đại mới*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

50. Nguyễn Văn Long (2003), *Tiếp cận và đánh giá văn học Việt Nam sau Cách mạng tháng Tám*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

51. Nguyễn Văn Long (2003), *Tiếp cận và đánh giá văn học Việt Nam sau Cách mạng tháng Tám*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

52. Nguyễn Văn Lưu (1997), *Nâng cao tính văn học của đề tài an ninh*, trích trong *Sáng tác về đề tài an ninh - trật tự, lợi thế và chướng ngại. Kỷ yếu hội thảo về đề tài Vì an ninh tổ quốc và bình yên cuộc sống lần thứ 2*, Chi hội Nhà văn Công an, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

53. Trường Lưu (1999), Mấy đặc điểm của văn học những năm kháng chiến chống Mỹ, *Tạp chí Văn nghệ Quân đội*, (số 9), tr. 21-24.

54. Phương Lựu (1970), Phương pháp hiện thực xã hội chủ nghĩa đòi hỏi điển hình hóa cao độ, *Tạp chí Văn học*, (số 5), tr. 13-16.

55. Phương Lựu chủ biên (1997), *Lý luận văn học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

56. Nguyễn Đăng Mạnh (1983), *Nhà văn - tư tưởng - phong cách*, Nxb Văn học, Hà Nội.

57. Hồ Chí Minh (1971), *Về công tác văn hóa văn nghệ*, Nxb Sự thật, Hà Nội.

58. Hồ Chí Minh (1947), *Sửa đổi lối làm việc*, Sự Thật.

59. M.AR. NAU.ĐỐP (1978), *Tâm lý học sáng tạo văn học*, Nxb Văn học, Hà Nội.

60. Lê Thành Nghị (1995), Tiểu thuyết về chiến tranh, mấy ý nghĩ góp bàn, *Tạp chí Văn nghệ Quân đội*, (số 7), tr 17-20.

61. Vương Trí Nhàn (1985), Mấy đặc điểm của tiểu thuyết nhìn từ góc độ lịch sử, *Tạp chí Văn nghệ Quân đội*, (số 7), tr. 10-13.

62. Trần Thị Mai Nhân (2007), *Quan niệm về tiểu thuyết trong văn học Việt Nam giai đoạn 1986 - 2000, Tạp chí Nghiên cứu văn học* (số 7), tr. 57-62.

63. Nhiều tác giả (1997), *Sáng tác về đề tài an ninh - trật tự, lợi thế và chướng ngại. Kỷ yếu hội thảo về đề tài Vì an ninh tổ quốc và bình yên cuộc sống lần thứ 2* - Chi hội Nhà văn Công an, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội, tr.30.

64. Nhiều tác giả (2001), *Nhà xuất bản công an nhân dân 20 năm phục vụ nhiệm vụ bảo vệ an ninh trật tự*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội, tr.26.

65. Nhiều tác giả (2001), *Nhà xuất bản công an nhân dân 20 năm phục vụ nhiệm vụ bảo vệ an ninh trật tự*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội, tr.102.

66. Mai Thị Nhung (2006), *Phong cách nghệ thuật Tô Hoài*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

67. Mai Hải Oanh (2007), Nghệ thuật tổ chức điểm nhìn trong tiểu thuyết Việt Nam thời kỳ đổi mới, *Tạp chí Nghiên cứu văn học* (số 10), tr. 112-116.

68. Trịnh Sâm, *Tiêu đề văn bản tiếng Việt*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, *tr.5.*

69. Trần Đình Sử (1998), *Giáo trình dẫn luận thi pháp học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

70. Trần Đình Sử (2002), Lý thuyết Các nền văn hóa của Bakhtin và tư duy tiểu thuyết hiện đại, *Tạp chí Diễn đàn văn nghệ Việt Nam*¸số 12.

71. Trần Đình Sử Lê Bá Hán, Nguyễn Khắc Phi (1992), *Từ điển thuật ngữ văn học,* Nxb. Giáo dục, Hà Nội, tr.91.

72. Andrew Taylor, *Cốt truyện - cửa ải gian khó của nhà văn* http://vietvan.vn/vi/bvct/id18/Cot-truyen---cua-ai-gian-kho-cua-nha-van/

73. Nguyễn Bích Thu (2006), Một cách tiếp cận tiểu thuyết Việt Nam thời kỳ đổi mới, *Tạp chí dạy và học ngày nay,* (số 11), tr. 15-19.

74. Đinh Quang Tốn (2004), *Ấn tượng văn chương*¸ Nxb Hội Nhà văn, Hà Nội.

75. Lê Quang Trang (1996), *Dọc đường văn học,* Nxb Văn học, Hà Nội.

76. Phát biểu của Hữu Mai trong cuốn *Nhà văn Việt Nam hiện đại,* Nxb Hội Nhà văn, H.1997, tr. 416.